Số 6
tháng 12, 1917

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LUẬN-THUYẾT

THÁNH-DỤ

truyền cho quan dân trong nước phải chăm về đường lập-ngôn chước-thuật

Bản-báo lấy lòng chí-thành chí-cẩn đốt hương mà phụng-dịch bài Thánh-dụ sau này, để công-bố cho cả đồng-bào ta trong Nam ngoài Bắc, trên quan dưới dân, đều được biết mà vâng theo những nhời vàng ngọc của đức Hoàng-thượng ta.

Thánh-dụ rằng :

Bậc nhân-quân không lẽ cầm quyền độc-đoán, phải hỏi-han cho rõ đạo lành ; kẻ nhân-thần đã có trí rộng suy, nên thể tật mà bày lòng thật.

Trẫm hiềm đức mọn, kẻ chịu nghiệp giời ; từ khi lên ngôi, lo bề phụ-hạ. Dẫu tả-hữu cũng nhiều tay khuông-phụ, đã nhờ phen làm về làm vai ; nhưng giang-hồ còn lắm kẻ kinh-luân, ước sao được rộng tai rộng mắt. Vả lại chiều theo các nước quân-chủ văn-minh, thường thấy những người giỏi trong nước, tuy không có quan-chức gì mà cũng nghiên-cứu về đường cách-trí hóa-học, làm sách để dạy đời, hoặc là lấy đạo hiếu, để, trung, tín, luận bàn trong báo mà khuyên nhủ người dân, theo cho được phương-trâm khai-hóa, quyết giật tay lên chốn vũ-đài, không hề quên chủ-nghĩa tôn-thân, nên nổi tiếng ở trong hoàn-hải. Người giỏi nước ta, tưởng chừng chẳng hiềm, lẽ nào chịu kém người ru ?

Kia ! những kẻ ăn không ngồi rồi, thánh-nhân lấy làm ghét. Vì là ở đời phải lập nên công-nghiệp, làm người ai cũng có quân-thân. Những kẻ lê-thứ còn nên như thế, huống chi là các bậc hưu-quan, chịu ân-đức của Triều-đình đã lâu, lẽ nào không gắng sức mà phù-trì lấy thế-đạo hay sao ? Dẫu lui ở chốn cửa Hành nước Bí, mà mở mang văn-hóa của Triều-đình, thì đến những nơi hang lạnh núi sâu cũng đầm thấm khí hòa trong vũ-trụ ; thế cũng là giúp được việc chính-trị trong nước, lọ phải thế nào mới gọi là chính-trị nữa ru ?

Hỡi các ngươi ! hoặc lấy hèn mọn mà cam bề ẩn-khuất ; hoặc giữ qui-lệ mà riêng thú điền-viên ; hoặc nhân nghèo làm quan, không chịu hết lòng vì nước ; hoặc lỗi thời chưa hợp, không được phỉ chí đua tài. Ấy chẳng qua cảnh-ngộ bức người, tưởng không phải có lòng lười trễ. Than ôi ! vắng tay Dương-Ỷ, đã đành tiếc phú *Lăng-vân* ; có mặt Chung-Kỳ, chi nỡ thẹn đàn *Lưu-thủy* ?

Hiểu cho các ngươi hưu-quan, kinh-ngoại cho chí Bắc-kỳ, hễ ai tự thủa sinh-bình, sẵn tài kinh-tế, chuẩn cho tỉnh nghĩ phương-lược, làm thế nào cho dân được giàu thịnh, nước được văn-minh, của nước dồi-dào, giao-lân hòa mục, để vui về đón lấy cái hạnh-phúc lâu dài ; và phàm có nghề gì, nghiệp gì, làm ích-lợi về sự gì, hay là làm ra sách gì, có phương-trâm, có yêu-điểm, để dạy bảo dân ta, hậu-sinh lợi-dụng ; chuẩn cho dưng bày phương-sách, xem thử tài năng, nếu quả là hợp thời, rồi sẽ ban thưởng ban quan cho xứng đáng. Trẫm chẳng dối đâu !

Chuẩn thông-lục cho ai nấy đều biết.

Ngày 18 tháng 9 năm Khải-định thứ hai.

* * *

Hoàng-thượng từ khi đăng-cực đã từng nhiều lần tỏ lòng thương-yêu đến dân Nam-Việt ta, muốn hiệp sức với Chính-phủ Bảo-hộ để khai-hóa cho nhân-dân, khiến cho mỗi ngày một tân-tới, chóng bước lên đường văn-minh tiến-hóa. Cứ xem cái thái-độ của Hoàng-thượng đối với sự học-vấn tư-tưởng mới, đối với những việc cải-lương quan-hệ đến xã-hội phong-tục dân ta, — như vừa rồi việc tuyên luật mới cho xứ Bắc-kỳ — thì biết Hoàng-thượng ta thực đã thâm-hiểu cái thiên-chức của đứng Quân-chủ trong thế-giới văn-minh ngày nay.

Nay Hoàng-thượng lại xuống tờ Thánh-dụ để khuyến-lệ các bậc hưu-quan cùng những kẻ sĩ-nhân trong nước, không quản kẻ sang người hèn, kẻ giàu người nghèo, ai có tài có trí, nên hết sức chăm về đường lập-ngôn chước-thuật, làm sách soạn báo, mưu bầy những điều hay, bàn-bạc những nhẽ phải, để giúp cho cái công khai-hóa của Triều-đình cùng Nhà-nước

Bảo-hộ ; thực là Hoàng-thượng rất mực chăm nom, ngày đêm săn sóc đến lũ dân hèn, mong cho mỗi ngày sáng-suốt, khôn-ngoan, tài-giỏi, để chiếm lấy địa-vị trong trường sinh-hoạt. Hoàng-thượng biết rằng ở đời đua tranh nhau bằng tay bằng óc này, nước có mạnh dân có khôn thời mới có thể sinh-tồn được. Nay nước ta dân ta nhờ ơn Đại-Pháp bảo-hộ được yên-ổn ở ngoài, trị-bình ở trong, trên hưởng phúc văn-minh, dưới an-cư lạc-nghiệp ; há chẳng nên chăm đường học-hành tiến-thủ cho trí dân càng ngày càng khôn, thế nước càng ngày càng mạnh hay sao ?

Bởi thế nên Hoàng-thượng kích-khuyên những bọn thượng-lưu trí-thức trong nước — nhất là những bậc hữu-quan đã trọn nghĩa-vụ trị dân giúp nước, mà nay được hưởng thú thanh-nhàn — nên làm sách làm vở, mở báo-quán, lập văn-đàn, để công-bố những ý-kiến hay, tư-tưởng lạ, có thể giúp cho cuộc văn-minh tiến-hóa. Phàm sự-nghiệp có lợi cho nhân-dân, bổ-ích cho việc khai-hóa, Hoàng-thượng đã hứa sẽ chú-ý xem xét mà ra ân thưởng cho những kẻ tài-năng biết bàn-bạc thi-thố hợp thời. Như thế thì cả quốc-dân ta, người đường trong, kẻ đường ngoài, người quan-trước, kẻ thường dân, há lại chẳng nên thể bụng đứng Quân-vương mà hăm hở đua nhau dong-duổi trên đàn văn-chương, vẫy-vùng trong bể ngôn-luận ru ?

Bọn ta sinh trong buổi giao-thời, phải nên bảo-tồn lấy nền văn-hóa cũ trong nước, mà thâu-nhặt lấy vẻ văn-minh mới thời nay. Muốn bảo-tồn nền văn-hóa cũ, nên duy-trì lấy đạo luân-thường trong quốc-dân : đầu luân-thường là nghĩa tôn-quân. *Nay được gặp đứng Kim-Thượng trí cao dạ cả, ngày đêm mưu sự hạnh-phúc cho lũ ta, ta nên hết lòng thờ vua, giốc bụng yêu nước, vì vua là cái hình-ảnh thiêng liêng của tổ-quốc đó. — Muốn thâu-nhặt vẻ văn-minh mới, nên theo đòi nền học-thuật của thế-giới : biểu học-thuật ấy là Đại-Pháp ân-quốc ta vậy. Ta được ân-quốc bảo-hộ cho, đưa giắt lên đường tiến-bộ, nên hết dạ trung-thành với nhà nước Đại-Pháp, chăm chỉ về đường học-hành tiến-thủ, mai sau tất có ngày được đền công bội-phần.*

Bản-báo từ khi xuất-hiện đến giờ vẫn giữ một chủ-nghĩa, theo một tôn-chỉ như thế. Duy-trì đạo luân-thường cũ, mở-mang nền học-thuật mới, đó là cái chương-trình của bản-báo vậy.

Nay lại thấy nhời Thánh-dụ cũng đề-xướng một cái chương-trình như thế, bản-báo thực là lấy làm vinh-hạnh vô cùng vì đã sớm biết thể cái bụng hoài-bão to-tát của Hoàng-thượng ta được chút đỉnh vậy.

Từ nay xin hết lòng hết sức theo đuổi một cái chương-trình ấy, chắc rằng trên cao đã có đứng Minh-quân soi xét vậy.

PHẠM QUỲNH *cẩn chí.*

NGHĨA-VỤ NHÀ LÀM BÁO

« Soyez des éducateurs: De qui ? De tous ! De l'opinion « publique qui doit recevoir de vous ses directions, ses inspi- « rations, ses objets d'études, ses sujets de méditations...

« C'est à vous qu'il appartient d'accorder tout le monde en « parlant à cette opinion publique des problèmes qu'elle doit « connaître, des éventualités qu'elle doit envisager, des trans- « formations auxquelles il faut s'attendre dans la vie générale « et sociale d'un pays qui ne peut vraiment prétendre à l'éter- « nelle immobilité au milieu des mouvements qui, tout autour « de lui, agitent l'humanité entière....

« Un journal ! une plume ! quels prodigieux leviers de for- « ce !... »

* * *

« Các ông phải tự coi mình là nhà giáo-dục. Giáo dục « cho ai ? Giáo-dục cho khắp mọi người. Giáo-dục cho cái « dư-luận trong nước, nhờ các ông mà biết đường-lối « nên theo, biết công-việc nên làm, biết cái tư-tưởng nên « nghiền-ngẫm suy-xét...

« ... Cái trách-nhiệm của các ông là phải điều-hòa được « mọi người, công-cáo cho dư-luận trong nước biết những « vấn-đề nên biết, những việc có thể sảy ra sau này mà « cần phải liệu trước, những sự biến-cách tất có ngày « sinh ra trong cuộc sinh-hoạt, nền xã-hội một dân như « dân xứ này, sống ở thời-đại cả nhân-loại đều biến- « động không thể đứng im mãi như xưa được...

« Một tờ báo ! Một ngọn bút ! Còn cái nguyên-động-lực « nào mạnh bằng !... »

(Nhời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Albert Sarraut).

Bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Xa-lộ đại-nhân ở hội các báo-quán Nam-kỳ ngày tháng mười trước, thực là cái khuôn vàng thước ngọc cho các nhà làm báo trong xứ này. Kỳ trước bản-báo đã dịch toàn-văn trong mục *Thời-đàm* [1], định đến kỳ này giải kỹ những ý-kiến hay, tư-tưởng cao của quan Toàn-quyền, mà nhân bàn rộng đến cái nghĩa-vụ nhà làm báo ở nước Nam ta ngày nay.

Quan Toàn-quyền ngài bình-sinh là một tay làm báo có tiếng bên quí-quốc, nên ngài vẫn có cảm-tình riêng với các nhà báo. Ngài yêu mến nghề báo vô cùng, yêu đến mê, đến sùng, coi là một nghề tuyệt-phẩm ở đời. Suốt bài diễn-thuyết của ngài tức là một bài ca ngợi khen công-đức nghề

(1) Xem *Nam-Phong*, số 5, trang 340-346.

làm báo. Vậy thì nghề báo có cái nghĩa thâm-trầm, cái thú cao-thượng thế nào mà cầm được một bậc đại-trí như thế ?

Cái thú cao-thượng, cái nghĩa thâm-trầm ấy, ngài đã giải ra trong mấy nhời hùng-hồn như sau này. Ngài nói :

« Một tờ báo ! một ngọn bút ! Còn cái nguyên-động-lực nào mạnh bằng ! Người ta ở đời như đứng trong cái xưởng sinh-hoạt nhớn, nhân-loại đương cố công cùng sức mà tiến lên cõi Công-lý là cái nơi ai ai cũng nhiệt-tâm mong mỏi cho tới đến được, như thế mà mình được đem dùng cái nguyên-động-lực kia để giúp cho cái lòng hi-vọng này, thì trần-gian còn sự khoái-lạc nào bằng ! Trong khi nhân-loại tiến lên như thế để cầu lấy sự thực sự hay, thì những tư-tưởng này, chủ-nghĩa kia khởi lên bời-bời, tranh nhau kịch-liệt, mình đứng giữa mà biểu-dương ra cái lý-tưởng nào là cái lý-tưởng chân-chính, cái lý-tưởng khá sáng-tạo được những sự-nghiệp hay, đem phô-bày ra cho mọi người biết, đem ban-bố trong công-chúng, lấy mà kích-thích tinh-thần người ta, chiêu-diệu tâm-trí người ta, tự coi mình như người lính thổi kèn để truyền sự thực, báo tin lành, tự coi mình như người quân tiên-phong tay cầm đuốc để chiếu sáng vào trong đám người u-âm sầu khổ, để soi đường cho cái Công-lý nó sắp đến ; còn cái nhiệm-vụ nào đẹp bằng, còn cái phẩm-giá nào cao bằng, mà đáng cho một đời người nên tận-tụy vì đấy ! Không những thế, trong cái công-việc hằng ngày, trong sự chiến-đấu hằng giờ, để bênh cho cái lợi-quyền người ta phạm-hại, giữ cho cái tự-do người ta giày xéo, biểu cái công-đức người ta không biết đền, cáo những sự tệ-lạm của kẻ gian-phạm, thiên-hạ đều sợ hãi không ai dám nói, mà một mình mình nói to lên cho ai ai cũng biết, mình là cái nhời ngôn-luận tự-do, mình là cái lương-tâm không chịu khuất-nhục, đối với cái cường-quyền nó áp-chế người ta, để bênh-vực cho kẻ công-chúng, cho kẻ nghèo hèn, cho kẻ bị áp-ức khốn-khổ, tựa-hồ như mình là người võ-sĩ của cái Công-lý, nghiễm-nhiên là một cái quyền-thế đối với cái quyền-thế của kẻ có quyền, còn cái thiên-chức nào hay bằng, quảng-đại bằng, tôi thử hỏi một đời người còn cái mục-đích nào cao-thượng bằng cái mục-đích ấy nữa không ? » (1)

(1) « Un journal ! Une plume ! Quels prodigieux leviers de force, et quelle ivresse de les manier sur ce vaste chantier de la vie, où, dans la souffrance eternelle et sublime de l'humanité en effort de progrès, s'édifie peu à peu la cité de justice rêvée par l'ardente foi que chacun de nous porte en lui ! Dans la recherche du vrai et du bien poursuivie sans cesse par la multitude humaine, du choc passionné des doctrines et du tumulte confus des pensées, arriver à dégager l'Idée, l'Idée féconde, l'Idée créatrice, la tendre à tous, la répandre parmi les foules, en émouvoir les âmes, en illuminer les esprits, être le héraut claironnant des vérités, le messager de la bonne nouvelle, le courrier d'avant-garde dont le bras porteur de la torche, parmi les remous des masses angoissées et obscures, fraie passage à la Justice qui va venir, quel beau rôle, et quelle dignité proposée aux desseins d'une existence ! Et encore dans la tâche de chaque jour, dans le combat de chaque heure pour la défense d'un droit qu'on lèse, la protection d'une liberté qu'on meurtrit, la sauvegarde d'un mérite qu'on piétine, le redressement d'un abus que l'on commet, élever dans le silence apeuré des voix qui se taisent, la voix haroie qui parle haut ; crier, en présence des forces d'oppression, la révolte de la parole libre et la protestation vaillante de la conscience, être enfin au nom de la foule, au nom des humbles, des malheureux, le champion permanent du Droit, et un Pouvoir en face du Pouvoir, quelle mission généreuse, n'est-il pas vrai, et quel plus noble but peut-on assigner à sa vie ? »

Quan Toàn-quyền đã cực-tả cái thiên-chức của nhà làm báo như thế, thực là hết nhời hết ý, không còn thể nào nói thêm cho bằng được nữa. Cứ mấy nhời ấy mà suy thì biết nghề báo trọng là dường nào, mà cái thế-lực của nhà báo mạnh biết bao nhiêu ! Thế-lực ấy đủ chuyển-dịch được lòng người, thay-đổi được cục-diện, rèn-đúc uôn-nắn được cái vật vô-hình vô-trạng gọi là cái *Dư-luận* vậy.

Bởi đâu mà nhà báo có cái thế-lực như thế ? Bởi nhà báo vừa biểu được mà lại vừa gây nên mối dư-luận trong một nước. Ai nói đến báo là nói đến dư-luận, ai hỏi đến dư-luận là tìm đến báo, báo với dư-luận, dư-luận với báo hai cái là lẫn lót, là hình-ảnh cho nhau, hai cái là tinh-thần hình-thức của nhau vậy. Vậy thì dư-luận là cái gì ? Lấy nhời giản-dị mà giải thì dư-luận là ý-kiến chung của nhiều người, là cái tư-tưởng của công-chúng. Cứ lấy ý-kiến riêng của mỗi người thì dù hay dù phải đến đâu, cái hiệu-lực cũng là có hạn mà thôi ; họp ý-kiến của nhiều người thì dù sai dù nhầm đến đâu cái hiệu-lực cũng có thể tăng đến vô-cùng vậy. Chúng bao giờ vẫn có thể mạnh, dù khi cuồng dại cũng là mạnh hơn « cá-nhân ».[1] Bởi thế nên từ xưa đến nay các bậc đế-vương mưu việc trị-bình trong thiên-hạ đều vụ lấy được lòng dân làm cốt nhất ; được lòng dân tức là thu được cái thế mạnh của công-chúng. Xưa gọi « lòng dân », tức nay gọi là « dư-luận », chỉ khác xưa người dân còn thuần-phác, bằng cả ở cái đức hóa của các bậc đế-vương, chỉ biết đem tấm lòng tin mà qui-phục ; nay dân trí đã mở mang, biết lấy sự suy-nghĩ mà bàn xét những nhẽ phải-chăng, điều lợi-hại trong nhân-đoàn. Nhưng dù là « dân tâm », dù là « dư-luận », tên có khác mà sự thực cũng là một, đều là chỉ cái sức mạnh vô-hình của phần nhiều người trong một nước. Cái sức mạnh ấy xưa thuộc về tiêu-cực, mà nay bởi nhẽ tiến-hóa dần-dần chuyển ra tích-cực. Còn thuộc về tiêu-cực thì phải tùy ở một bọn số ít có quyền chủ-trương đốc-trách, đã chuyển ra tích-cực thì tất có tư-cách suy xét mọi việc mà giám-đốc được cả cái phần số ít kia.

Bởi thế nên trong thời-đại này cái thế-lực của dư-luận đã bành-trướng ra vô cùng, khiến cho có người đã gọi là cái « thời-đại riêng của dư-luận ». Lắm nước như nước Pháp nước Anh, dư-luận thực là giữ quyền chúa-tể trong nước, chi-phối cả mọi việc thuộc về chính-trị, xã-hội, vân vân.

Nhưng cái sức mạnh như thế mà để phó mặc cho một mình, không đoàn-luyện, không tổ-chức, không đặt cho có phương-trâm, có định-hướng, thì chẳng qua cũng là cái sức hỗn-độn, vô-tri vô-giác, thế sao mà giúp được cho cái trị-thuật trong nhân-quần ? Không những không giúp được mà có khi lại sinh ra những sự biến-loạn, hại đến cuộc trị-bình. Cái công đoàn-luyện, tổ-chức, đặt phương định hướng cho dư-luận ấy là thuộc về ai ?

(1) « Cá-nhân » (individu), là chỉ mỗi người một, đối với công-chúng là gồm nhiều người.

Tức là công của các nhà báo vậy.

Lấy cái sức của dư-luận mà rèn-đúc cho dư-luận, khiến cho không tán-mạn đi mất mà thành một khối bền-chặt, giúp được cho cuộc sinh-hoạt chung của một dân một nước, đó là cái nhiệm-vụ tối cao của các nhà làm báo. Báo bởi dư-luận mà thành ra, mới có sức biến-hóa được dư-luận: cho hay dư-luận cũng như chất kim-cương, chỉ có mình mới giũa được mình vậy.

Như thế thì báo vừa biểu được dư-luận mà lại vừa gây nên dư-luận, cái thế-lực trong một dân một nước lại chẳng to-tát lắm rư? Bởi thế nên quan Toàn-quyền nói ngọn bút tờ báo là hai cái nguyên-động-lực rất mạnh, khá lấy mà biến-hóa được các dân-quần xã-hội, không phải là nói quá vậy. Bởi thế nên ngài lấy những nhời hùng-tráng mà tả cái khoái-lạc tuyệt-trần của con nhà làm báo trong những lúc đua-tranh gắng-gỏi, khi vẻ-vang, khi sầu-khổ, không phải là vẽ cho ta mơ màng một cái cảnh bồng-tiên không thực vậy.

Cảnh ấy quả có thực, nhưng chỉ riêng để cho những người nhiệt-thành về nghề báo, coi nghề báo là một thiên-chức rất cao, mà tận-tâm tận-lực làm cho trọn cái thiên-chức ấy.

Ấy nghề báo có cái nghĩa cao, cái thú lạ, cái sức mạnh như thế. Vậy nên dùng thế nào cho phải đường, cho được thực ích-lợi? Như xét riêng về nước ta thì nhà làm báo ở nước Nam ngày nay phải làm thế nào cho xứng-đáng cái nghĩa-vụ của mình?

Quan Toàn-quyền khuyên các nhà báo nên tự nhiệm cái trách giáo-dục cho dư-luận trong nước. Như trên kia đã nói cái thế-lực của dư-luận mạnh là dường nào, thì đủ biết công giáo-dục ấy không phải là không quan-trọng. Nhưng nước ta xưa nay chưa từng có dư-luận bao giờ, hoặc là cái dư-luận chưa thành hình. Vậy ta phải gây lấy một nền dư-luận trước đã. Việc đó không phải là việc dễ. Dân ta đương vào buổi dở-dang, mới cũ giao nhau, khó lòng mà biết được cái ý-kiến chung của quốc-dân thế nào. Phàm những vấn-đề quan-trọng ngày nay, thuộc về chính-trị, giáo-dục, kinh-tế, xã-hội, mỗi người xét ra một cách, mỗi người hiểu ra một đường, mà phần nhiều người thì hãy còn mang-nhiên chưa giải đầu đuôi ra làm sao. Ấy là nói bọn thượng-lưu trí-thức, không kể những bậc trung-lưu hạ-lưu, cái trình-độ lại còn kém nữa. Như thế mà muốn hội ý-kiến của phần nhiều người để gây thành một mối dư-luận chung có thế-lực trong nước, có thể ảnh-hưởng đến các công-việc nhớn để khuynh-hướng về một đường nào, thì thực là khó thay!

Tuy vậy nếu biết thi-thố cho phải đường, cũng có thể thành được. Cốt nhất là nhà báo phải lập một cái chương-trình phân-minh, một cái

chủ-nghĩa nhất-định, rồi cứ thi-hành cái công « giáo-dục » theo một chương-trình, một chủ-nghĩa ấy. Đương buổi quốc-dân còn phân-vân chưa biết theo đường nào là phải, ta nên suy xét trước sau mà quyết-định lấy một cái đường lối chính đáng, cứ thẳng mà đi, không hề thay đổi. Phàm lập-ngôn khởi-luận cũng cứ theo một đường ấy, khiến cho quốc-dân hằng phải chú-ý vào đấy, rồi tất có ngày khuynh-hướng mà theo vào với ta. Như thế dần dần gây lên một cái tư-trào, trước nhỏ sau nhớn, gồm cả những người cùng một ý-kiến, cùng một tư-tưởng như mình, tức là nhóm thành một nền dư-luận về sau vậy. Đến khi cái dư-luận ấy đã đủ có thế-lực thì bấy giờ mới có thể mong ảnh-hưởng đến cuộc sinh-hoạt trong nước, mà giúp cho thực-hành được những sự-nghiệp hay.

Nhưng hiện nay dư-luận chưa thành, trách-nhiệm của nhà làm báo, lại càng trọng lắm nữa. Buổi này mới là buổi nên hết sức thi-hành cái công giáo-dục như quan Toàn-quyền đã khuyên bọn ta trong bài diễn-thuyết.

Dân An-nam ngày nay thực là đương gặp một cái cảnh-ngộ đặc-biệt. Vốn là một dân cổ, từ xưa vẫn có một nền văn-minh học-thuật riêng, đủ sinh-trưởng phát-đạt trong một cuộc lịch-sử mấy nghìn năm ; hốt-nhiên phải ra đối-đãi với một thế-giới mới, xưa nay chưa từng biết bao giờ, thành ra mang-nhiên không hiểu một tí gì, nhất-thiết phải học cả, như người học-trò mới vào trường. May nhờ có nhà nước Đại-Pháp sang bảo-hộ, đã phá đường mở lối cho lúc băn đầu, nên nay đã ràng rạng biết một đôi chút. Nhưng chẳng qua cũng mới có một phần ít người là được hưởng cái công giáo-hóa của Nhà-nước mà thôi. Còn phần nhiều người trong quốc-dân, trình-độ hãy còn kém lắm, chưa hiểu được chính-sách của Nhà-nước, chưa biết những việc ích-lợi Nhà-nước trù-tính mưu-toan cho xứ ta. Vậy thì cái nhiệm-vụ tối-thiết của các nhà báo là phải làm người đứng giữa mà giải bày ban-bố những mưu hay chước phải của Nhà nước cho phần nhiều người ấy được biết, cùng thay mặt quốc-dân mà trình bày cho Nhà-nước rõ cái chân-tình trong nước và những điều sở-nguyện của người dân. Nếu các nhà báo biết khéo điều-hòa trên dưới mà làm trọn được cái nhiệm-vụ ấy thì cái công giúp cho việc chính-trị không phải là nhỏ vậy.

Các nhà báo không những là có thể giúp cho việc chính-trị ngay bây giờ, mà lại còn có thể mở đường cho việc chính-trị về sau nữa. Bởi sao vậy ? Quan Toàn-quyền đã nói dân ta là một dân đương biến-cải, mỗi ngày tất một khác, mỗi ngày tất xuất-hiện ra những vấn-đề mới cần phải giải-quyết cho xuôi. Nhưng nếu đợi cho đến khi những vấn-đề ấy đã xuất-hiện ra rồi mới tìm đường giải-quyết thì kịp sao được ? Đã hay rằng cái trách-nhiệm của các nhà chính-trị là phải dự-liệu trước mọi việc, nhưng các nhà

báo được trực-tiếp với dư-luận phải dọn đường mở lối sẵn thì nhà chính-trị thi-thố mới được ích-lợi. Như thế thì cái công của các nhà báo đối với sự tương-lai lại chẳng to-tát lắm ru ?

Nước Nam ta sau này hay hay dở, các nhà báo cũng có một phần vào đấy. Nếu ta biết khéo dùng cái nguyên-động-lực rất mạnh là tờ báo ngọn bút kia, như nhời quan Toàn-quyền nói, mà gây thành được một cái dư-luận sáng-suốt khôn-ngoan, thông-hiểu tình-thế, giúp được cho cái công chính-trị giáo-dục của Nhà-nước, thì ta mới trọn nghĩa-vụ đối với chính-phủ, đối với quốc-dân, và xứng-đáng cái thiên-chức nhà làm báo vậy.

THƯỢNG-CHI.

THẾ-LỰC NHẬT-BẢN Ở TÀU

Ở thời-thế này, thuộc việc trong nước chưa đủ, phải hiểu việc thiên-hạ mới được. Việc thiên-hạ mà có quan-hệ xa gần nhiều ít đến nước ta là những việc sảy ra trên cái kịch-trường cõi Đông-Á này. Một là bởi các nước Á-đông là những láng diềng của ta, ta trông thấy cái cuộc trị-loạn an-nguy của những nước ấy không thể điềm-nhiêm mà không chú-ý đến. Hai là cái tình-thế nước ta cũng có điều giống tình-thế của các nước ấy, nên xét việc các nước ấy tức là dự-liệu việc nước ta, dù về sau không có ảnh-hưởng gì cũng là một cái gương nên soi vậy.

Gần đây các báo Tây báo Tàu nói nhiều đến cái thế-lực Nhật-bản ở Tàu mà lo cho vận-mệnh nước Tàu về sau này. Cứ theo các báo ấy thì Nhật-bản có cái dã-tâm muốn thôn-tính cả nước Tàu để đồ mưu bá-quyền trong xuốt cõi Đông-Á. Mưu ấy người Nhật hoài-bão đã lâu năm, từ khi các nước Âu-Mĩ bận về việc chiến-tranh, chỉ lăm-le muốn thừa cơ mà thi-hành. Lại nhân nước Tàu chính-phủ không được mạnh, nội-loạn vẫn chưa dứt, người Nhật nay sách điều này, mai ức điều khác, cố tìm đường để khởi-hấn. Đầu-đuôi những sự sách-nhiễu cưỡng-bách ấy cùng duyên-do cái dã-tâm của người Nhật, chưa đâu kể tường bằng trong một bài báo của người Mĩ tên là Bách-lai-sĩ (S. G. Blyte), *bài ấy người Tàu đã từng dịch ra chữ Hán, nay bản-báo lại trùng-dịch ra quốc-ngữ để các nhà đọc báo cùng xem.*

Cứ thực thì cái mưu của người Nhật không phải là đối với một nước Tàu mà thôi đâu. Mưu ấy gồm cả cõi Á-đông này, mà xứ Đ ng-dương ta cũng là ở trong vòng mơ-tưởng của cái giống « lùn » tham-lam vô-độ vậy. Gần đây giống ấy đã thấy xuất-hiện ra đây nhiều, giả danh là buôn-bán, phần nhiều là muốn do thám tình-hình nước ta. Sự đó Chính-phủ đã biết, quốc-dân ta cũng đã từng-nhận. Vậy chẳng cần phải giấu giếm gì, nên nói rõ cho ai nấy đều biết : cái dã-tâm của Nhật-bản là muốn cho nước An-nam ta cũng chịu một thân-phận như nước Cao-li đó vậy !

Nhưng dân ta được nhờ nhà nước Đại-Pháp bảo-hộ, Nhật-bản chưa thể mong có ngày thực-hành được cái dã-tâm ấy. Vả Nhà-nước đối với Nhật-bản vẫn giữ tình giao-hiếu, không có nhẽ nước ấy phản-diện ngay được. Như thế thì cái ngoại-hoạn về đường ấy, bọn ta chưa đến nỗi phải lo. Nhưng việc tương-

lai không ai có thể liệu trước được. Trong lúc nhờ quyền Bảo-hộ mà ta được hưởng thái-bình này, ta nên gắng sức kinh-doanh cho chóng được cường mạnh, mạnh về đường thực-tế, mạnh về đường tinh-thần: về đường thực-tế để lâm-thời có thể đối-địch lại với cái mưu xâm-phạm của người ngoài, về đường tinh-thần cho thiên-hạ biết rằng ta cũng có cái tư-cách sống làm một dân-quốc trên mặt địa-cầu này.

Ta nên hiểu rõ các nhẽ đó, mà đồng-tâm hiệp-sức, một dạ một lòng với quan Toàn-quyền SARRAUT, *vì cái chính-sách của ngài là công-nhiên vị quốc-dân An-nam ta, muốn cho dân An-nam thành một đoàn-thể vững-bền, một mai có thể tự-thủ tự-trị được. Quan Toàn-quyền đã hiệp-ý với Hoàng-thượng ta mà nhất-quyết theo đuổi một chính-sách như thế.*

Trong khoảng mười năm sau cuộc chiến-tranh này, tất sẩy ra nhiều việc quan-hệ đến vận-mệnh, đến sự sinh-tồn của cái đoàn-thể An-nam ta. Vậy quốc-dân ta phải gây lấy một mối đồng-tâm để có đủ sức mà đối phó với những việc sẩy ra ấy. Ta phải nhớ rằng ta là một giống An-nam, sự lợi-hại cho nước ta là lợi-hại chung của cả bọn ta, không nên phân bè đảng để chia rẽ lòng dân, phải trọng Quân-quyền, vì Vua là biểu-hiệu của nòi giống, là cái hình-ảnh của quốc-hồn. Người nào trong bụng có cái tư-tưởng khác là người không yêu nước vậy.

Ngày nay không có phân-biệt người nào là vị nước Pháp, người nào là phản-đối nước Pháp, chỉ nên phân-biệt người nào là ái-quốc, người nào là không ái-quốc mà thôi. Ai đã ái-quốc tất vị nước Pháp, ai đã phản-đối nước Pháp tất là người không ái-quốc, vì làm ngăn-trở cái công nước Pháp kinh-doanh cho giống nòi An-nam được cường mạnh, công ấy đến sau cuộc chiến-tranh tất nặng-nề khó nhọc hơn nay nhiều.

Đó là mấy cái ý-kiến quan-trọng, bản-báo lấy nhời thành-thực mà giãi-bầy cho các bạn đọc báo biết. Bản-báo chắc rằng các ngài là bậc thượng-lưu trong nước, tất muốn biết rõ tình-thế trong ngoài, nên không ngại gì mà bày tỏ ra mấy điều như thế. Tưởng chính-phủ cũng lượng biết, và các ngài cũng thấu-hiểu vậy.

Sau này dịch bài luận về « Thế-lực Nhật-bản ở Tàu. »

PH. Q.

* * *

Nước Nhật-bản nếu không có nước Tàu, thì nước Nhật-bản chỉ chung-ư là nước Nhật-bản bây giờ thôi ; nước Nhật-bản có nước Tàu, thì cái đường tiến-bộ về quân-sự, về thực-nghiệp và cái thế-lực chính-trị trong thế-giới, cùng với cái dã-tâm muốn vời cao nhẩy xa không biết chán của nước ấy, theo nhau cùng lên, đó thiệt là một cái lòng mơ tưởng của sáu mươi triệu người lùn ở gò Phù-tang, ai ai cũng có vậy.

Nay xin nói tóm tắt một nhời để các ngài cùng biết : Nhật-bản vốn chỉ muốn lấy nước Tàu để làm lợi riêng một mình đấy thôi. Xem lòng tham dạ muốn tranh cướp lợi quyền, thiệt đã lâu lắm ; bởi vì nước Tàu đất rộng dân nhiều, sản vật sẵn có, nếu người Nhật lấy được mà thay giữ lợi quyền, thực đủ làm cho vẻ vang nước mình, để xưng làm một ông chủ giống da vàng, mà cầm quyền chi-phối trong cõi Đông-Á, đó thật là cái bụng mong mỏi của Nhật-bản rất sâu xa, mà công-nhiên giương mắt phơi gan, không còn có giấu giếm gì nữa.

I

Cái giấc mơ bá-đồ của Nhật-bản

Nước Nhật muốn gìn giữ và tiến thêm cái quốc-lực của mình thì phi kiêm-tính cả nước Tàu không xong, cái nhẽ đã hiển-nhiên, có thể dò mà kể ra được. Sao vậy? Vì nước Nhật-bản bốn bề quanh bể, đất xấu dân nghèo, năm mươi năm trở lại, nghề thợ nghiệp buôn đua lên, dân dinh thêm gấp, tìm kiếm cung cấp, ngày sợ không chu, vậy nên không thể không kịp tìm một nơi rốn bể ở ngoài, để làm chỗ tụ hội; nhưng muốn tìm cái chỗ để đạt được mục-đích ấy, chỉ có một nước Tàu kề gần đó mà thôi. Vì là nước Tàu nước Nhật, đất cõi liền nhau, và người dân hai nước, lại có cái lịch-sử giao-thông hơn một nghìn năm, chủng-tộc, tôn-giáo, tính-tình tập-quán, lại gần giống nhau lắm; vì lấy bờ cõi rộng rãi, chất đất béo tốt của Tàu như vậy, mà để cho nước Nhật được chiếm hẳn cả toàn bộ, rồi đem cái thuật phép rất tốt ra để mở mang, thì trong thế-giới còn có ai ganh thì được với hẳn nữa?

Nước Nhật ở nước Tàu, có quyền đem dân sang thông thương, thế thì không thấy có ai nói chống lại; nếu nước khác mà quả có muốn bàn câu gì khác, thì đã thấy người ta đem những nhời bàn nước Nhật chống lại ngay, mà bảo là mưu ngầm mẹo độc, muốn thắt buộc nước Tàu, để cho thỏa cái bụng riêng thôn-tính.

Nước Nhật đương say về chủ-nghĩa đế-quốc, muốn tự coi mình có cái trách-nhiệm làm lĩnh-tụ giống da vàng, rồi ra cũng không thèm chịu ở cái đảo con con mãi mãi, cho nên dẫu biết rõ là nước Nhật-bản bây giờ đã đủ hơn các nước láng diềng trong đông-châu, nhưng cũng chưa chán bụng xa-vọng, mà lại còn muốn rộng thêm thế-lực dọc ngang bể thẳm, cùng vận-mệnh cầm cấp phương đông, từ giờ trở về sau nữa. Vì cái ý nước Nhật không những là chỉ muốn làm minh-chủ phương đông mà lại còn muốn tiến lên làm một nước cực mạnh trong thế-giới.

Nhà chính-trị nước Nhật hiểu rõ rằng nếu chỉ cậy nhờ vật-sản trong một nước mình, thì không sao đủ sức bay nhảy vẫy vùng trong thế-giới; mới phải xoay mà dòm vào nước Tàu. Vì phàm những sản-vật nước Nhật thiếu thốn, mà đêm ngày mong kiếm cho được, thì trong một nước Tàu có sẵn hết cả. Nếu những của trong nước Tàu sẵn có, mà vào hết cả trong tay người Nhật thì cái nền phú-cường của nước Nhật mới thành lập vậy.

Nước Tàu có sắt luyện được thành gang, đủ dùng để chế tạo các đồ binh-khí dưới bể, trên đất, súng nhớn, súng nhỏ, tầu nhớn, tầu con, cho chí nhất-thiết các thức cần dùng cho một nước mạnh. Nước Nhật mỏ sắt rất ít, mà ở nước Tàu thời cái vật quí hóa vô giá ấy, như kho như đụn dưới đất, lấy đi không bao giờ cùng, dùng đi không bao giờ hết.

Xem thế thì biết nước Tàu của giàu như nước, không biết bao nhiêu mà kể, dẫu chưa ra công kinh-lý, nhưng cái sự giàu không thể che mắt ai được; nếu để hẳn cho nước Nhật giữ làm của riêng, hết sức kinh-doanh, mở rừng khai mỏ, chắc là ngoài cái số tiền vốn thu được còn được nhiều tiền bạc nữa, càng mở rộng mãi ra, để đạt đến cái mục-đích ngày thường mong mỏi. Thế cho nên con mắt người Nhật thường coi nước Tàu kia là một cái kho báu về sau của mình, mà người dân nước Tàu thì là một thứ đồ máy sinh sản tài-lực cho nước Nhật vậy.

Nước Tàu người nhiều công dẻ, không có nước nào bằng. Giả xử nước Nhật được cai-trị nước Tàu, chắc là biến được người Tàu thành một hạng quân lính rất giỏi, dẫu hợp cả chiến-binh các nước trong thế-giới bây giờ, cũng không đủ đọ được. Con giai trong nước Tàu, tuổi từ 20, 30 cho chí 40, hàng nghìn hàng vạn, không biết đâu mà kể, cần kiệm chịu khổ, công dẻ cũng cam, trải qua cái vòng chính-trị chuyên-chế thắt buộc hơn bốn nghìn năm, cái bụng chịu theo người trên, đã thành một « thiên tính thứ hai » rồi ; luyện qua một lần, thành quân giỏi cả, động sai khiến đến, chắc là tuân theo hiệu lệnh, hết sức liều mình trong đám chiến-trường. Nước Nhật đã được những quân lính biết phép và mạnh như vậy, lại đem các tay tướng-tá cực giỏi của mình có sẵn để cai quản nữa, thì thiệt là đủ làm hùm làm beo, mà chống lại với cả thế-giới cũng thừa vậy.

Chẳng những thế thôi, nước Tàu cho Nhật-bản lấy chỗ phố chợ bán buôn, lấy nơi ruộng đất cầy cấy, lấy cái chốn cho người dân nhiều quá tràn sang ở, lại cho cả các phẩm-vật cần dùng, nhưng quí nhất là lũ người dân nhu thuần dễ sai dễ bảo của nước Tàu vậy. Cho nên nào là sắt, nào là tiền bạc, nào là sức người, ba thứ đó thực là cái nguyên-tố của sự cường-quyền mà nước Nhật có thể lấy ở trong tay nước Tàu được cả, như là của trong túi vậy.

II

Cái chính-sách thừa-cơ của Nhật-bản

Cái chính-sách Nhật-bản đối với nước Tàu, một câu nói tóm lại, là cái chủ-nghĩa thừa-cơ đó thôi. Cái yếu-điểm của chính-sách ấy, cốt để hết sức phá tan cuộc dựng đặt, ngăn trở đường tiến-bộ của Tàu, mà cỗi rễ làm ra cái chính-sách ngoại-giao tàn khốc ấy, thì ở sự thao-túng những kẻ võ-nhân, gây loạn trong nước, rồi mà tạ-khẩu nói rằng phải giữ gìn cho cuộc hòa bình ở Đông-Á, bảo-hộ sự ích lợi cho người ngoài, đem quân dẹp loạn, can-thiệp chính-trị trong nước, để đoạn-tuyệt mất cái cơ-hội tái-tạo của nước Tàu. Như thế thì nước Nhật thỏa lòng thích ý, giơ tay mà đặt lấy quyền-chính của nước Tàu, từ đó rồi không bao giờ chịu buông tay ra nữa.

Nước Nhật muốn đạt đến mục-đích trong chính-sách đó, thực có hai đường. Một là đối với hết thảy các việc tiến-bộ kiến-thiết trong nước Tàu, (như việc điều-hòa chính-đảng, dung-hợp tân-cựu, tái-tạo cộng-hòa) đều hết sức giảo-quyệt mà phản-đối. Hai là sẵn tiện cơ-hội, cho vay món nợ to, để rình nắm lấy quyền tài-chính, can-thiệp vào chính trong nước, rồi sau giở lối bắt chẹt, giọa giẫm lừa lọc ; khiến cho nước Tàu bất-đắc-dĩ mà phải cúi đầu cúp tai, để chịu theo mệnh lệnh của mình.

Ngăn-trở đường tiến-bộ, nắm giữ lấy tài-quyền, hai câu đó thiệt đủ suốt hết chính-sách của nước Nhật đối với Tàu vậy. Nước Nhật-bản thường mang lòng độc ác ấy đã lâu, cho nên xử với nước Tàu, tự-hồ lấy miệng hôn má bên nọ, mà lấy tay vả má bên kia, giảo giở đổi thay, sẽ xem hiệu nghiệm, đã lấy oai giọa, để xem nước Tàu bức tức mà xoay ra mặt nào, lại sẽ dỗ dành, để xét nước Tàu hớ hênh mà lừa được đến đâu ; dẫn đo tình thế, khi bắt khi buông, giở hết đủ trò khôn khéo. Vả lại không có lúc nào là không ra công cố sức, ngầm chứa trong lòng, để rình cái đường cướp đặt về sau. Chủ-ý đã định, cầm chắc không dời : duy có cái đường thực hành, thì còn phải bói ở cái chủ-nghĩa « thừa-cơ » là cái chủ-nghĩa khi thành khi bại không có bằng cứ; nói cho dễ hiểu, tức là một cái chính-sách khi

làm ơn, khi ra oai, lúc nồng lúc nhạt đó vậy. Mẹo này chẳng xong, đổi ra mẹo khác, chẳng qua chỉ là một cái cách bắt buộc nước Tàu, nhất định không buông vậy.

Ngoại-vụ đại-thần Nhật là Bản-dã nam-tước, đương khi mở hội « Đế-quốc nghị-viện » trong năm nay, tuyên ngôn rằng : « Nước Nhật-bản tuyệt không có ý gì can-thiệp vào nội-chính nước Tàu, hay là giùm giúp cho chính-đảng nào trong nước Tàu. » Rồi lại bàn-bạc về sự nhầm từ trước của nước Nhật muốn can-thiệp nội-chính nước Tàu, nói rằng đương lúc nhà Thanh mất rồi, dân-quốc mới dựng, những phường nhiệt-tâm thiển-thức trong nước Nhật-bản hằng hằng ra sức để giùm giúp cho các chính-đảng nước Tàu, cái kết-quả sự đó đều là không ra gì cả. Nội-các tổng-lý là Tự-nội diễn-thuyết, nhởi nhẻ phô bày cũng một giọng như vậy. Nhưng quốc-hội Nhật-bản đối với việc Tàu, và các chính-sự khác, cùng với cái ý-kiến Nội-các ganh nhau hơn kém, không bao lâu thấy bỏ vé không tin Nội-các, cái số người bỏ nhiều lắm. Quốc-hội bởi đó giải-tán, lại phải bầu cử bọn mới. Khi tôi làm bài này, việc đó còn chưa thi-hành.

Dẫu thế, nhưng Nội-các tổng-lý Tự nội và Bản-dã nam-tước hai người tuyên ngôn, cùng với tay ngoại-giao Nhật-bản cử-động ở nước Tàu, thực là phản-trái nhau; từ Đông-kinh tới Bắc-kinh, đi xe hỏa rất chóng, không dầy bốn ngày giời, thế mà nhởi tuyên-bố với người ta ở Đông-kinh, cùng những việc làm ở Bắc-kinh, cho chí các nơi khác, hằng hằng không hợp với nhau. Người Nhật-bản học tây phương được một điều là làm nhà ngoại-giao nhởi nói việc làm bất-tất phải giống nhau, đó là chỉ nói cái việc làm của Nhật ở Tàu, không kể những nhởi ngôn-luận ở Đông-kinh vậy.

Độ tháng 3, 4, 5, năm 1915, ký-giả vừa ở Bắc-kinh, khi bấy giờ phàm các nước có quyền-lợi sự-nghiệp ở nước Tàu, trừ nước Mĩ ra đều phải đi chinh-chiến cả, không rỗi bụng nghĩ đến sự tình nước Tàu nữa. Nước Nhật mới nhân được dịp đó, lăm le muốn làm, ta được mắt trông thấy.

Bấy giờ Nhật-bản lấy 21 điều yêu-cầu, chia làm 5 khoản, ức hiếp nước Tàu, mà đối với các nước trong thế-giới, thì bảo rằng những điều khoản yêu-cầu ấy, mười phần mới chỉ có một. Vả thuộc về cái vấn-đề phía nam Mãn-châu, là rất có quan-hệ với Nhật-bản, thế mà đối các nước đồng-minh, cũng nói dối như thế vậy.

III

Hai mươi mốt điều yêu-cầu của Nhật-bản

Hai mươi mốt điều yêu-cầu này, lấy thực-tế mà xét tự-hồ cho Tàu là nước đã bị nước Nhật chiếm lấy rồi. Nếu nước Nhật làm thật được thủy chung không ai biết, bắt hiếp nước Tàu phải giữ bí-mật để dùng cách ám-muội cho được cả 21 điều thì chắc là nắm chặt lấy cái quyền-lợi đã vớ được, không bao giờ chịu buông tay, điều ấy thật chẳng phải bàn nữa. May sao gặp có các viên phóng-sự của các báo-quán Anh, Mĩ ở nước Tàu, dò biết cái dã-tâm của Nhật, không nỡ ngồi trông nước Tàu phải chịu sự đau đớn cướp dật, mới đem các điều Nhật-bản muốn làm, tuyên-cáo thế-giới, rồi mà trong một chớp mắt, đã thấy những tiếng phản-đối lao nhao, khắp cả tứ xứ, cho nên nước Nhật dẫu đã đưa « tối-hậu-thư » cho nước Tàu, đem võ-lực giọa nạt bắt trẹt, cũng không khỏi gác tạm một vài điều, để đợi cơ-hội khác. Bấy giờ bất-đắc-dĩ

phải nói với các liệt-cường Âu, Mĩ, là nước Nhật không có ý gì yêu-cầu, và đối với nước Tàu chỉ một lòng trung-hậu vậy.

Từ khi Tàu bị Nhật ép theo lắm khoản yêu-cầu, thì cái chính-cục nước Tàu biến đổi quá lắm, như việc Viên Thế-Khải mưu làm vua, cách-mệnh nhân đó mà khởi, đến ngày 6, tháng 6, năm 1916, Viên Thế-Khải chết, rồi Lê Nguyên-Hồng lên làm tổng-thống, dặt những sự biến nhớn cả. Lại tháng 8 năm ấy, ở Trịnh-gia-đồn về Nam-Mãn, có một người Nhật bán hàng vặt cùng với một tên lính nước Tàu xung-đột nhau, rồi từ đó mà gây thành cái sự lính Tàu lính Nhật ganh cạnh. Bọn lính Nhật ấy, nước Tàu chưa từng dảm-nhận, chưa từng ưng nhời, vốn không có lẽ được đóng ở đó, thế mà dám đóng ở Trịnh-gia-đồn đến 2 năm. Chính-phủ Tàu dẫu thường cùng chính-phủ Nhật giao-thiệp về việc đó, chính-phủ Nhật cũng vẫn làm thinh đi như không. Ở về Nam-Mãn, trừ binh lính Nhật còn có lính cảnh-sát của Nhật nhiều lắm, chừng cũng là cái đồ phụ-thuộc về chính sách « hòa-bình » của Nhật đó vậy ! Sau khi đánh lộn nhau lần thứ nhất (đã nói ở trên), lại có tên lính cảnh-sát Nhật xin một viên trung-úy đem lính thẳng đánh nhà cảnh-sát Tàu, nhân đó sinh ra truyện đánh nhau chuyến thứ hai, lính Tầu chết 4 người, lính Nhật mất 12 người, bị thương cũng lắm, quân đội của Nhật tiếp thêm ngay lúc bấy giờ, từ Trịnh-gia-đồn đến trên đường cái quan phố Tứ-Bình, binh lính của Nhật đóng chật cả.

Nhật-bản đã được gập dịp, liền không dể chậm trễ chút nào ; ngày 2 tháng 9, cách sau khi đánh nhau chưa đầy một tháng, Công-sứ Nhật đã đem 8 điều yêu-cầu, giao cho bộ ngoại-giao của Tàu nói rằng nước Nhật sở-dĩ phải yêu-cầu như thế là bởi đã bị nhục ở Trịnh-gia-đồn vậy !

Binh lính nước Nhật đóng hiếp ở đất người ta, xin mãi không đi, mà lại lấy cái sự bị giết làm hổ, đó thật là người Nhật đã bị nhục lạ lắm vậy.

Tám điều yêu-cầu này, chia làm 2 hạng, 4 điều trên là nói về sự yêu-cầu ; 4 điều dưới là nói về sự cố ý lấy cho được. Người Nhật sau khi phát ra 21 điều yêu-cầu lần trước được kinh-nghiệm cũng đã nhiều, cho nên cái thủ-đoạn lần này không đến nỗi mãnh-liệt kiêu-căng như lần trước, nhưng các điều định lấy cho được, đã nghĩ kỹ lắm, cùng với lần trước không có khác gì vậy.

Trong 4 điều yêu-cầu : là xử-phạt tướng coi đội quân Nhị-thập-bát-trấn, và cách những quan-lại có lỗi ở Trịnh-gia-đồn ; cùng yết thị cho những dân Tàu ở Nam-Mãn cho chí các xứ phía đông Nội Mông-cổ, bắt từ đấy về sau, không được nhờn hỗn với dân lính Nhật-bản ở xứ đó. Một điều cuối cùng, thì bắt nước Tàu phải cho nước Nhật đặt lính cảnh-sát ở các xứ đó, để bảo-hộ người dân Nhật-bản, và được tùy ý cất đặt quan cảnh-sát. Còn ngoài ra xin nước Tàu phải nhận cho từ đây trở đi, quan lại ở Nam-Mãn, phải dùng người Nhật làm « cố-vấn » về việc cảnh-sát.

IV

Trong đất nước Tàu dùng cảnh-sát Nhật

Cứ cái biểu-diện những sự yêu-cầu ấy mà xét thì sự đền bồi cho nước Nhật bị nhục, tưởng cũng đã là hậu lắm rồi. Lấy riêng một điều yêu-cầu thứ 4 mà bàn thì cái quyền cảnh-sát của Nhật-bản ở Mãn-châu cùng ở phía Đông Nội

Mông-cổ từ đây được thừa nhận về đường pháp-luật, nhưng chẳng qua cũng là chuy-nhận một sự đã thành rồi mà thôi, vì hai xứ đó vẫn là nơi quân cảnh-sát Nhật-bản tụ-họp đã lâu vậy. Nhật-bản dụng-ý thực muốn mượn pháp-luật của Tàu để che lấp cái mưu mình giả danh cảnh-sát mà xâm-chiếm đất cõi. Còn như cái phần yêu-cầu thứ hai thì cũng với cái âm mưu của Nhật-bản ở Trung-quốc in nhau như hệt. Nói rút lại thì muốn thu lấy cả quyền cảnh-sát của Tàu ở phần đất đó, khiến cho Tàu phải chắp tay mà nhường hết cho Nhật-bản vậy.

Song cái lòng tham của Nhật-bản vẫn còn chưa được phỉ. Nhật-bản còn muốn được mấy điều nho nhỏ nữa gồm trong cái phần yêu-cầu thứ hai ấy. Nhật-bản muốn những binh-lính của Tàu ở phía Nam Mãn-châu cùng phía Đông Nội Mông-cổ, phải mời mấy người quân-quan Nhật-bản để làm chức « quân-sự cố-vấn »; muốn những trường học về hải-quân lục-quân của Tàu phải dùng mấy người quân-quan Nhật-bản làm thầy giáo; muốn quan đốc-quân Phụng-thiên phải thân đến cửa Lữ-thuận mà tạ-tội với quan đô-đốc Nhật-bản ở Quan-đông; lại muốn nước Tàu phải lấy nhiều tiền mà bồi-tuất cho gia-thuộc những người Nhật-bản bị chết bị thương vì việc ấy.

Bởi thế nên nhân cái án đó mà điều thứ 5 trong 21 điều năm 1915 về cái mưu của Nhật-bản muốn cướp quyền quân-bị của Tàu nay nó lại thò ra, nhưng lần này chỉ khu-vực ở một nơi mà thôi. Đến như đòi các quân-đội nước Tàu, các trường hải-quân lục-quân của Tàu phải dùng người Nhật-bản làm « quân-sự cố-vấn », thì mưu ấy chẳng qua là muốn nắm lấy cái mối quân-bị của Tàu, dò lấy việc quân của Tàu, để đem mẹo dùng quân, phép thao-diễn cùng thế-lực của mình mà lung-lạc binh-tướng của nước Tàu vậy.

Nước Nhật-bản trong cái án ấy, vẫn là dùng một nghề đã quen xưa nay. Nhất ý chỉ-định rằng nước Tàu có lỗi, không xét đến sự thực, không bàn đến phải trái, ý lấy rằng Nhật-bản đã nói nước Tàu có lỗi thì nhẽ phải-trái đã định rồi, không cho bàn khác nữa. Cho nên hai bên bàn-bạc về cái án ấy, chỉ lấy nhời yêu-cầu cùng cái chi muốn đòi gì được nấy của Nhật-bản làm khởi-điểm. Án ấy giao-thiệp lâu lắm, cái kết-quả là nước Tàu phải vâng nhận chừng-trị những lính can vào việc loạn, sai đốc-quân Phụng-thiên thân đến xin lỗi với trưởng-quan Nhật-bản ở Nam Mãn, khiển-trách tướng coi những quân đã khởi ra việc ấy, dùng công-văn cảnh-cáo người Tàu không được thương-phạm cái cảm-tình của người Nhật, bồi thường cho tên buôn hàng vặt Nhật-bản đã phát sinh ra việc loạn ấy.

Bấy nhiêu điều kể trên ấy đều biên vào giấy công giao cho công-sứ Nhật-bản ở Bắc-kinh. Còn các điều yêu-cầu khác và những điều cố chí muốn đòi cho được, cùng ý-kiến của hai bên, cũng là đồng thời biên-ký để xét về sau.

Lần ấy Nhật-bản mới nhân một việc đánh nhau mà trực tiếp yêu-cầu, rồi lấy cái sức đè quyền trên, làm cho đến được. Còn như sự gián-tiếp, thực là cái phần quan-trọng trong toàn-án, thời vẫn dùng-dằng chưa quyết, hai bên còn đều chép lấy ý-kiến để đợi đến ngày khác; mà đó chính là những điều Nhật-bản vốn mong-mỏi, cầu khẩn vậy. Mượn cái nhẽ chưa quyết để làm cớ ngăn giữ cho quân cảnh-sát Nhật-bản, cho nên đến nay ở phía nam Mãn-châu cùng phía đông Nội Mông-cổ, không những chưa rút về một tên cảnh-sát nào, chưa triệt về một tên binh lính nào, mà lại thấy những sở cảnh-sát của Nhật ở phần đất Tàu ấy càng ngày càng tăng thêm.

Đặt lính tuần-cảnh cùng nhà cảnh-sát của Nhật-bản ở các đất ấy, không những là tổn đến chủ-quyền của nước Tàu, lại còn ngăn-trở đến sự thi-hành các

pháp-lịnh, đến việc bảo-hộ cuộc trị-an của nước Tàu nữa. Xét rõ ítnh-chất, thực là làm cái thang cho sự nhiễu-loạn trật-tự. Phàm người Tàu đã có nhân-tính, trông lũ đó tất không khỏi sinh lòng gở ghét. Mà người Nhật-bản vốn khinh dể người Tàu, những sự xung đột về sau không thể tránh khỏi được, thì nước Nhật-bản lại được cái cơ-hội thêm yêu-sách nước Tàu một lần nữa. Vô-luận việc gì, cái chiếm-vị của Nhật-bản đã cao, thời cái phần tội-lỗi tất về cả nước Tàu, còn phải đợi nói gì nữa.

Nhật-bản vốn không những là dùng cái kế xâm-lược quyền tuần-cảnh ở một phía Nam Mãn-châu, phía Đông Nội Mông-cổ mà thôi đâu, dẫu ở Hạ-môn (厦門) tại tỉnh Phúc-kiến cũng đặt cảnh-sát. Tỉnh Phúc-kiến ấy, người Nhật đã tự nói là thuộc vào trong vòng thế lực vô-hạn-chế của mình, cái chủ-quyền của nước Tàu đã lâu không đoái đến, thực là thành đất căn-cứ của Nhật-bản vậy. Vì vô-luận xứ nào ở nước Tàu, cái thế-lực Nhật-bản đã đến, thì về đường thực-tế tức là thành vật riêng của Nhật-bản. Nước Tàu đã từng tuyên-ngôn phản-đối về việc đặt cảnh-sát ở Phúc-kiến, mà cảnh-sát Nhật vẫn an-nhiên không đi.

Nhật-bản xâm-phạm chủ quyền nước Tàu đại-loại như thế, có thể lấy một nhời giải được : là Nhật-bản thường hay nhân một cái cớ cực nhỏ nào, giả danh là duy-trì trật-tự, mà gây nên cái mầm nhiễu loạn trật-tự ; loạn-sự đã dấy thì mượn mà xâm-phạm nước Tàu.

Những cái chính-sách ấy, Nhật-bản không phải là mới đặt ra, thường vẫn đã làm ở Sơn-đông vậy. Xưa kia Nhật-bản đãi nước Cao-li, cũng từng đặt tòa cảnh-sát, bắt phải mời những viên cố-vấn, về cảnh-chính, về quân-sự ; phàm cái cách làm ngày xưa cùng với cách làm ngày nay ở Tàu không có khác gì. Cao-li tuy nhỏ hơn nước Tàu, nhưng cái sức yếu đuối không biết trông cậy vào đâu thì cùng với nước Tàu ngày nay cũng giống vậy.

Phàm những sự Nhật-bản làm ngày nay, là nhờ việc chiến-tranh bên Âu-châu che tai mắt thiên-hạ. Nước Anh, nước Pháp cùng các nước không đồng ý với Nhật-bản, nhân vì bận về việc chiến-tranh, đều không thể xét đến những sự hành-vi của Nhật-bản ở Tàu.

Nhật-bản tuyên ngôn nói cái chủ-ý của mình đối với nước Tàu, chỉ vị mưu cho thương-nghiệp nước Tàu được phát-đạt. Nhưng cứ như trên kia kể về những việc muốn bắt phải đón người Nhật làm « quân-sự cố-vấn », đòi quyền-lợi của Tàu về việc quân, thời rõ ràng rằng chủ-ý ấy là về việc quân vậy. Nhật-bản tất có ngày đem cái sức võ thị-uy với nước Tàu một phen sau cùng, ngày nay còn tùy lực sở-cập, mưu nắm giữ lấy quân đội của Tàu trước đã.

Đủ làm chứng cho việc đó, không những là sự yêu-cầu về việc Trịnh-gia-đồn, không những là cái mệnh-ý của khoản thứ 5 trong 21 điều, cùng việc đặt cảnh-sát Nhật-bản ở các nơi, cho chí việc đặt quân-đội Nhật-bản ở các nơi lĩnh-địa trong nước Tàu, mà thôi vậy. Lại còn một chứng sác-nhiên nữa là việc cố ép Tàu phải nhận Thanh-mộc trung-tướng làm « quân-sự cố-vấn » cho toàn-quốc. Thanh-mộc ngôi cao tiếng cả, hồi Nhật-Nga đánh nhau đã từng làm chức tổng-tư-lệnh ở cửa Lữ-thuận, thực là một tay danh-tướng của nước Nhật vậy.

(Còn nữa)

VĂN-HỌC BÌNH-LUẬN

VĂN THUYẾT

Văn là gì ? Người đời nay thường hiểu văn là văn-chương, *mà không biết rằng tiên-nho cho chữ văn một cái nghĩa rất rộng. Văn là cái vẻ thiên-nhiên ở trong người, tự nó xuất-hiện ra nhờ nói câu viết, không phải học mà làm được. Như thế thì phàm người có tri-khí, có tư-tưởng, có phẩm-cách cao là những người có văn cả, nếu dụng tâm làm văn thì cái văn-chương ấy mới thực là văn-chương. Những người nhân-cách tầm-thường thì dẫu suốt đời học văn, cái văn-chương ấy cũng vẫn là không có giá-trị. Không những đông-nho ta, tây-nho cũng dạy như thế. Tây-nho lấy văn là để diễn cái tư-tưởng,người nào có tư-tưởng tất làm được văn, người nào không có tư-tưởng thì dẫu nói khéo đến đâu chẳng qua cũng là nhời hư-văn cả. Ba-lỗ tiên-sinh* (Boileau) *là một nhà danh-sĩ nước Pháp về thế-kỷ thứ 17, trong sách « Thi-pháp »* (Art poétique) *đã có câu nói rằng : « Cái gì đã nghĩ kỹ thì diễn ra rõ-ràng,mà những nhời dùng để diễn cũng dễ tìm được ngay.» Như thế thì trước khi làm văn trong bụng phải có cái tư-tưởng gì, mà cái tư-tưởng ấy phải là cái tư-tưởng hay, đáng đem diễn ra cho người ngoài biết, bấy giờ mới hạ bút viết, nghĩ làm sao viết làm vậy, vụ cho nhời mình tả được hết cái bụng mình, như thế thì dẫu không định làm văn cũng thành văn vậy. Khá lạ thay là lắm người không có cái gì đáng nói cũng làm văn,làm văn để mà làm văn,không phải là để diễn ý-kiến gì, ha bút xuống múa tay viết hết trang ấy sang trang khác, mà giá đem rút lại vị tất đã được mấy dòng, khác nào như nắm bọt bể mới trông thì tưởng là to, bóp lại mới biết không đầy nắm tay !*

Ngày nay là buổi quốc-văn đương phôi-thai, phải kỵ nhất là cái lối văn « bọt-bể » ấy,mà phục lại cái tôn-chỉ về nghề văn của tiền-nhân đã xướng ra. Bài Văn-thuyết *dịch sau này của ông nho Tàu* Tống Liêm 宋 濂, *bàn về cái tôn-chỉ ấy rất tường, xem đấy thì biết người đời xưa quan-niệm về văn-chương thâm-thiết là chừng nào, mà cái tật hư-văn thực không phải là di-truyền tự cổ-nhân, chính là cái tật những thời-đại suy-đồi vậy.*

Tống tiên-sinh, tên chữ là Cảnh-liêm 景 濂, người nhà Minh, ở đất Phố-giang. Người rất thông-minh, ký-ức rất mạnh, ngũ-kinh thuộc làu làu. Thời nhà Nguyên được chức Hàn-lâm-biên-tu, từ không nhận. Ở núi Long-môn làm sách hơn mười năm. Sau ra làm quan nhà Minh đến chức Hàn-lâm học-sĩ. Từ trẻ đến già, không một ngày nào đời đọc sách. Văn-chương giồi-giào phong-phú,người đương thời suy tôn lắm. Soạn bộ Nguyên-sử *hai trăm mười quyển. Nhà Minh lúc mới đầu có sửa sang lại các chế-độ trong nước, tiên-sinh dự một phần to trong việc ấy.*

Ph. Q.

* * *

Giảng minh được đạo-lý mới gọi là văn, lập thành được giáo-hóa mới gọi là văn, có thể giúp được phong-tục, hóa được nhân-dân mới gọi là văn; văn ấy là văn của ai? Văn của thánh hiền vậy, nhưng không phải là văn của thánh hiền, là đạo của thánh hiền sung-tích ở trong, rõ rệt ra ngoài, lại hình ra nhời nói, không cầu thành văn, mà tự-nhiên sinh văn vậy. Không cầu thành văn mà tự-nhiên sinh văn, thế mới thực là văn hay rất mực.

Văn cũng như nước với cây vậy. Khơi sông không lo dòng nước chảy không dài, chỉ sợ nguồn không được sâu ; giồng cây không lo cành nhánh cây không rậm, chỉ lo gốc không được bền ; vun gốc cho bền, khơi nguồn cho sâu, thì tự-nhiên dòng nước chảy dài, cành cây mọc rậm, ai hay giữ được. Thánh hiền nào có học làm văn bao giờ, chỉ vụt chốc mà phát ra, thốt nhiên mà viết ra, thế mà khắp thiên-hạ những người học làm văn, không ai hơn được, vì là có gốc tốt, có nguồn sâu vậy.

Hoặc có người kia nói rằng : « Tôi học làm văn mãi, tôi vẫn biết là không hay ». Ôi ! văn có thể học được đâu, những người chỉ lấy cú-điệu đọc sướng tai làm hay, ý-nghĩa rất sâu sắc làm lạ, kỳ cùng hết sức mà làm, cho đến chết mới thôi, giả sử có làm đến được, cũng là một nghề mà thôi, huống-hồ chưa chắc đã làm đến được vậy.

Thánh-hiền không phải là không học, nhưng chỉ học những điều nhớn nhao, chớ không học những điều tặt-vặt, cùng khắp cả khoảng giời đất, xem xét cả nhẽ âm-dương, lại xa mà tìm xét đến trên nghìn năm, rộng mà tìm tòi khắp trong bốn bể, không điều gì là không hết ; không những thế mà thôi, lại ngảnh xét lại mình mà xem cho thành thực, nuôi ở trong tâm mà muốn cho rõ ràng, so sánh với khí mà cầu cho hòa-bình, suy ra làm đạo mà nghiệm cho có thường, chứa lại làm đức mà mong cho đến thành ; đức mình hẳn đã thành rồi, mới xem lại thân mình, thì nghiễm-nhiên có uy, hiển-nhiên có nghi, tả hữu đều hợp lễ nhạc, vuông tròn đều, trúng qui củ, đều là văn cả. Nghe nhời nói ra, ôn-hòa cung-kính mà không hèn hạ, rõ ràng nghiêm-lệ mà không cang-cường, đại-cương cho đến tiểu-mục, đều hợp phép-luật mà nên văn-chương, cũng đều là văn cả ; suy xét ra chính-trị, điều gì cũng là văn ; hiển chứng ra trong nhà, chốn nào cũng là văn ; đã thế mà lại văn thêm ra, dẫu không cầu văn, nhưng văn có thể giấu được chăng ? Ấy đó là văn của thánh hiền, sở-dĩ làm phép-tắc cả cho thiên-hạ, mà truyền dạy dỗ cả đến đời sau vậy.

Những người làm văn đời nay thì không thế, nào là dối-dá để tri-sính cái thân mình, mạo-muội để chìm đắm cái tâm mình, quấy rối để trái cái khí mình ; đạo đức đã coi miệt như không, ngôn hành lại tơi-bời như rối, xử trong nhà thời nhầm cả luân-lý, làm việc quan thời mất cả chính-giáo, thế mà chỉ chuyên-công những nhời hư-văn, để theo đòi với đời xưa, thực là không biết nghĩ mà không xét đến gốc vậy.

Văn ở đâu mà phát ra vậy ? Bởi tự tâm mà phát ra. Tâm ở đâu ? Cốt ở thân mình vậy. Thân đã không sửa, mà chỉ muốn sửa cái nhời ; tâm đã không hòa mà chỉ muốn hòa cái tiếng ; thế cũng như đánh cái âu sành, mà muốn cầu hợp với tiếng cung tiếng thương ; thổi cái ống sậy mà muốn mong bằng nhạc Tiêu-thiều của vua Ngu Thuấn, quyết không được vậy.

Sao không biết nghĩ, thánh hiền với ta có khác gì đâu, sao văn thánh hiền như thế kia, mà văn ta như thế này ? Hay là tâm ta không bằng chăng ? Khí ta không bằng chăng ? Không phải, chỉ vì tâm với khí của ta không biết dưỡng mà thôi. Tâm thánh-hiền thời thấm nhuần với đạo-đức, ngấm nghía với nhân-nghĩa, đạo-đức nhân nghĩa đã súc-tích, thời khí bởi đó cũng sung-túc ; khí đã sung-túc, có lẽ nào văn lại không thịnh-vượng được ?

Người đời nay đã không được như thế, mà lại muốn văn mình giống như văn thánh hiền, quyết không thể nào được vậy. Than ôi ! Người đời nay sao hoặc lắm thay !

Thánh hiền học là học từ tâm cho đến thân, từ thân cho đến nhà, cũng nhiều việc lắm, nhưng chưa từng học

văn trước bao giờ. Người đời nay từ nhỏ đến nhớn, chửa rồi đến việc gì, mà chỉ chăm chú một đường học văn ; nhẽ ra văn đời nay hơn văn thánh hiền, thế mà lại không bằng, là tại cớ sao ? Là vì không khơi trên nguồn, mà chỉ giơ đập dưới ngọn sóng ; không vun dưới gốc, mà chỉ dút tót trên ngọn cây ; thế tất đến cây phải khô, mà dòng phải cạn vậy.

Thế thời làm thế nào mà làm được văn ? Phải có một đường nào chớ ? Thánh hiền dẫu không trông thấy được, mà những nhời đạo-đức nhân-nghĩa của thánh hiền vẫn còn ở sách, tìm mà học lấy, không những là bắt chước cái văn-chương, mà lại phải bắt chước cả đức-hạnh, không những là ghi biết ở trong tâm, mà lại phải hiển chứng ra ngoài mình, nhỏ thời làm văn vẻ cho một nhà, giáo hóa cho một làng, nhớn thời làm văn-minh khắp cả bốn phương, thấm thía cho nhân-dân, điểm trang cho cây cỏ, khiến ai cũng phải sửa đức mà đổi nết, yêu người thân mà kính người tôn, rồi tuyên bá ra giản sách, lưu truyền mãi vô-cùng, cũng may ra sáng được đạo mà lập được giáo, giúp được tục mà hóa được dân chăng.

Than ôi ! Ta làm thế nào mà trông thấy được những người ấy ở về đời này ? Sao ta không nghĩ đến cái thịnh-đức của những bậc thánh hiền đời xưa vậy ?

Nhân có Vương Sinh-Phủ người ở Hồ-lâm, tuổi hãy còn trẻ, học sách Xuân-thu mà tính thích làm văn, mới hỏi ta những phép tắc làm văn ; ta khen là có chí, bèn lấy đại-khái mà bảo cho vậy

---

PHÁP-VĂN THI-THOẠI

Bách-đức-lai (Baudelaire) tiên-sinh

Thơ có hai phần : một là âm-điệu, hai là tình-tứ. Âm-điệu là phần hình-thức, tình-tứ là phần tinh-thần. Âm-điệu tức là cách dùng chữ xếp vần, cho có âm-hưởng tiết-điệu, để đọc cho êm tai vui miệng. Tiếng mỗi nước một khác thì âm-điệu tất cũng không giống nhau, nên thi-luật của nước nào là riêng cho nước ấy, không thể chuyển dịch sang tiếng nước khác được. Đến như tình-tứ thì tức là cái cảm-hứng vậy. Cảm-hứng là thuộc về lòng người, lòng người thì dẫu nước nào đời nào cũng là một, cũng sướng, cũng khổ, cũng vui, cũng sầu như nhau, cũng đem bấy nhiêu cái tình-cảm mà thổ-lộ ra nhời hát câu ca. Song cái cảm-hứng có khi sâu, có khi nông, có khi cao, có khi thấp, có khi rộng, có khi hẹp ; trình-độ, phạm-vi thực là xa-cách nhau vô-cùng vậy. Cùng một cái tình-cảm mà mỗi người cảm ra một cách, tùy tính-tình, nhân cách, tư-tưởng, học-vấn, giáo-dục, kinh-lịch của mỗi người. Bởi thế nên Thơ cũng ví như một cây đàn trăm giây, gẩy ra nghìn khúc kỳ kỳ lạ lạ, tiếng bổng, tiếng trầm, tiếng khoan, tiếng nhặt, cái « thang âm » thực là vô-hạn.

Như thơ nôm ta thì âm-điệu liền với tiếng ta, không thể bắt chước tiếng khác mà thay đổi được. Nên muốn sửa lại những lối thơ cũ phải dần dần tùy theo tiếng nói trong nước, không thể một ngày mà phá được cái khuôn đã dùng từ xưa đến nay. Nhưng cái tình-tứ của thơ nôm thì thực không được giỏi-giào lắm, cái cảm-hứng thực không được cao, không được rộng bằng thơ các nước khác, mà cũng ví như con chim non chưa bay lên đã mỏi cánh, mong sao mà vượt bể lên ngàn được ?

Ngày nay muốn cho thơ nôm phát đạt thì không cần sửa lại âm-điệu vội, mà cốt nhất nuôi lấy cái cảm-hứng trước. Đã có cảm-hứng thì tất tìm được âm-điệu xứng đáng: không có cảm-hứng thì dẫu âm-điệu hay, chẳng qua cũng mới là *thợ*, chưa gọi là *thơ* được. Thường nhận ngày nay những hạng « thợ thơ » thực là nhiều, mà nhà thi-nhân thì thực là ít. Làm thế nào mà gây được những bậc thi-nhân mới cho quốc-âm ta sau này? Thiết-tưởng không gì bằng giới-thiệu cho các bậc ấy biết những nhà thi-nhân có tiếng của Âu-châu, nhất là của nước Pháp, vì văn-chương Pháp ta có thể trực-tiếp mà thưởng-giám được. Từ xưa đến nay ta thuần chịu ảnh-hưởng của thơ Tàu, ảnh-hưởng ấy lâu ngày sâu quá làm mất cả đặc-sắc của nhời thơ ta, thành ra lắm khi thơ nôm cũng chỉ là những bức « vẽ phỏng » của thơ Tàu mà thôi. Nhưng ngày nay ta đã bắt chước được cái thể, cái luật, cái hình-thức của thơ Tàu rồi, thì nên quay về Âu-châu mà đón lấy cái luồng tư-tưởng, gió cảm-hứng mới. Cái cảm-hứng của thơ tây thực là có lắm vẻ li-kỳ tuyệt-thú, xưa nay ta chưa từng được biết bao giờ. Người Tây dùng nhời thơ vẽ được hết cái cảnh-vật trong giời đất, diễn được hết cái tâm-lý trong người ta. Nếu thơ nôm ta bắt chước mà gây được những mối cảm-hứng như thế để thay vào mấy cái xáo cũ xưa nay, thì cái tiền-đồ của thơ nôm sau này thực có thể mong mỏi được nhiều vậy.

Bởi thế nên mở ra một mục « Pháp-văn thi-thoại » để bàn về các nhà làm thơ có tiếng bên nước Pháp, cố diễn-xuất lấy cái đặc-sắc, cái « cảm-hứng » riêng của mỗi nhà, dịch nghĩa những bài thơ chước danh nhất, để giới-thiệu cho các bậc thi-nhân tao-khách ở nước ta một cái kho « thi-liệu » mới lạ, phong phú nhất trong thế-giới vậy.

Lần này bàn về Bách-đức-lai (Baudelaire) tiên-sinh. Tiên-sinh mất năm nay vừa được năm mươi năm, mới rồi bên Pháp có làm lễ kỷ-niệm, các báo tây bàn về tiên-sinh nhiều lắm. Theo pháp-luật thì cái bản-quyền về sách vở của các nhà làm sách sau khi chết rồi còn giữ được năm mươi năm nữa, ngoài hạn ấy thì thuộc về của chung, ai muốn in muốn dịch cũng được. Vậy từ nay thơ văn của tiên-sinh thành của chung cả thiên-hạ, tiên-sinh thực như nhời tây nói là bắt đầu « bước chân vào cõi bất-tử » vậy; nghĩa là từ nay sách vở lưu truyền đi mãi mãi, thế-nhân không bao giờ quên được tên tiên-sinh nữa. Nhân dịp này ta bàn đến thơ của tiên-sinh, thực là hợp thời vậy.

***

Tiên-sinh thực là một nhà làm thơ có tài nhất của nước Pháp về thế-kỷ thứ 19. Kể từ khi tiên-sinh mất đến nay, cái thanh-danh cứ mỗi ngày một tăng lên, hiện bây giờ không ai là không đọc đến tên. Toàn-tập của tiên-sinh không có mấy: trừ mấy quyển bàn về mĩ-thuật, một bộ dịch đoản-thiên-tiểu-thuyết của nhà văn-hào nước Mĩ Áp-kha Bôi (Edgar Poë), một tập đề là « Nhân-tạo chi thiên-quốc » (*Les Paradis artificiels*) tả cái khoái-lạc của nha-phiến, rượu bồ-đào, thuốc Ả-rập [1], toàn là những thứ làm cho mê-mẩn tinh-thần, gây nên những cuộc mộng lạ, văn-chương rất là kỳ-điệu, một tập « Thơ bằng-tản văn » (*Petits poèmes en prose*) cũng kỳ thú mà khác thường lắm; trừ bấy nhiêu bộ, duy chỉ có tập thơ đề là « Ác-hoa » (*Fleurs du mal*), là tuyệt-tác hơn cả. Túng-sử bình-sinh chỉ làm được một tập ấy cũng đủ được hưởng

(1) Người Ả-rập dùng một thứ cây gai tên là « hà-sích » (*haschich*) để làm thuốc hút. Thuốc ấy hút vào có tinh âm say mê người như uống rượu, như hút nha-phiến.

vinh-dự đời đời. Tập thơ ấy như luyện như đúc lại không biết bao nhiêu tư-tưởng kỳ lạ, thực là bày ra cho ta xem hết cả những chốn thâm-sơn cùng-cốc trong tâm-giới người ta. Lắm bài cái ý-tứ thâm-trầm quá, lúc mới đầu không mấy người hiểu, cho tiên-sinh là người hiếu-kỳ, người điên, người cuồng. Nhưng càng xem càng nghĩ càng thấy ngấm-nghía, mới biết rằng tiên-sinh thực là một bậc thiên-tài, thuộc cái tâm-lý người ta như trên bàn tay vậy. Bởi thế nên đọc thơ tiên-sinh có cái cảm sâu xa vô cùng.

Tiên-sinh mang cái hồn rất cao-thượng, nhất-sinh chỉ mê cái Tuyệt-phẩm. Trông thấy những sự xấu-sa ô-uế của người đời, trông thấy những thói đê-tiện hèn-mạt của xã-hội, trong lòng khinh-bỉ mà chán-nản vô cùng. Như thế thì sống ở đời này chịu sao cho được. Nên tiên-sinh coi đời người là một cái nghiệp-báo, không biết lấy gì làm thú nữa. Lại thêm từ thủa trẻ hết cả gia-tài, mang thêm lấy tật bệnh, như thế thì cái nợ sống nặng-nề mà dau-đớn cho tiên-sinh biết chừng nào ? Cái cuộc thân-thế của tiên-sinh thực là thảm-thê vô cùng. Suốt đời không được một lúc nào ngơi, mấy năm cuối đời lại là những năm khổ hơn nhất. Những nhà thi-nhân khác cũng lắm người khổ-sở nhiều, nhưng thường gặp được cái ái-tình của người tri-kỷ, nó cũng làm cho nguôi được sự phiền-não ở đời. Đến như tiên-sinh thì cuộc ái-tình cũng trắc-trở mà gian-nan. Cái vinh-dự thì sinh-thời chưa từng được hưởng bao giờ, họa là gặp được mấy người biết tài mà cảm-phục mà thôi.

Tiên-sinh vốn người cao-thượng, không hề đem lòng oán giận căm-tức bao giờ. Nhưng thơ văn của tiên-sinh thực là cực-tả cái cảnh éo-le của mộng-hồn đối với thực-sự, một đằng thì thanh-cao tuyệt-đích như thế kia, một đằng thì thô-bỉ hèn-mạt như thế này. Các nhà phê-bình tây thường nói tiên-sinh đã cho người đời một cái « rùng mình mới lạ » (*un frisson nouveau*). Cái « rùng mình » ấy tức là sự cảm sâu xa mà đau đớn về cái cảnh éo-le rất bi-thảm ấy vậy.

Trong tập thơ « Ác-hoa » (*Fleurs du Mal*), phần nhiều bài đề là « Sự Ưu-tất cùng cái Tuyệt-phẩm » (*Spleen et Idéal*). Tự cổ-kim chưa có nhà thi-nhân nào có cái tài tả những sự ghê-thảm, uất-ức, bực-tức, u-sầu, bằng tiên-sinh. Tiên-sinh vốn ham những cảnh mĩ-lệ trang-nghiêm, nhưng đem tả những cảnh ấy ra không phải là để tìm lấy một sự khoái-lạc riêng cho mình, tả ra chỉ để chứng cho cái sầu-khổ ở đời, tả ra để cho biết rằng ở đời không có vậy. Thảm thay ! Nhưng tiên-sinh rất ham sự thực, lấy làm của báu nhất ở đời. Bình-sinh đã bỏ hết cái lòng hi-vọng với đời, nên chỉ nhất-quyết nghĩ sự thực, nói sự thực mà thôi. Không hề lấy cái văn-chương điêu-trác mà dối đời. Một đời tiên-sinh đã từng trải đủ mọi cảnh khổ : cảnh nghèo, cảnh ốm, cảnh đói, cảnh rét, cảnh đau đớn, cảnh bi-thương, cảnh mất người yêu, cảnh bị người lừa, cảnh mong mà không được, cảnh tránh mà phải gặp, bấy nhiêu cái đều đến cùng, đến cực-điểm, mà làm cho héo gan đứt ruột. Bấy nhiêu nỗi tiên-sinh chịu khổ thế nào, tiên-sinh nói ra làm vậy : bởi thế nên nhời thơ của tiên-sinh bi-đát như thế.

Tiên-sinh lại là một bậc thiên-tài, nên đã tìm được những nhời tuyệt-diệu trong tiếng Pháp để diễn những cái cảm lạ, cái thú kỳ, cái mộng ghê, cái nhớ thảm ấy. Vả xưa nay tinh-tứ lạ với nhời thơ hay vẫn là do một nguồn mà ra vậy.

Các nhà phê-bình bàn về tiên-sinh thực là nhiều, vì nhiều người cảm-phục tiên-sinh lắm. Nhưng chưa ai tìm được cái bí-thuật trong văn-chương của tiên-

sinh. Mỗi câu thơ của tiên-sinh là một câu tuyệt-điệu, mà lại có cái đặc-sắc không lẫn với thơ người khác được. Cái cảm của câu thơ ấy vừa thuộc về « vẽ », vừa thuộc về « đàn », nghĩa là đọc lên không những là vui tai như tiếng đàn hay, mà lại hình như trông thấy cái cảnh hiển-hiện ra trước mắt như bức tranh đẹp vậy.

Một nhà thi-nhân như thế thực là một nhân-vật độc-nhất-vô-nhị trong thế-giới. Không phải là người riêng một nước nào, thực là người chung của cả thiên-hạ. Vì cái đầu bài trong văn-chương người ấy cũng chỉ có một không có hai : là cái nhân-thân con người ta, cái tâm-cảnh trong người ta vậy. Nhân-thân ấy, tâm-cảnh ấy, người ấy đã giãi bày ra cho ta đến khắp mọi chốn u-âm cùng-cực. Dẫu người đời nào, người nước nào đọc những câu thơ ấy cũng khám-phá được cái bí-tàng trong tâm-hồn mình vậy.

***

Sau này lục mấy bài thơ của Bách-đức-lai tiên-sinh cùng dịch nghĩa ra quốc-ngữ.

Một bài đề là « U-uất » (*Spleen*)

Quand le ciel bas et lourd pèse comme un couvercle
Sur l'esprit gémissant en proie aux longs ennuis,
Et que de l'horizon embrassant tout le cercle
Il nous verse un jour noir plus triste que les nuits ;

Quand la terre est changée en un cachot humide,
Où l'Espérance comme une chauve-souris,
S'en va battant les murs de son aile timide
Et se cognant la tête à des plafonds pourris,

Quand la pluie étalant ses immenses traînées
D'une vaste prison imite les barreaux,
Et qu'un peuple muet d'infâmes araignées
Vient tendre ses filets au fond de nos cerveaux,

Des cloches tout à coup sautent avec furie
Et lancent vers le ciel un affreux hurlement,
Ainsi que des esprits errants et sans patrie
Qui se mettent à geindre opiniâtrement.

— Et de longs corbillards sans tambours ni musique
Défilent lentement dans mon âme ; l'Espoir,
Vaincu, pleure, et l'Angoisse atroce, despotique,
Sur mon crâne incliné plante son drapeau noir.

Dịch nghĩa :

« Những khi trong trí ai-oán buồn-bực không dứt, giời thấp nặng chình-chịch như cái vung, bao-lung cả chân mây góc bể mà trút xuống cho ta một cái ngày tối thảm hơn là đêm,

« Những khi mặt đất biến thành ngục tối, để giam cái thần Hi-vọng ở trong, khác nào như con dơi bay trong nhà hoang, đập cánh vào tường ẩm, đâm đầu vào trần mục,

« Những khi mưa trút nước xuống tựa hồ như đặt dóng sắt cho một cái nhà tù nhớn, mà trong cùng óc ta thì hình như có vô-số những con dện sù-uế đến chăng giây mắc mạng,

« Những khi ấy thì tiếng chuông tiếng trống ở đâu bỗng nổi lên đùng đùng, tung lên giời những tiếng kêu gầm thét, như một lũ oan-hồn chưa thác đồng-thanh mà rền-rĩ thiết-tha.

« — Bấy giờ tôi tưởng như trong hồn tôi đương chầy lũ-lượt những đám-ma, không kèn không trống, lẳng-lặng mà đi. Thần Hi-vọng bị thất-bại khóc rưng-rức, thần Sầu-khổ được thắng-thế ra tay tàn ác nghiêng đầu xuống mà chôn lá cờ đen vào trong óc. »

Nhời thơ kỳ thay ! Họp những câu tỉ-dụ rất ghê rất thảm mà hình-dung ra cái « U-sầu » ở trong lòng, nó nhấm gan đục óc người ta, kỳ thực là kỳ !

Một bài đề là « Chuộc-mình » (*La Rançon*) :

L'homme a, pour payer sa rançon,
Deux champs au tuf profond et riche,
Qu'il faut qu'il remue et défriche
Avec le fer de la raison ;

Pour obtenir la moindre rose,
Pour extorquer quelques épis,
Des pleurs salés de son front gris
Sans cesse il faut qu'il les arrose.

L'un est l'Art et l'autre l'Amour.
— Pour rendre le juge propice,
Lorsque de la stricte justice
Paraîtra le terrible jour,

Il faudra lui montrer des granges
Pleines de moissons, et des fleurs
Dont les formes et les couleurs
Gagnent le suffrage des Anges.

« Giời đã cho người ta để lấy mà chuộc mình, hai cánh đồng đất sâu và tốt, phải bừa phải sới, bằng cái cày cái cuốc của linh-tính ;

« Muốn cho mọc được một bông hồng nhỏ, muốn cho nẩy được mấy bông lúa sơ, phải lấy mồ-hôi nước mắt trên trán đen mà tầm tưới không dời.

« Một cánh-đồng là Mĩ-thuật, một cánh-đồng là Ái-tình. — Muốn cho đến ngày ghê-gớm là ngày « xử án » sau cùng, được vừa lòng ông Thiên-chúa,

« Thì bấy giờ phải có những lẫm thóc đầy, những cụm hoa nở, hình đẹp sắc tươi, để đẹp mắt ưng lòng các vị thiên-thần ngồi thẩm-phán. »

Bài thơ này ý-nghĩa cũng thâm-trầm lắm. Cái ý nói rằng người ta sống ở đời như để làm trọn một cái nghiệp-báo, không phải là có sung-sướng gì. Muốn cho trọn cái nghiệp-báo ấy, thì chỉ nên thờ cái Đẹp ở trong trí, nuôi cái Yêu ở trong lòng, có thế thì ngõ-hầu mới mong chuộc được mình trong cõi sầu-khổ này vậy.

Một bài để là « Bình-tĩnh » (*Recueillement*).

Sois sage, ô ma Douleur, et tiens-toi plus tranquille,
Tu reclamais le soir ; il descend ; le voici :
Une atmosphère obscure enveloppe la ville,
Aux uns portant la paix, aux autres le souci.

Pendant que des mortels la multitude vile,
Sous le fouet du Plaisir, ce bourreau sans merci,
Va cueillir des remords dans la fête servile,
Ma douleur, donne-moi la main ; viens par ici,

Loin d'eux. Vois se pencher les défuntes Années,
Sur les balcons du ciel, en robes surannées ;
Surgir du fond des eaux le Regret souriant ;

Le soleil moribond s'endormir sous une arche,
Et comme un long linceul traînant à l'Orient,
Entends, ma chère, entends la douce Nuit qui mar-
[che.

Dịch nghĩa :

« Hỡi cái đau đớn của ta ơi ! mình nên lẳng-lặng mà chớ băn-khoăn. Mình muốn cho chiều tối : chiều đã đến, tối đây này. Khi tối bao-bọc nơi thành-thị, khiến cho kẻ này được bằng dạ, kẻ kia phải rối lòng.

« Trong khi lũ người đời hèn-mạt bị cái thần « Ăn-chơi » tàn ác nó thúc nó đánh, sô nhau vào chốn chơi-bời đê-tiện để chuốc lấy cái ăn-năn ở trong lòng, hỡi cái đau-đớn của ta ơi ! mình đưa tay ta giắt, lại đây với ta.

« Xa lũ chúng nó. Mình trông lên chốn bao-lơn trên giời kia, thấy những thần năm xưa tháng cũ, còn mặc áo cựu-thời, cúi nhìn xuống với ta ; mình trông ở nơi đáy nước kia cái thần Thương-tiếc nó mỉm cười với ta ;

« Mình trông vừng mặt giời tàn sắp lặn dưới bóng hào-quang. Mình nghe, hỡi mình ơi ! mình nghe cái thần Đêm đương lẳng-lặng đi, như kéo về mặt Đông-phương một tấm dạ phủ-quan dài. »

Từ xưa đến nay những bậc đại thi-nhân vẫn lấy cái đau-đớn làm bạn, mà dễ ở đời không có bạn nào thủy-chung bằng bạn ấy. Phàm người đã mang tấm lòng cao-thượng mới biết bạn ấy là quí. Những khi bóng chiều đã xế, cảnh-vật thê-lương, cái sầu vô-hạn chan-chứa trong lòng, trông thấy lũ người đời vô-tri vô-giác sô đẩy nhau vào chốn ăn chơi, bấy giờ muốn ôm muốn cầm lấy cái bạn Đau-đớn kia mà cùng nhau nguyện ước trăm năm cho cam cái thân bất-tục ở đời.

PH. Q.

VĂN-HỌC HI-LẠP

II

KỲ THỨ HAI (*bài nối*)

II. — LỊCH-SỬ

(*Période historique*)

Cách thời-đại thi-ca vài thế-kỷ, thời thể tản-văn mới thịnh-hành. Thể ấy là thể văn xuôi, các nhà làm sử thường dùng hơn cả.

Ở vào thế-kỷ thứ sáu trước kỷ-nguyên, các nhà chép sử đại-danh có ông Hắc-la-đô-đức (Hérodote), ông Đô-tây-địch-đức (Thucydide), và ông Tiết-nã-phồn (Xénophon), đều làm ba ngôi thái-đẩu thời bấy giờ, dẫu đến nay các học-giả còn phải suy-tôn tổ-thuật vậy.

A. — Hắc tiên-sinh (Hérodote), sinh năm 484 trước kỷ-nguyên ở đất Hạ-lý-cát (Halicarnasse) thuộc về Tiểu Á-tế-á (Asie mineure). Người ta gọi tiên-sinh là tị-tổ nghề sử Hi-lạp.

Tiên-sinh là một tay khảo-cứu nhiều, tính thích sự du-lịch, đã từng qua nước Ý-đại-lợi (Italie), nước Ai-cập (Egypte), nước Ba-tỉ-luân (Babylone) và các nước ở châu Á (Asie), châu Phi (Afrique). Cái gót chân tiên-sinh gần khắp hoàn-vũ thời bấy giờ. Đi đến đâu xem xét phong-tục, rồi lấy cái ngọn bút thần, nhuệ mà thuật những tình-trạng các nước cổ thời, như phơi ra trước mắt người ta. Sách tiên-sinh chia ra chín bộ, mỗi bộ người Hi-lạp đặt cho một tên riêng.

Bốn quyển thứ nhất, lối văn chép như truyện-ký, kể những sự đại chiến-tranh nước Ba-tư, những việc binh-đao xứ Nhược-ni (Ionie), với những truyện vua Đa-duy-sĩ (Darius) và vua Xích-xa-sĩ (Xerxès) nước Ba-tư.

Văn-chương tiên-sinh lưu-loát bình-dị như có sinh-khí, khiến người đọc đến sách quyến-luyến không nỡ dời tay; người ta gọi là sử-gia khởi-tổ cũng không phải quá khen. Đến bây giờ các nhà làm sử vẫn phải lấy tiên-sinh làm dẫn-chứng, bởi vì tiên-sinh đã khéo kể phong-tục các nước đời xưa rất tường.

Tiên-sinh mất năm 425 trước kỷ-nguyên.

B. — Đô tiên-sinh (Thuycidide) sinh năm 471 trước kỷ-nguyên ở Á-địch-khắc (Attique), danh-giá thì kém Hắc tiên-sinh. Song đã đặt cho nghề sử một cái cơ-trục mới.

Tiên-sinh ở gần kinh-thành Nhã-điển, khi mới 15 tuổi theo cha đi xem quốc-tế, gặp hồi Hắc tiên-sinh diễn-thuyết về lịch-sử, nghe mà rơi lụy. Khi về nhà phát phẫn độc thư, quyết chí làm nhà sử học. Cũng có đi tòng quân ở trận Tỉ-la-bôn (Péloponèse), nhưng chẳng có công trạng gì; chép được quyển « Tỉ-la-Bôn chiến-tranh ký » là nhờ có thân lịch cảnh ấy vậy.

Văn-chương tiên-sinh trực-thiết, chứ không dùng sự hư-sức. Phàm bàn nói thường lấy triết-học mà suy đoán, cho nên người ta cũng gọi là một tay sử gia kiệt xuất, đến ông Đức-mạt-tiên (Démosthène) là một nhà khẩu-biện danh-gia cũng phải phục cái tài văn của tiên-sinh. Tiên-sinh mất năm 395 trước kỷ-nguyên.

C. — Tiết tiên-sinh (Xénophon) sinh năm 445 trước kỷ-nguyên, người ở Nhã-điển, vừa là một ông tướng-quân, vừa là một tay sử học, lại kiêm nhà triết-học nữa. Tiên-sinh là đệ-tử ông Thoa-lạp-cách-đề (Socrate). Lúc còn thiếu-niên có tiếng khỏe. Chước-thuật cực nhiều.

Những sách có tiếng như sau này :

1° Hi-lạp-ký (*Helléniques*) kể từ năm 411 tới trận Man-đích-nê (Mantinée) là năm 362.

2° Viễn-chinh-lục (*Anabase*) kể các việc 10 vạn quân Hi-lạp đi viễn-chinh nước Ba-tư (Perse), nhời văn bình-dị, minh-sướng, đọc vui lắm.

3° Tây-lỗ-vương giáo-dục truyện (*Cyropédie*), cũng là một quyển chính-trị tiểu-thuyết.

Tư-tưởng tiên-sinh thực tỏ mỏ, biết thấu đáo công kia việc nọ thời bấy giờ. Cho nên văn-chương trôi chảy, dễ đọc dễ cảm.

Tiên-sinh mất năm 355 trước kỷ-nguyên.

***

Vật đổi sao dời, ngày qua tháng lại ; đầu đội giời, chân đạp đất, khi ngắm núi xanh, khi trông nước biếc, lúc nom hoa nở, lúc chờ giăng lên, chen vai ở với ta trong đời này biết bao nhiêu người. Trước ta cũng nhiều, sau ta cũng lắm. Người trước ta ta không biết, kẻ sau ta ta chẳng hay. Cùng với ta ngày nay cũng như trước ta, sau ta, đều đầu đội giời, chân đạp đất, khi ngắm núi xanh, khi nhìn nước biếc, lúc nom hoa nở, lúc chờ giăng lên.

Người trước ta thì đã qua, kẻ sau ta thì chưa đến. Người trước ta hẳn cũng vị ta, song đã qua rồi thì ta cũng không làm thế nào được. Vì thế mà ta thương, ta thương mà ta muốn nối gót để cùng những người cùng sống với ta thời nay lo toan cho kẻ sau ta, mà làm cho trọn công-nghiệp của người trước cũng đã vị ta như ta vị người đời sau vậy.

Có lẽ cái nguyên do sự chép lịch-sử là thế đó ?

Lịch sử là gì ? Là quyển sổ biên lại những cái ý-hạnh gia-ngôn của người đời trước, để chỉ thị cho người sau xem đó mà nhớ đến công xưa đức cũ, chấn khởi cái tinh-thần ái-quốc-gia, ái-chủng-tộc lên. Xã-hội nào cũng thế, nguyên là một đám quần tam tụ ngũ ở các thời-đại dã-man mà ra. Nhờ được một vài bậc nhân-nhân quân-tử khai đạo cho văn-minh thêm mãi lên. Song cái tấn tuồng đời lắm cách rối rít cho người ! Qua cái thời đại buộc-giây chân-thật, kế đến cái buổi danh-lợi bôn-su, gươm đao giáo giở ; những cảnh đáng ngâm, những hồi đáng hát, kế đến những đoạn đáng khóc, những truyện đáng cười, lần lượt xen nhau trên chốn vũ-đài của lịch-sử. Thấy thế mới phải khảo chứng những việc đã qua, xem xét những việc hiện-tại, cùng dự-tưởng những việc tương lai. Chép bàn cho thế nhân làm giám làm giới, để cho kẻ sau biết việc người trước, tránh điều hại, theo điều lợi mà khỏi đến nỗi sai nhầm vậy.

Bởi thế nên trong các văn-chương có một thời-kỳ lịch-sử thường ở vào sau đời ngâm-vịnh, và lối tản-văn bắt đầu từ đấy.

NGUYỄN-MẠNH-BỒNG

(Còn nữa)

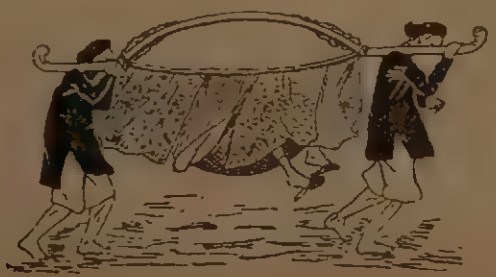

Phụ-trương bằng chữ Pháp của báo Nam-Phong

Bản-báo định bắt đầu từ tháng riêng tây năm 1918, tức là kỳ sau này (số thứ 7) in thêm một tập phụ-trương bằng chữ Pháp độ 10, 15 trang, để lựa dịch các bài trong quốc-ngữ chữ nho ra. Các bạn đọc báo nhiều người vẫn ước ao cho bản-báo có một phần chữ tây nữa thì mới thực là vừa ý đủ mọi người. Bản-báo cũng thiết-nghĩ như thế, nhưng mấy tháng đầu, mọi việc còn mới kinh-doanh, nên chưa thể thực-hành được. Nay cơ-sở đã tiệm-thành mới có thể nghĩ đến đường khoáng-trương cho bản-báo mỗi ngày một phát-đạt thêm lên. Trước hết hẵng xin bổ lấy sự khuyết-điểm lúc ban đầu, tức là thêm một phần chữ Pháp, cho bản-báo được đủ ba thứ chữ cần-dùng cho người nước Nam ta ngày nay.

Thực thế. Người An-nam ở thời này muốn có cái học-vấn hoàn-toàn cần phải kiêm-thông ba thứ văn-tự : trước nhất là tiếng nước mình, phải cố gây, cố đào-luyện cho thành một nền quốc-văn xứng-đáng thì mới mong có ngày tiến-hóa được ; rồi đến văn-tự của hai nước đã có ảnh-hưởng đến cuộc sinh-hoạt dân ta : một là chữ nho cần phải biết mới hiểu được cái gốc đạo-đức giáo-dục cũ, mới giữ được cái nền quốc-túy trong nước ; hai là chữ Pháp cần phải học mới biết được cái nhẽ văn-minh học-thuật mới, mới thấu được những tư-tưởng lạ ngày nay. Ba thứ chữ ấy đều là cần cho những bậc trí-thức trong nước, nếu thiếu một đường nào thì sự học tất không được hoàn-toàn vậy. Bản-báo cũng muốn giúp một phần nhỏ trong việc gây-dựng lấy một nền học hoàn-toàn như thế. Tưởng các bạn đọc báo sẽ lượng biết cho vậy.

Các ngài mua báo đồng-niên trước ngày 31 tháng 12 năm 1917, ông nào muốn lấy thêm tập Phụ-trương bằng chữ Pháp, thì xin cứ viết thư về, bản-báo sẽ gửi tặng không lấy tiền, cho đến hết hạn mua báo. Ông nào mới bắt đầu mua từ tháng 1 năm 1918 mà muốn nhận cả tập Phụ-trương thì xin gửi thêm một đồng bạc ngoài số tiền báo, tức là 4 đồng cả thảy.

NAM-PHONG *kính-khải*

TRIẾT-HỌC BÌNH-LUẬN

ĐẸP LÀ GÌ?

Mấy nhời bàn về mĩ-học

Ta thường nói cái này đẹp, cái kia xấu ; đọc bài văn khen hay, nhìn bức tranh khen khéo, nghe đàn mà cảm-động, xúc-cảnh mà hưng-hoài. Bấy nhiêu cái đều gợi ra trong tâm-tình ta một cái cảm riêng, các nhà tâm-lý-học gọi là « mĩ-tình » (*émotion esthétique*). Cái mĩ-tình thường cho là riêng của từng người. Cùng một cái cảnh, cùng một bức tranh, cùng một bài văn, cùng một khúc đàn, có nhẽ người này cho là đẹp mà người kia cho là xấu, người kia khen là hay mà người này chê là dở, đều là tùy sự sở-thích, cái thói quen của mỗi người. Song, nếu như thế thì cái quan-niệm về sự *Đẹp* há lại không có chuẩn-đích ru? Đã hay rằng cái lòng sở-thích thì mỗi người một khác, tùy sự giáo-dục, tùy cái tính-chất riêng của mỗi người mà không thể ép cho giống nhau được. Nhưng làm sao có khi cùng một nền văn-chương, cùng một bậc tranh vẽ, ai ai cũng đều khen là hay, ai ai cũng đều nhận là đẹp ? Như trong văn-chương nôm ta có truyện *Kiều*, dù là bọn nông-phu dã-phụ, dù là kẻ vô-học, hạng thợ-thuyền, dù là bực giai-nhân tài-tử, bác-học danh-sĩ, cũng đồng-thanh công-nhận là hay cả, mỗi người nhận hay ra một vẻ, nhưng ai cũng cho là hay. Cớ sao cái lòng sở-thích của người ta vốn nó bất-nhất như thế — cái cảm-giác của anh thợ cầy với ông hay chữ quyết là không sao giống nhau được — mà có khi nó hòa-hợp đến nỗi cùng khuynh-hướng về một đường như vậy ? Như thế thì cái mĩ-tình tuy là một cảm-tình riêng mà cũng có cái gốc chung ; cái quan-niệm về sự đẹp không phải là không có chuẩn-đích. Bởi sao vậy? Là bởi cái đẹp đã lên đến trình-độ cao thì tự nó có cái sức mạnh vô cùng, cảm người ta rất sâu mà điều-hòa được mọi sự phản-trái. Các bậc đế-vương đời xưa dùng âm-nhạc mà trị dân thực là thâm-hiểu sức mạnh của cái mĩ-tình vậy. Các nhà triết-học ngày nay cũng có người xướng lên rằng nên lấy mĩ-thuật làm giáo-dục thì các xã-hội mới được hưởng cái hạnh-phúc hòa-bình.

Xét như thế thì sự *Đẹp* không phải là không có phép-tắc, không phải là chỉ thuộc về cái cảm-giác riêng của từng người, mà thực là có quan-hệ với xã-hội vô-cùng vậy.

Phát-biểu cái phép-tắc ấy, nghiên-cứu sự quan-hệ ấy, đó là mục-đích của một khoa-học riêng gọi là « thẩm-mĩ-học » (*esthétique*). Phàm các hiện-tượng trong thế-giới đều có thể học được cả ; không những là các hiện-tượng mắt ta trông thấy, tai ta nghe thấy, giác-quan ta cảm được, đến những hiện-tượng vô-hình vô-trạng ở chốn u-u âm-âm là cái tâm-giới của ta cũng có thể nghiên-cứu được. Như thế thì cái *Đẹp* là cái phong-thú của người đời, là cái phong-thú của cảnh-vật phản-chiếu vào trong lòng người, cái đẹp nó làm giá-trị hoàn-toàn cho đời người, há lại không có thể học được ru ?

Vậy thẩm-mĩ-học là môn học riêng, nghiên-cứu về sự đẹp, về tính-chất, hình-thức của sự đẹp.

Hoặc-giả có người nói : Người không có tài thì chẳng mĩ-học nào dạy cho có tài được. Đã không có tài thì dù theo

phép-tắc, theo qui-củ của mĩ-học, cũng không bao giờ làm thành những công-trình tuyệt-tác được. Nói rút lại thì làm ra đẹp, cảm sự đẹp, là một cái cao-hứng tự-nhiên, không thể đặt thành khoa-học mà dạy được. — Xin đáp rằng: Cái mục-đích của mĩ-học quả không phải là muốn dạy cho người ta có tài. Chỉ chủ một việc : là nhân cảm cái gì đẹp, muốn giải nghĩ xem sở-dĩ làm sao mà nó đẹp ; muốn nghiên-cứu cái lý-do của mọi sự phán-đoán, mọi sự cảm-giác về mĩ-thuật. Sự nghiên-cứu ấy không sợ làm giảm mất thú của cái đẹp đi. Không những nó không làm giảm mất, mà lại có phần tăng thêm lên nữa. Vì cái « mĩ-tình » không phải là cứ mập-mờ phảng-phất mới gọi là mạnh ; cái « mĩ-tình » cũng như mọi cái tình-cảm khác, càng biện-giải được phân-minh thì lại càng thâm-thiết hơn lên. Phàm đã gọi là *chân-mĩ* thì cái phong-thú nó vô-hạn, càng đến gần, càng biết kỹ, lại càng cảm mạnh. Bởi thế nên nghiên-cứu mĩ-học không phải là không có ích-lợi về thực-tế ; mĩ-học có thể làm cho người ta sành ra, mà gây nên cái lòng hiếu-mĩ, cái tính phong-nhã. Phàm cái gì đẹp, quan-sát cho kỹ, tự hỏi xem bởi đâu mà nó đẹp, như thế thì dần dần mới biết được hết cái giá-trị của nó, mà cái lòng yêu mến nó cũng nhân đấy mà tăng thêm lên vậy.

Cái chương-trình của khoa mĩ-học có thể chia ra làm ba phần như sau này :

Một là bắt đầu tự trong tâm-giới người ta mà cứu xét xem lúc người ta đứng trước cái cảnh đẹp, hoặc là cảnh thiên-nhiên, hoặc là công nhân-tạo, thì trong lòng cảm ra làm sao.

Hai là nhân đó tìm xem bởi những tính-cách gì mà cái đẹp nó cảm ta như thế ; tức là giải cái tính-chất của sự đẹp.

Ba là xét riêng về cái công người ta chủ-ý cấu-tạo ra những nền « mĩ-tác », tức là giảng về mĩ-thuật cùng các mĩ-nghệ khác.

* * *

Như ta đứng trước một cái cảnh-chí thiên-nhiên, hay một bức tranh vẽ đẹp, hoặc là đại-đề cái gì đã nhiều người công-nhận cho là đẹp, thì cái cảm-giác ta lúc bấy giờ thế nào ?

Trước khi xét cái vấn-đề ấy, phải biết rằng phàm sự đẹp bao giờ cũng phải cảm đến *giác-quan* của người ta, hoặc là cảm ngay vào một *quan* trong *ngũ-quan*, hoặc là cảm đến cái « nội-quan » trong tâm-giới, tức là cái sức *tưởng-tượng* vậy.

Như thế thì sự đẹp không phải là thuộc về xiêu-hình ; phàm đã gọi là đẹp thì phải có thể cảm ngay vào người ta được. Song không phải là cảm đến cả ngũ-quan đâu : như cái mùi thơm, cái vị ngon thì dù thơm đến đâu ngon đến đâu cũng không gọi là sinh ra « mĩ-tình » được. Trong ngũ-quan chỉ có hai quan là cảm được, thâu được cái đẹp ; tức là thị-quan và thính-quan, mắt trông với tai nghe.

Bởi đó nên từ xưa người ta đã chia các mĩ-thuật ra làm hai hạng : một hạng chủ cảm cái thị-quan thì là các thuật thuộc về hình-sắc, gọi là « tô-tạo thuật » (*arts plastiques*) ; một hạng chủ cảm cái thính-quan thì là các thuật thuộc về thanh-âm, âm-nhạc là đứng đầu hạng ấy. Các thuật thuộc về thanh-âm xem ra có cái sức cảm người ta mạnh hơn cả.

Xét như thế thì sự đẹp không phải là một cái thuần-lý-tưởng ; phàm sự gì vật gì đã gọi là đẹp thì phải có hình-sắc để cảm con mắt người ta, phải có thanh-âm để cảm cái tai người ta, nghĩa là phải thuộc về hình-thể vậy. Sự *đẹp* cũng không thể lẫn với sự *thực* được ; tuy trong cái đẹp phải có một phần thực ở đấy thì mới đáng gọi là đẹp, song thực với

đẹp, vốn khác, không phải là giống nhau. Như cái chân-lý vô-hình, cái chân-lý suông thì không sao sinh ra mĩ-tình được. Cái chân-lý phải diễn ra hình-tượng hiển-nhiên, phải có vẻ sinh-hoạt, thì mới cảm người ta được, mới sinh ra mĩ-tình được.

Nay xét đến cái vấn-đề trên kia mà thử hỏi cái đẹp nó cảm ta ra làm sao. Ai cũng biết rằng trong tâm-giới ta chia ra làm ba phần, gọi là ba cái « năng-lực » của tinh-thần : một là « ý » (*volonté*), hai là « trí » (*intelligence*), ba là « tình » (*sensibilité*). Vậy ta xét lần lượt từng phần một, xem cái đẹp nó cảm vào mỗi phần thế nào.

Trước nhất xét về *ý*. Về phần *ý* thì cái cảm của sự đẹp rút lại có một cái đặc-tính như sau này : là đối với sự-vật gì đẹp thì cái *ý* ta nó xui ta muốn bắt-chước lấy, muốn hình-dung lấy, truyền-thần lấy. Phần nhiều người thì cái ý bắt-chước ấy chẳng qua cũng là một cái man-hứng nhất-thời mà thôi. Nhưng vào những người có tài thì nó thành một cái khuynh-hướng rất mạnh mà đủ khiến nẩy ra cái tư-cách sáng-tạo mĩ-thuật.

Thứ chi đến *trí*. *Trí* chắc là phải có một phần to trong sự cảm-giác cái đẹp. Đối với cái gì đẹp thì trong lòng ta sinh ra một cái cảm-tình gọi là mĩ-tình, sự đó đã cố-nhiên rồi ; nhưng ta vừa cảm mà ta lại vừa phán-đoán nữa. Có người tin nhầm rằng phàm sự đẹp là trực-tiếp ngay vào trong tâm-tình người ta, làm cho say mê người đi, phần *trí* không có can-thiệp gì đến. Thực không phải như thế. Phàm cái chân-mĩ bao giờ cũng phải ứng-hợp với phần *trí* thì mới gọi là hoàn-toàn được. Nếu không thế, nếu chỉ cảm-động đến phần *tình* thôi, thì gọi nó là cái « thú-cảm », chớ chưa được là mĩ-tình, vì mĩ-tình dù mạnh đến đâu cũng vẫn có cái vẻ bình-tĩnh trang-nghiêm hợp với nhẽ phải, tức là hợp với cái trí biện-biệt của người ta.

Bởi thế nên phàm ta xét đoán về mĩ-thuật, đã đoán-định cái này là đẹp, cái kia là xấu, thì cho sự đoán-định của mình là nhất định, là hợp nhẽ, không thể nhầm được. Như trông một cái phong-cảnh đẹp thì tưởng cái đẹp ấy nó cảm mình cũng rõ-ràng, phân minh, sác-nhiên như làm bài tính vậy. Xem như thế thì biết phàm ý-kiến người ta về mĩ-thuật, ai cũng cho là một sự phán-đoán theo nhẽ phải, không ai cho là một sự ngẫu-hứng, không có bằng-cứ gì.

Thứ chi đến *tình*. Đã xét phần *ý*, phần *trí* rồi, nay đến phần *tình*, thì phải chịu rằng sự đẹp quan-hệ với phần này nhiều hơn cả. Nên người ta thường nói đẹp thuộc về tình không phải là nói sai. Cái cảm-giác về sự đẹp nó là một cái khuynh-hướng đặc-biệt, trong cái khuynh-hướng ấy không có một chút lòng tư-kỷ nào. Ta thấy cái đẹp ở đâu thì ta ngả lòng về đấy, không phải là vụ lấy sự ích-lợi gì riêng cho mình. Ta yêu chuộng cái đẹp, chỉ là vì nó đẹp mà thôi, không phải vì nhẽ gì nữa. Nó đã đẹp thì ta không hề hỏi nó có thể dùng được việc gì. Vì trong cái đẹp tức là gồm một sự ích-lợi cao-thượng, sự ích-lợi ấy là khiến được cho ta thỏa lòng mãn ý, được một sự vui-thú hoàn-toàn, không gì sánh bằng. Mà khi ta cảm cái đẹp ấy, thì ta thấy cái phẩm-cách ta cao thêm lên, ta thấy như người ta có giá-trị hơn trước vậy.

Thực như thế. Mĩ-tình là một cái cảm-tình rất cao-thượng, trái hẳn với những sự khoái-lạc duy-kỷ, vốn nó có cái tính dễ ba-cập ra ngoài : một người được hưởng cái đẹp muốn chia cho mọi người cùng được hưởng ; càng lan rộng ra bao nhiêu thì hình như cái thú lại càng thêm lên bấy nhiêu vậy.

Không những là nó dễ ba-cập ra ngoài, nó lại rất là bình-tĩnh trang-nghiêm, hình như càng mạnh bao nhiêu lại càng uy-nghiêm bấy nhiêu. — Nói thế tất có người bẻ lại rằng: Như cảnh đẹp thiên-nhiên thì không gì đẹp bằng cảnh bể nhớn đương buổi ba-đào. Đứng ngắm cái cảnh ấy, cái cảm-giác trong lòng có thể bình-tĩnh trang-nghiêm được ru? — Xin đáp rằng: Nếu là một cảm-giác thuộc về mĩ-học, nếu là một cái mĩ-tình, thì tất là phải bình-tĩnh trang-nghiêm, nếu không bình-tĩnh thì không gọi là mĩ-tình được.

Như người thủy-thủ đi bể, gặp cơn gió bão, sống chết ở trong đám ba-đào, thì cái cảnh giời bể đánh nhau ấy là một cái cảnh dữ-dội ghê-gớm, không phải là cảnh đẹp. Đương khi người thủy-thủ còn đánh vật với sóng ở giữa bể khơi, đương khi người vợ người mẹ đứng mong chồng mong con ở trên bãi bể, cầu nguyện cho thoát-nạn, chắc không có người nào nhìn cái cảnh ấy mà sinh mĩ-tình được. Nhưng người khách du-lịch, đứng trên bờ chiếu ống dòm mà trông ra thì tất lấy cái cảnh phong-ba ấy làm đẹp vô-cùng. Chắc là trông thấy dữ-dội thế cũng có cảm-động, nhưng cái cảm-động ấy không đủ làm rối trí, mà khiến cho không nhận được cái đẹp, vì nếu đã rối trí thì tất sợ mà không thích nữa.

Ấy đại-khái cái đẹp nó cảm vào trong tâm-giới người ta như thế. Nó ảnh-hưởng đến cả ba phần *ý*, *trí*, *tình*, mạnh nhất là về phần *tình*. Ta đã xét sự ảnh-hưởng ấy ra làm sao; ta đã biết cái hiệu-lực nó thế nào. Vậy ta có thể suy ngược đến nguyên-nhân mà giải cái đẹp là cái gì, cùng cái gì làm thành ra nó.

Đó là cái đề-mục để kỳ sau vậy.

PH. Q.

(Còn nữa)

PHỤ CHÚ — Chữ *đẹp* trong bài này là dùng nghĩa rất rộng, mà gồm cả cái ý *hay* ở trong nữa. Ta nhìn bức tranh khen *đẹp*, nghe bài văn khen *hay*, nhưng tiếng *hay* tiếng *đẹp*, đều là chỉ cái mĩ-tình nó sinh ra trong lòng ta trong khi tai ta nghe mắt ta nhìn ấy. Như nhời tây thì đều nói là *đẹp* (beau) cả; ta cũng nên bắt chước mà cho chữ *đẹp* một cái nghĩa thực rộng để gồm được cả mọi sự cảm-tình thuộc về mĩ-học.

KHOA-HỌC BÌNH-LUẬN

MỘT NHÀ KHOA-HỌC ĐẠI-DANH CỦA NƯỚC PHÁP:
BỐI-NHĨ-ĐỨC-LA (Berthelot) Tiên-sinh

II

Cái sự-nghiệp của Bối tiên-sinh về đường khoa-học to-tát vô-cùng. Tiên-sinh thực là một bậc đại-trí hùng-cường nhất mà hoàn-toàn nhất tự cổ-kim đến giờ ; cái tư-tưởng, cái học-vấn của tiên-sinh đã cao như giời rộng như bể, tiên-sinh lại có cái tài riêng về nghề chuyên-môn sâu-sắc vô-cùng. Trong các bậc khoa-học đại-gia về thế-kỷ mới rồi, dễ chỉ có một tiên-sinh là gồm được hết cái thiên-tài giống như những nhà sáng-lập ra các khoa-học ngày xưa lúc văn-minh mới nở, có cái trí hoàn-toàn thấu suốt được muôn vật muôn nhẽ. Khắp trong bể học, về môn nào tiên-sinh cũng phát-minh được nhiều điều cốt yếu, tựa hồ như đặt cái trụ sẵn cho người đến sau cứ việc xây lên vậy.

Từ năm 1850 đến năm 1907 tiên-sinh làm đến hơn 1 nghìn 2 trăm bài in trong sách Kỷ-yếu của hội khoa-học bác-sĩ (*Comptes rendus de l'Académie des Sciences*) cùng trong báo « Lý-hóa học tạp-chí » (*Annales de physique et de chimie*), để thuyết-minh về những sự nghiên-cứu của tiên-sinh. Cứ liệt cho hết những vấn-đề tiên-sinh nghiên-cứu cũng đủ làm một quyển sách con. Ta đành phải chia đại-khái ra làm bốn mục nhớn mà kể qua-loa ra như sau này : 1° Hóa-học tổng-hợp (*Synthèse chimique*) ; 2° Nhiệt-địch hóa-học (*Thermochimie*) ; 3° Nông-địch hóa-học (*Chimie agricole*) ; 4° Hóa-học lịch-sử (*Histoire de la chimie*).

Sự phát-minh to nhất của tiên-sinh là phép « tổng-hợp » thuộc về các vật có cơ-thể, tức gọi là « cơ-thể địch tổng-hợp » (*synthèse organique*), thực đã mở rộng cái phạm-vi của hóa-học ra nhiều lắm.

Những nhà sáng-lập ra hóa-học ngày nay như họ Lạp-ngoã-tiết (Lavoisier) cùng những người đồng thời với họ ấy, khởi xướng ra dùng phép « phân-tích » (*analyse*), để đặt cho hóa-học một cái gốc vững-vàng, không đến nỗi vô bằng-cứ như xưa. Các nhà ấy thấy những chất thuộc về kim-thạch với những chất thuộc về sinh-vật như thực-vật, động-vật, hai đằng thực là khác hẳn nhau, không giống nhau chút nào, thì lấy làm lạ lắm.

Như thuộc về kim-thạch thì xét ra có ngót tám mươi nguyên-chất đặc-biệt hẳn nhau, thuộc về sinh-vật thì tuy bề ngoài trông ra nhiều thứ, mà rút lại chỉ có bốn nguyên-chất hóa-hợp lại mà thành ra, bốn nguyên-chất ấy lúc thường thì thực là khác nhau. Ba chất là chất hơi thì là những hơi làm ra không-khí và nước, trong thế gian này không đâu là không có : dưỡng-khí (*oxygène*), khinh-khí (*hydrogène*) và đạm-khí (*azote*) ; một chất là chất đặc gọi là thán-chất (*carbone*), thì khi kết-tinh lại làm ra kim-cương (*diamant*), khi thành khối tức là than đá (*houille*).

Hai thứ nguyên-chất ấy khác hẳn nhau như thế, thì cái khác ấy bởi đâu mà ra? Có phải là cái bản-thể nó giống nhau, mà chỉ khác ở cách kết-hợp, hay là chính cái bản-thể đã khác nhau rồi ? Muốn giải cái vấn-đề ấy thì họ Lạp-ngoã-tiết (Lavoisier) cùng

những nhà hóa-học kế sau thí-nghiệm đem hợp lại những chất đã phân ra. Thí-nghiệm thế thì thấy những chất thuộc về loài kim-thạch làm được ngay, mà đến những chất thuộc về giống sinh-vật, hằng ngày Tạo-vật sinh sinh hóa hóa ở trước mắt ta, thì thử chẳng lần nào được cả. Bèn kết-luận mà nói rằng những chất ấy thực là bởi cái sức sinh-hoạt nó làm ra, người ta không thể tự chế lấy được.

Nhà hóa-học Bắc-tư-lưu (Berzélius) năm 1848 nói rằng: « Trong cái hữu-cơ-thế-giới (*monde organique*), các nguyên-chất biến hóa xem ra phép-tắc khác hẳn trong vô-cơ-thế-giới (*monde inorganique*). Cái căn-nguyên sự khác nhau ấy rất là huyền-bí, người ta không thể mong bao giờ phát-minh ra được. » Họ Lạp-ngõa-tiết, họ Nhật-áp-nhĩ (Gerhardt) hai người cũng cùng một ý ấy mà nói rằng nhà hóa-học thì phân-tích mà cái sức sinh-hoạt thì tổng-hợp các chất, hai đằng thực là trái ngược nhau, cái kết-quả không tài nào giống nhau được.

Kịp đến Bối tiên-sinh xuất-hiện ra thì tiên-sinh phá-đổ cái lý-thuyết cũ ấy mà xướng lên rằng những chất thuộc về sinh-vật có thể chế-tạo ra được, chỉ dùng đến hai cái sức thiên-nhiên là sức nóng và sức điện mà thôi. Tức là nhà hóa-học cũng có thể tổng-hợp các chất như cái sức sinh-hoạt vậy. Trước tiên-sinh thì hóa-học là một môn « tử-học » (*science morte*), từ tiên-sinh thì hóa-học thành một môn « sinh-học », (*science vivante*); trước chỉ biến-hóa được những chất vô-cơ, chất chết, nay biến-hóa được cả chất hữu-cơ, chất sống; sự biến-cách ấy thực là to-tát vô-cùng.

Nhưng cái bước khởi đầu cũng rất là khó-khăn: như lấy hai cái nguyên-chất của sinh-vật là thán-chất và khinh-khí, thì thán-chất nặng như thế, khinh-khí nhẹ như thế, làm thế nào mà hóa-hợp được hai cái với nhau? Ai cũng cho sự hóa-hợp ấy là không thể nào thành được, thế mà tiên-sinh dùng sức « điện cong » (*arc électrique*) làm thành được. Tiên-sinh chế ra một chất mới gọi là « thủy-thán-khí » (*acétylène*), rồi kế-tiếp mà chế ra được vô-số những chất khác nữa gọi tổng-danh là « thán-khinh-hợp » (*carbures d'hydrogène*). « Thủy-thán-khí » đốt nóng lên thì đặc lại, làm thành ra « thạch-não-du » (*benzine*); pha thêm khinh-khí vào thì thành « sinh-du-khí » (*éthylène*), tức là tinh rượu, pha với nước thì làm ra rượu. Phàm những chất rượu, chất « toan » (*acides*), chất béo, tiên-sinh đều lần-lượt mà chế được hết. Không những thế mà thôi, tiên-sinh còn nói: « Cái phép tổng-hợp của hóa-học rồi mỗi ngày một phát-đạt, có thể lấy ở trong hư-không ra được nhiều chất mới, hoặc giống hoặc tốt hơn các chất thiên-nhiên, thực là ích-lợi cho nhân-loại vô-cùng. » Nào là những hương thơm kỳ lạ, sắc đẹp khác thường lấy ở tinh than-đá (*aniline*) ra, những vị thuốc mới trị bệnh một cách thần-hiệu thay được các thuốc lấy ở cây cỏ; bấy nhiêu thứ sẽ có cách chế lấy được cả.

Nhờ những sự phát-minh ấy, các công-nghệ mới mở ra thật nhiều: như cái chất dầu than, đen-đủi xấu-xí như thế mà đặt xưởng chế-tạo biến-hóa làm thành ra thuốc nhuộm đủ các mùi vừa đẹp, vừa tươi, không mầu hoa nào sánh tầy. Các vị thuốc, các hương thơm cũng vậy. Cứ xem cái sổ những bằng chế-tạo của các nước thì biết không năm nào là trong công-nghệ không thêm ra được đến hàng vạn những chất hữu-cơ mới, chế bằng phép tổng-hợp, mà nguyên trong tạo-vật chưa từng có bao giờ.

Ấy là còn mới khởi đầu như thế. Tiên-sinh mong rằng rồi có ngày dùng phép tổng-hợp ấy mà chế được cả đồ

ăn nữa. Đến bấy giờ thì người ta không phải nhờ giống thực-vật động-vật mà nuôi mình, không phải ăn cơm gạo thịt cá như ngày nay, thực là có thể tránh được cái tội sát-sinh trong đạo Phật, mà chỉ nuốt những miếng chế bằng dưỡng-khí, khinh-khí, đạm-khí, thán-chất, bốn chất ấy họp lại, đủ sống được người. Nếu khi nào cái mộng-tưởng ấy thành thì nhân-loại chẳng được sung-sướng lắm ru ? Tiên-sinh xướng ra cái phép tổng-hợp chẳng nên coi là một đứng cứu-thế ru ?

Xem như thế thì tiên-sinh thực đã lấp được cái vực sâu nó phân-cách hai thế-giới vô-cơ và hữu-cơ trong lối hóa-học khi trước. Bởi thế nên tiên-sinh đã có câu nói rằng : « Hóa-học từ nay tự chế-tạo lấy những vật-chất mình học. Hóa-học có cái tài sáng-tạo ấy thực là có tính-cách giống như mĩ-thuật mà khác hẳn với các khoa-học khác vậy. »

Trong quyển sách thứ nhất của tiên-sinh cũng đã nói rằng : « Dùng phép tổng-hợp của hóa-học mà trị các chất béo thì không những là chế được mười lăm hai mươi cái chất thiên-nhiên hiện đã biết, mà lại còn có thể chế được hàng trăm triệu những chất giống như thế, vì cái phép chung nó cũng là một mà thôi. Xem như thế thì biết cái sức sáng-tạo của phép hóa-học-tổng-hợp mạnh là dường nào, mà cái phạm-vi của nó thực là to hơn cái phạm-vi của tạo-vật hiện đã thành-hình vậy. »

Phàm những sự phát-minh của tiên-sinh, tiên-sinh không nghĩ đem dùng để kiếm lợi bao giờ, muốn để lợi ấy cho cả xã-hội được hưởng. Không phải là không có người mời tiên-sinh mưu sự lợi riêng ấy, nhưng lần nào tiên-sinh cũng nhất-định từ trối. Như khi mới nghiên-cứu về các chất « thán-khinh-hợp » (*carbures d'hydrogène*) thì tiên-sinh nghĩ ngay được cách chế dầu hơi (*gaz d'éclairage*) tiện hơn trước nhiều, làm lợi cho công-ti đèn khí thành Ba-lê mỗi năm mấy mươi vạn quan tiền tây. Tiên-sinh lập-tức công-bố cho thiên-hạ biết, không giữ làm mối lợi-quyền riêng cho mình.

Nhiều lần những nhà công-nghệ nhớn, những bậc cự-phú như họ Mặc-niết (Monier) đến bàn với tiên-sinh hoặc lập-hội hoặc mua lại những thuật-phép riêng của tiên-sinh để chế các chất hóa-học. Một hôm các nhà làm rượu ở phía bắc nước Pháp xin biếu tiên-sinh hai triệu để dành cho họ một cái phép chế-tạo của tiên-sinh mới tìm được. Không lần nào tiên-sinh chịu nhận cả. Lắm khi chỉ nhân một bài thuyết-minh của tiên-sinh mà nhiều người làm giàu to, dựng nên cơ-đồ rất nhớn-nhao, như bài về phép chế thuốc nhuộm các mầu xanh da giời. Lại nhân tiên-sinh nghiên-cứu về thuốc-đạn mà chế ra cái thứ đạn không khói, nếu tiên-sinh có chí muốn làm giàu thì cũng có thể giàu được bằng nhà chế-tạo Nỗ-bản (Nobel) nước Thụy-điển.(1) Công-nghệ của nước Đức ngày nay được phát-đạt rất dữ như thế phần nhiều cũng là nhờ cái phép hóa-học tổng-hợp của tiên-sinh khởi xướng ra trước nhất. Tiên-sinh chuyên-trị hóa-học trong suốt một đời như thế, mà không hề lấy một cái văn-bằng để giữ quyền chế-tạo bao giờ ; tiên-sinh để cái lợi-quyền những sự phát-minh của mình cho cả nhân-loại cùng được hưởng. Tiên-sinh thường nói : « Người học-vấn chỉ nên lấy cái chân-lý làm của. »

Năm 1896, tiên-sinh làm sách đã có câu rằng : « Kể từ khi tôi đã thành-nhân cho đến nay được một nửa thế-kỷ, mà tôi vẫn một niềm giữ

(1) Ông Nỗ-bản chế ra thuốc đạn *dynamite*, sau giàu to, khi chết lấy của đặt ra một cái thưởng rất to gọi là « Thưởng Nỗ-bản » (*prix Nobel*) để thưởng những nhà văn-chương học-vấn có tài trong thế-giới.

cái mộng-tưởng về sự chân-lý, sự công-nghĩa nó đã chiếu-diệu trong tâm-trí tôi từ ngày còn thanh-niên. Cái lòng hi-vọng muốn đặt cho đời tôi một cái mục-đích rất cao-thượng, dù đã trải nhiều năm mà không hề nguội lạnh đi chút nào. Phàm cái gì trong bụng tôi chắc là hay cho nhân-cách tôi, hay cho nước tôi, hay cho nhân-loại, thì bao giờ tôi cũng có cái chí làm nên được. Không bao giờ tôi chịu coi đời tôi là có một cái mục-đích nhất-định, như cầu lấy sự phú-quí để được an-nhàn vô-sự mà hưởng cái sung-sướng riêng, vì nếu đời người chỉ có như thế thôi thì không gì chán bằng. Cái cứu-cánh của đời người ta không phải là cầu lấy sự hạnh-phúc vậy. »

Tiên-sinh đã xướng ra một môn học mới nữa gọi là « nhiệt-địch hóa-học » (*thermochimie*). Phép tổng-hợp thì minh chứng rằng phàm các sức mạnh trong tạo-vật, dù là thuộc về loài kim-thạch, dù là thuộc về giống sinh-vật, cũng là đều theo một phép-tắc như nhau. « Nhiệt-địch hóa-học » thì dạy rằng cái hiệu-lực của các chất có thể đo bằng cái nhiệt-độ lúc nó hóa-hợp với nhau mà biết được, như thế thì phàm các sức mạnh thuộc về hóa-học cũng có thể tính được như các sức mạnh thuộc về vật-lý-học và cơ-khí-học. Sự phát-minh ấy thực là quan-trọng vô cùng, vì từ đấy hóa-học mới không coi là một khoa thuần kinh-nghiệm mà cho liệt vào các khoa hợp-lý (*sciences rationnelles*) vậy. Tiên-sinh chuyên-trị về « nhiệt-địch hóa-học » trong bốn mươi năm giời, đặt ra đổi lại các phương-pháp, chế ra máy dùng, dựng các luật nhớn. Tiên-sinh định được mấy nghìn con số, thực là giúp cho việc tính-toán của nhà hóa-học, vật-lý-học, sinh-lý-học cùng các nhà kỹ-sư trong khắp thế-giới vậy.

Tiên-sinh nhân những sự nghiên-cứu ấy mà khái-luận lên, nói rằng cái phép « thế-lực quân-bình » về hóa-học (*équilibre chimique*) cũng chẳng khác gì phép « thế-lực quân-bình » về cơ-khí-học (*équilibre mécanique*). Như lăn một hòn đá thì nó chạy dốc xuống mãi cho kỳ đến hết sức mới thôi ; hóa-hợp hai chất với nhau cũng vậy, chất nọ phản-ứng chất kia mà thành một hợp-chất mới thì trong khi ấy phát khí nóng ra cực nhiều mà rút sức mạnh lại cực ít vậy.

Đó là cái luật chước-danh về hóa-học, gọi là luật « tối-cao-công-lực » (*principe du travail maximum*), dùng để lượng cái sức tác-dụng của các chất vậy.

Trước kia sự học về đạn-dược vẫn là một môn học kinh-nghiệm, từ khi xướng ra cái « nhiệt-địch hóa-học » thì môn học ấy thành có phép-tắc nhất-định, có thể đo-lường được cái sức mạnh của các thứ thuốc đạn, mà phát-minh ra nhiều thứ thuốc mới, tính trước rồi mới chế, tính sao chế được như vậy.

Thời bấy giờ, các pháo-binh trong thế-giới toàn dùng thứ thuốc đạn đen, là cái thuốc-đạn chế ra đã mấy mươi thế-kỷ, đời nọ kinh-nghiệm mà truyền cho đời kia.

Hồi trận Pháp-Đức năm 1870, khi thành Ba-lê bị vây, Bốt tiên-sinh được cử làm chủ hội-đồng « Quốc-phòng chế-tạo cục » (*Comité scientifique de défense nationale*) bấy giờ mới chú-ý đến cái vấn-đề đạn-dược. Tiên-sinh đem dùng phép « nhiệt-địch hóa-học » mà thí-nghiệm, đến năm 1873 thì báo-cáo rằng cứ lý-thuyết có cách chế được một thứ thuốc đạn mới hai lần mạnh hơn thuốc đạn đen.

Các nhà chuyên-môn nghề đạn-dược nghe tin ấy lấy làm kinh-ngạc, không chịu tin. Kịp đến khi tiên-sinh được cử làm chủ hội-đồng chế đạn-dược thì bắt đầu thực-nghiệm, thấy đúng như trước đã tính không sai một li nào.

Tiên-sinh bèn cùng với họ Duy-nhĩ (Vieille) chế ra máy riêng để đo sức chuyển-động của các thứ thuốc-đạn, máy nhậy đến nỗi đo được từ một phần trong vạn phần một giây đồng hồ (*dix-millième de seconde*). Nhân đó mà sau chế ra thứ thuốc đạn không khói : thực là minh-chứng rằng lúc khởi-đầu tiên-sinh tính đã đúng. Nhờ thứ thuốc-đạn ấy mà trong lâu năm quân-đội nước Pháp được mạnh hơn các quân-đội khác, nước Đức đã mấy phen rắp khởi-chiến lại phải thôi vậy.

Tiên-sinh làm những sự thí-nghiệm về hóa-học không phải là không có nguy-hiểm. Một lần tiên-sinh đương thử kết-tinh thán-chất để làm kim-cương thì bỗng cái nồi vỡ tan ra, bắn vào mắt đứt con ngươi ra làm đôi; may cụ ông vốn làm thuốc, bấy giờ đương ở buồng bên cạnh, lập tức đem nước đá đắp vào, kịp chữa được ngay, không đến nỗi hỏng,nhưng về sau mắt vẫn thành tật mà yếu sức đi nhiều. Lại một lần nữa tiên-sinh đương nấu « khinh-lam-toan » (*acide cyanhydrique*) lỏng trong cái bầu thủy-tinh, « khinh-lam-toan » là một chất rất độc, cái hơi nó bốc lên ngửi phải cũng chết người được ngay ; bỗng cái bầu nổ mà bắn vào tay tiên-sinh. Lại nhiều lần nữa, tiên-sinh thí-nghiệm về đạn-dược, có khi phải những người giúp việc bị thương hoặc chết ngay bên cạnh mình.

Tiên-sinh đã nghiên-cứu phép tổng-hợp và phép quân-bình về hóa-học, thế-tất phải xét rộng đến những hiện-tượng thuộc về sự sinh-hoạt. Về đường ấy tiên-sinh cũng lấy những phép thường của vật-lý-học hóa-học mà giải được những điều huyền-bí xưa nay. Như xưa nay người ta vẫn tin rằng phàm những giống vi-trùng sinh-trưởng ở trong men mốc là bởi cái sức sinh-hoạt của nó mà nó làm ra men, ra mốc, tiên-sinh bèn thuyết-minh rằng không phải cái sức sinh-hoạt, chính là bởi những chất trong mình nó bài-tiết ra. Như ngọt mà đắm chua là bởi một cái chất riêng của con vi-trùng trong men rượu « bia » (*levure de bière*) nó bài-tiết ra, chất ấy tiên-sinh đặt tên là *invertine* (chất đắm chua). Rồi sau nghiệm ra các chất khác hoặc lên men, hoặc lên mốc, hoặc ngã mùi, hoặc biến vị, đều do một nhẽ ấy cả. Ấy cái trác-kiến của tiên-sinh như thế; nhờ đó mà ngày nay xét về các giống vi-trùng bệnh truyền-nhiễm, đã phát-minh ra được những chất-độc do vi-trùng bài-tiết ra, tật-bệnh chính là bởi chất độc ấy sinh ra, không phải là bởi vi-chùng ; biết thế thì có thể tìm được những chất chế-độc mà trị được bệnh vậy.

Ph. Q.

(*còn nữa*)

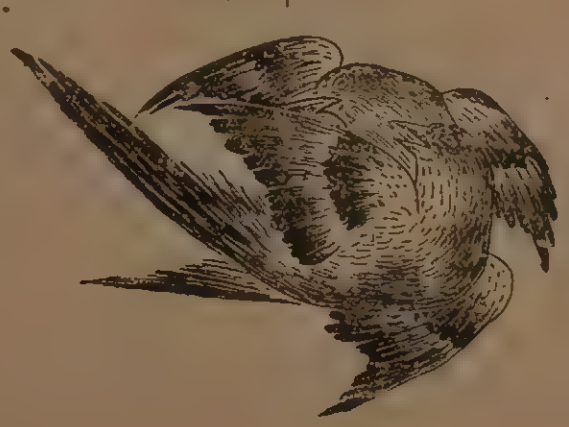

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CÁC CỤ

Cụ Yên-đổ

Chợ-Giời chùa Thầy (1)

(Phủ Quốc-oai)

Hóa-công xây đắp biết bao đời,
Nọ cảnh Sài-sơn có Chợ-Giời.
Buổi sớm gió tuôn, trưa nắng dãi,
Ban chiều mây họp, tối giăng chơi.
Bày hàng hoa quả quanh năm đủ,
Giải thẻ giang sơn bốn mặt ngồi.
Bán lợi mua danh nào những kẻ,
Thử lên mặc-cả một vài lời.

Bỡn cô tiều ngủ ngày

Ôm tiu gối mõ gáy khò khò,
Gió lọt buồng thuyền mát mẻ cô.
Then cửa từ-bi cài lỏng cánh,
Nén hương tế-độ đốt đầy lò.
Cá khe lắng kệ đầu ngơ ngáo,
Chim núi nghe kinh cổ gật gù.
Nhắn bảo chúng-sinh như muốn độ,
Sẽ qui, sẽ niệm, sẽ Nam-vô.

Than già

Người đời thấm thoắt tựa chim bay,
Ông ngẫm mình ông nghĩ cũng hay.
Mái tóc phần sâu, phần lốm đốm,
Hàm răng chiếc rụng, chiếc lung lay.
Nhập nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ,
Khấp khểnh ba chân dở tỉnh say.
Ông ngẫm mình ông thêm nỗi chán,
Đi đâu giở những cối cùng chày.

Tạ lại người cho hoa trà

(Khi đã lòa rồi)

Có khách cho ta một chậu trà,
Ta say say chẳng biết rằng hoa.
Da mồi tóc bạc tạ già nhỉ,
Áo tía đai vàng bác đấy a ?
Mưa nhỏ những kinh phường xỏ lá,
Gió to luống sợ lúc rơi già.
Lâu nay ta chỉ xem bằng mũi,
Đếch thấy hơi hương một tiếng khà.

Tạ bạn mời đi làm quan

(Thác làm nhời. gái hóa)

Chẳng chẳng biết gái này gái hóa,
Buồn nằm xuông xuông cả áo cơm.
Khéo thay cái mụ tá ơm,
Đem chàng tuổi trẻ ép làm lứa đôi.
Chàng tuổi trẻ chơi bời quên nhọc,
Gái già này sức vóc được bao ?
Muốn sao mà chẳng được sao,
Trước tuy xum họp sau nào được lâu.
Lấy chồng vốn nhờ câu ăn mặc,
Chẳng ngờ rằng đói rách hộ ngươi.
Vốn xưa cha mẹ dặn nhời,
Tư-bôn lại phải kẻ cười người chê.
Hỡi mụ hỡi thương chi thương thế,
Thương thì hay nhưng kế chẳng hay.
Thương thì gạo, vải cho vay,
Lấy chồng thì gái già này xin van.

(Nguyễn-mạnh-Bồng *phụng sao.*)

---

(1) Bài này truyền là của Xuân-Hương.

THƠ VĂN MỚI

VĂN

Bài kính viếng ông Guéroult

Của quan dân châu Thanh-sơn hạt Hưng-hóa

Khi tôi ở chơi châu Thanh-sơn, có vì quan dân châu ấy làm một bài văn gửi về Đại-Pháp để kính viếng quan Đại-lý Hưng-hóa trước là ông Guéroult đã dự cuộc vinh-hạnh mà tử trận ở thành Verdun. Nay nhân ngồi nhàn đem sửa lại, đăng lên báo trương và sẽ in vào tập Khối tình con *thứ hai, cũng để tỏ cái tình người An-nam đối với nước Bảo-hộ.*

TẢN-ĐÀ.

* * *

Giời Tây một trận sa trường, tấm trung nghĩa bụt rơi hòn máu đỏ ;

Thành Trúc ba năm thiện chính, mảnh ân tình treo gác chốn non xanh.

Chết vì việc nước, sự thế là vinh ;

Cảm tự lòng dân, lễ xin có viếng.

Quan, nha, tổng, lý đồng-châu hạt châu Thanh-sơn chúng tôi, chợt nghe tin trận đánh ở Verdun, quan Đại-lý Hưng-hóa trước là ông Guéroult đã tạ thế. Thương ôi !

Nhớ khi xưa, ngài cai-trị hạt chúng tôi, gió hòa xa bay, mưa xuân khắp vầy.

Dựng năm trường tổng-học, nền giáo-dục từ đấy mở mang ;

Sửa một chợ Đồn-vàng, việc buôn bán ngày thêm tiện lợi.

Dân đương mến chính ;

Ngài đã thăng quan.

Cảnh hồng kia bay bổng tuyệt vời ;

Cồn cát nọ còn phơi vết móng.

Từ giặc Đức sinh lòng man-dã, hổ dữ lang tham ;

Đất châu Âu gây việc binh đao, xương cao thịt nát.

Vì lẽ phải của loài người, theo giận chung của thiên-hạ, nước Đại-Pháp phải dốc tình bào-trạch, nổi trận phong-ba ;

Hết bổn phận là dân nước, góp trách nhậm với mẫu bang, quan Guéroult phải bỏ thú hạc cầm, theo đường kim cách.

Giời cao bể cách,

Ngày đi tháng qua.

Những mong cuộc tranh-chiến bên Tây phương, nước Đại-Pháp thu toàn-thắng ;

Cho được việc cai-trị ở thuộc-quốc, ông Guéroult có buổi trùng lai.

Mà không ngờ :

Điều vui chưa sang,

Tin buồn đã đến.

Sông sầu núi thảm, giang sơn nhớ lại khách tuần lương ;

Cỏ héo huê dầu, phong cảnh tiếc thay người thiện-chính.

Thôi thời thôi !

Chốn hàng trận là nơi tinh-mạnh ;

Lúc tử sinh tỏ mặt anh-hùng.

Chúng tôi nay trộm nghĩ riêng rằng ông dẫu chết mà thành Verdun còn ;

Chắc lòng ông cũng coi hơn rằng ông hoặc còn mà thành Verdun mất.

Một thành Verdun còn, mà 536 nghìn dặm đất nước Lăng-sa, thành như đồng, quách như đá ;

Một tấm thân ông chết, mà hơn 30 vạn quân tướng giặc Phổ-lỗ, máu thành bể, xương thành gò.

Sống có hơn người ;

Chết đà đáng giá.

Suối vàng yên dạ ;

Giời xanh chứng công.

Ruột gan kia đã giãi với non sông ;

Hồn phách ấy ắt theo cùng súng đạn.

An-sơn bạch-lĩnh, tinh-linh chót vót nghìn tầm.

Đông Á tây Âu, danh tiếng lừng thơm bốn bể.

Rồi tan cơn Âu-chiến, nước có lần vui nhạc khải ca :

Thời trong thành Verdun, ông chắc cũng dự bia kỷ niệm.

Vậy cho nên, quan dân châu Thanh-sơn chúng tôi, vội lòng thương tiếc, kiếm lễ chúc mừng.

Chúc cho :

Đại-Pháp nghìn thu !

Guéroult vạn kiếp !

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU *phụng-thảo.*

THƠ

Vịnh nhan sắc Thúy-Kiều

Xa liếc dong quang ở trước đèn,
Bóng hồng còn nức miệng người khen.
Trong gương bạc mệnh chau mày liễu,
Trên chiếu phồn hoa dạo gót sen.
Mặt sắt cũng ngây vì má đỏ,
Hơi đồng làm lạnh cả con đen.
Sử xanh tô lại màu son phấn,
Luống để hoa hờn nữa liễu ghen.

Vịnh tài điệu Thúy-Kiều

Nghìn thu phát-việt nếp anh hoa,
Sắc sảo em thua chị mặn mà.
Một khúc đoạn trường ngây mặt khách,
Mười thiên bạc-mệnh rợn hồn ma.
Thuộc lòng kinh kệ sư càng nể,
Tinh mắt trần ai giặc chịu già.
Tài đọ với vàng nghìn đã đáng,
Bốn trăm bán rẻ một cành thoa.

Vịnh nhân duyên Thúy-Kiều

Ối chị em ôi vàng lộn than,
Con người thế ấy chịu đen oan.
Chỉ hồng buộc gã chàng Kim-Trọng,
Giây xích vượng quàng chú Thổ-quan.
Mày trắng hờn duyên chồng kiếp trước,
Áo xanh tủi phận vợ nhân gian.
Ông tơ xe thắm, thắng tơ cồi,
Cha kiếp phồn hoa những tim gan.

Vịnh Thúy-Vân

Cái số dì Vân tốt lạ lùng,
Sẵn nong, sẵn nẻ, sẵn con bồng.
Thoa vàng nguyền ước nhờ duyên chị,
Thềm ngọc vinh hoa hưởng phúc chồng. (1)
Giữ vật của chung đâu lại có,
Xót người mệnh bạc nhớ chăng không?
Chàng Kim ngảnh lại lan hay cúc,
Chẳng mặn mà chi cũng bóng hồng.

Liễu-viên DƯƠNG MẠNH-HUY (2)

Hưu trí lưu giản

Từ mươi năm lẽ gánh công danh.
Già cả xin lui, phận vẫn đành,
Một vẽ cân đai từ cửa tía,
Bốn mùa trăng gió hẹn rừng xanh.
Trước sau việc nước châu lòng kiến,
Về ở thành xuân chạnh tiếng oanh.
Cụng chén ly ca nhìn rỏ mặt,
Ân vua ý bạn biết bao tình.

Lễ-bộ hiệp-tá Mỹ-hòa-tử trí-sĩ
HUỲNH CÔN

Xuân thiên dịch kì

Bông liễu ngang mành gió phất phơ,
Vui xuân đua thưởng cuộc chơi cờ.
Xuất xa, quay bánh châm ngòi pháo.
Ghềnh mã, lên yên vẫy ngọn cờ.

(1) Nửa thiên trên hoặc đổi là :

Cũng kiếp môi son cũng má hồng,
Ăn nhau về số dễ ghen cùng.
Giao loan chắp mối thừa duyên chị;
Cầm hạc tiêu dao hưởng phúc chồng.

(2) Mấy bài vịnh Kiều của ông Dương Liễu-Viên này là ông Kiều Thạch-Tử ở Phú-thọ sao gửi về cho bản-báo. Ông có hứa sẽ gửi cả toàn-tập của ông Dương. Vậy xin cứ gửi, để kỳ sau bản-báo đăng tiếp theo.

Nhị-tướng-thủ-quan bầy thế cũ,
Nhất-thân-phò-ấu nhớ năm xưa.
Thấp cao trải mấy lần thua được,
Đế-Thích đi đâu chẳng ngó cờ.

Thu dạ cổ cầm

Đêm thu bóng nguyệt xế thềm lan.
To nhỏ so giây dạo khúc đàn.
Trìm nỗi sóng reo cồn Bắc-hải.
Nhặt thưa gió thổi bãi Trường-giang.
Vọng-phu gợi mối sầu non nỉ,
Luyến-chủ tuôn dòng nước chứa chan.
Vui tẻ ngụ trong tình tứ vậy,
Biết ai Chung-Tử nhắn thấm chàng ?

NGUYỄN VĂN-HIẾN

Cảnh mùa đông ở Bồ-giang (Thái-bình)

(Lối trường-thiên cổ-thể)

Cữ gió tuần mưa trời lạnh lùng,
Suốt tuần thu lại sang mùa đông.
Phong cảnh Bồ-giang thêm buồn dứt,
Ta ngồi ta nghĩ ta buồn trông.
Buồn trông ngoài cửa cây cao ngất,
Cành rủ lơ thơ lá xanh ngắt.
Kẻ đi người lại rộn bên đường,
Càng buồn càng trông càng mỏi mắt.
Buồn trông cửa hàng gần trung quanh,
Mua bán ra vào khách vắng tanh.
Một rẫy hồng lâu cửa đóng chặt,
Trông chừng phong-vị cũng buồn tênh.
Buồn trông sông Bồ dòng nước chầy,
Lái ngược thuyền xuôi cũng không mấy.
Phố phường xum họp chưa là đông,
Trên bến dưới sông cũng như vậy.
Buồn trông khắp các sở gần xa,
Này sở giấy thép cùng các tòa.
Một ngày hai buổi người chật ních,
Thuần những người chực xin măng-đa.
Kim ô lần bóng giời gần tối,
Mây kéo đen dầm cơn gió thổi.
Kìa trường tan học, sở tan hầu,
Những khách ra về trông túi bụi.
Bên thành rộn-rịp trống thu không,
Nhà thờ sang-sảng hồi chuông đồng.
Bảng-lảng bóng chiều sôi dạ khách,
Khách buồn nào biết ai buồn chung ?
Nhớ từ khi qua bến Tô-thủy,
Thấm-thoắt đà hơn một năm nhỉ !
Non sông cách trở phương giời xa,
Hồn bướm mơ màng nơi cố-lý.
Nhớ từ khi chơi thành Thăng-long,
Giời hè mát mẻ giăng thu trong.
Tri-kỷ biết bao người họp mặt,
Mà nay tin nhạn những chờ mong ?
Nghĩ đi nghĩ lại càng vơ vẩn,
Trăm mối bên lòng lòng những bận.
Tri-âm ai có biết tình ta !
Ta nghĩ ông giời ta cũng giận.
Hoa đào nay sắp báo tin xuân,
Xuân sắc từ đây đưa lại dần.
Vui cảnh thiều-quang đành có lúc,
Càng vui tài tử gặp giai nhân.
Nước non còn mãi xuân còn trẻ,
Cái gánh phong-trần rồi cũng nhẹ.
Mừng xuân này lại đợi xuân sau,
Ngắm cảnh Hoàng-đô thêm rạng vẻ.

Cống-sinh TRỊNH ĐÌNH-RƯ.

Đi học xa nhớ nhà

Từ du học Hà thành đã mấy,
Tính đốt tay gần đầy ba năm.
Sớm trưa vui thú thư cầm,
Phòng riêng một chốn âm thầm bấy lâu.
Trong bóng nguyệt đêm thâu ngao ngán,
Bỗng động lòng cố-quốc tha-hương.
Quê nhà cách mấy bóng dương ?
Lòng thơ lai láng mây Hàng xa xa.
Nhớ những lúc vào ra dưới gối,
Nhớ cùng ai sớm tối xum vầy.
Nhớ khi dạo khắp đó đây,
Răm ba bầu bạn, tháng ngày thong dong.
Núi Thúy-lĩnh cảnh trông bát ngát,
Động Hoa-lư xao xác chim kêu.
Khi tắm mát lúc bơi chèo,
Vân sàng một dải, nước triều mông mênh.

Giờ sao trọi một mình một bóng,
Nhớ quê nhà hết ngóng lại trông.
Đương cơn trong dạ não nùng,
May đâu một trận nam-phong thoảng vào
Những nghe thấy rì rào tiếng nói,
Bảo ta rằng : « Trong cõi người ta,
« Trượng phu bốn bể là nhà,
« Gia tình chớ nặng mới là nam nhi.
« Khuyên hãy cố gắng bền đèn sách,
« Nợ tang bồng giả sạch mới ngoan.
« Rồng mây gặp hội vẻ vang,
« Non sông rỡ mặt, sử vàng ghi tên. »
Ta nghe nói lòng phiền tan hết,
Đem tâm chuyên vào việc sách đèn.
Sớm khuya rèn tập bút nghiên,
Chữ rằng có chí thì nên ngại gì.

Học trò trường Bảo-hộ
TÔ-VĂN-THIỆN

Hoa hồng nở

Ra tay vun sới đỡ công giời,
Chẳng đáng ơn ư sao lại cười ?
Cười nỗi phấn vua lười chẳng điểm,
Cười đường sắc nước dại không chơi.
Hay là ngỏ dạ cùng ta đó ?
Mà cố đưa hương đến tận nơi.
Có phải thế chăng tả nhủ lại,
Tấm son cùng giữ gột không phai.

NGUYỄN-HOA-KIỂM

Dục hoa nở

Hoa ơi hoa hỡi hoa,
Này này xuân đã ra.
Can chi còn khép nép,
Yêu ta cười với ta.

VÂN-TIÊU.

Vờ con chim xanh

Xưng danh công-tử với công-tôn,
Bộ cánh lông chia nhuộm cỏ non.
Khéo học ngọn cành đưa giọng hót,
Những lăm hớ hênh bịp gà con.

VÂN-PHA.

Đọc báo Nam-phong đề ba bài

I

Báo-quán này ai mới đặt ra,
Văn-chương mở trí nước nhà ta.
Đông-dương thêm có Nam-phong nữa,
Rõ thực đông nam họp một nhà.

II

Biết bao đau đớn với ê chề !
Cái bệnh hôn-trầm bệnh cũng ghê.
Gượng dậy, ai ơi, ra hóng gió !
Gió Nam một trận tỉnh hồn mê.

III

Hán ông Bá-Trác, Việt ông Quỳnh,
Chủ-bút hai ông bút đã rành.
Trong nước ai còn mê mẩn nữa,
Nghe văn rồi cũng đủ văn-minh.

NHỮ-MAI

Mừng gió nồm

I

Trằn-trọc lâu nay luống nực nòng,
Bỗng may may có trận Nam-phong.
Nam-phong chẳng những riêng ai mát,
Cây cỏ từ nay sạch bụi hồng.

II

Cây cỏ từ nay sạch bụi-hồng,
Bụi hồng gió sạch lại thanh thông.
Cỏ cây có biết từ đâu nhỉ ?
Này gió Nam-phong có phải không ?

III

Này gió Nam-phong có phải không ?
Bõ công rầy ước với mai mong,
Trải bao nắng dãi mưa dầu mấy,
Cho đến ngày nay mát mẻ lòng.

HOA-SI

Đề báo Nam-phong

Người đua tranh cũng phải tranh đua,
Mau bước, ai ơi ! kẻo nữa trưa.
Nền học điểm tô khuôn phép cũ,
Nguồn văn lai láng nước non xưa.
Hỏi dân Hồng-Lạc hay chăng tá ?
Mà giống Vàng-da kém mãi ư ?
Khai-hóa ấy ai người chỉ nẻo :
Ngọn cờ Bảo-hộ gió Nam đưa !

Thô-Khôi NGUYỄN-HỮU-CHI

Mừng báo Nam-phong

Hiên tây ngồi tựa lúc đêm thanh,
Xem báo mừng nay mới hiện hình.
Nam Bắc đắp nên đường học thuật,
Phong-trào mở rộng lối văn-minh.
Núi Nùng sông Nhị tô thêm vẻ,
Bể Á rừng Âu đúc lại thành.
Nay gặp tết tây đà sắp đến,
Xa xa kính chúc chữ *tràng-sinh* !

VŨ-DUY-PHIÊN

Thơ gió nồm

Thơ thẩn một mình tựa gốc cây,
Gió nồm đâu bỗng thổi hây hây.
Gió đưa trước mắt vừng giăng tỏ,
Gió thoảng ngoài tai tiếng hạc bay.
Gió thổi dẻo nam sang dẻo bắc,
Gió khua người tỉnh gọi người say.
Gió ơi gió cứ như vầy mãi,
Thỏa thích lòng người gió hãy quay.

Thơ gió báo tin

(*Sắp có báo Nam-phong xuất hiện*)

Thấp thoáng bóng giăng ngoài cửa sổ,
Thiu thiu giấc điệp chốn buồng tây.
Bỗng đâu gặp gỡ duyên dì gió,
Hỏi gió đâu mà gió đến đây ?

Hỏi gió đâu mà gió đến đây ?
Có tin gì lạ bảo cho hay ?
Gió rằng sắp có tin mừng đấy,
Gió nói thế rồi gió lại bay.

Gió nói thế rồi gió lại bay,
Mơ màng sực tỉnh nghĩ mà ngây.
Dở hay chưa biết tin gì cả,
Độ một vài hôm có báo này.

Độ một vài hôm có báo này,
Vội vàng mua lấy mở xem ngay.
Nam-phong hai chữ là tên báo,
Thôi phải tin mừng phải phải đây.

Thôi phải tin mừng phải phải đây,
Anh em tỉnh dậy lúc này may.
Có công khôn nhẽ ai tình phụ,
Mài sắt nên kim tất có ngày.

Một người đọc báo

CA-TỪ

Hát ả đào

Nhân sinh đắc ý tu tận hoan, nào thơ, nào rượu, nào trà, nào là con hát, nào là tổ tôm. Đường tơ gẩy khúc Cao-sơn, thôi cũng đặng càn khôn tràn quí tị. Mặc bần tiện, mà mặc ai phú quí, hãy ăn chơi cho phỉ chí tang bồng.

Thơ rằng :

Bất tác phong ba ư thế thượng,
Tự vô băng thán đáo hung trung.

Buổi phong-vân chi vội tao-phung, cơn đắc táng, hội cùng thông là thế thế ! Rồi ra nữa, buổi đời người thế, mang công danh mà ỷ lệ với non sông. Chơi cho rõ mặt ngang tàng !

Hát xẩm

Phụ người nên xấu với người,
Phụ người chẳng bõ khi người phụ ta.
Đêm hôm qua chị nghĩ gần xa, chờ giăng giăng xế, chờ hoa hoa tàn. Đã tim tâm gan...

Tay sờ trước ngực, tay dan cạnh sườn, buồn bã bạt châu thánh thót bên giường. Lấy ai làm khách động phòng đêm xuân ?

TRẦN-ƯU-CHIẾU *tức* THỨC

Bài hát mừng trường Kỹ-nghệ

Miễu

Chợp chờn cơn tỉnh cơn mê,
Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp
Cửa hàng buôn bán cho may, [hay.
Nghề này thì lấy ông này tiên sư.

Hát

Nhất nghệ bất trí nhỏ giả sĩ, huống chi là bách nghệ công thương. Có tranh đua não lực đám thị trường, rồi mới biết nhẽ tiều đại nhược cường là rứa tá. *Hồng-Lạc tử tôn thiên tải hạ, Á Âu phong-hội bách niên lai.* Bấy lâu nay Bảo-hộ nhờ ngài, sự khai-hóa ai ai đều đội đức. *Tam-Đảo chi nam, Tam Điệp bắc*, mở một trường dặy học giữa Đông-Đô. Này thợ thêu, này thợ đúc, này thợ vẽ, này thợ đồng hồ ; ông Bác-vật dặy cho rành cách-trí. Thế mới biết cải lương là thịnh-ý, hội văn-minh Âu Mỹ rách giời nam. Thứ dân tôi đốc chữ đồng tâm, giấc mảu hủ trăm năm nghề nghiệp mới ; nữa mai một may ra mà tiến tới, cờ thông thương phấp phới bề năm châu. Không thầy dễ được thế dâu !

Huấn-đạo NGÔ-TẤN-TIẾN

THƠ VĂN ĐÀN BÀ

NHÀN-KHANH THI TẬP

Thăm bà kim Hoạn-thư

Tôi nghe Hà-nội đổi Hà-đông, (1)
Nhắn hỏi ai rằng : Có phải không ?
Sư-tử phen này cho rõ mặt,
Kẻo còn lai láng chuyện non sông.

Tiễn bà phủ Lý-nhân (2)

Những là khao khát tiếng hồng nhan,
Đào lý ai hay cũng một hàng.
Tạc chữ tình thâm ghi dạ đá,
Ngâm câu tuyệt diệu tỏ gan vàng.
Cánh hồng tiễn kẻ về Nhận-phố,
Thư cá đưa người ở Hát-giang.
Đường ví như giây mà rút được,
Thoa-quần xin kết nghĩa Kim-lan.

Họa hai bài thơ bà Phủ Ba (3)

I

Tâm đồng từ gặp khách tâm tri,
Mình ngẫm mình xem đã mấy kỳ.
Nghìn dặm trót cùng non núi trước,
Trăm năm xin quyết dạ vàng ghi.

---

(1) Bấy giờ mới đặt tỉnh Hà-đông xong.

(2) Bà này là một người rất nhan-sắc, học rộng, thơ hay, lấy tình văn-chương trí-kỷ mà xin làm lẽ thứ ba quan Án Nguyễn ở Khê-thượng, Sơn-tây. Khi bà Nhàn-Khanh theo cụ ông làm tri-huyện Bất-bạt sở tại đấy, hai bà cùng chung hội chung thuyền, cảm tình vô hạn, xướng họa với nhau cực nhiều. Hiện nay hai bà còn thọ cả. Sau tôi xin lục cả thơ bà Phủ Ba để đăng tiếp theo tập thơ này. (Bổng)

(3) Khi bấy giờ quan án Nguyễn còn trí-phủ Lý-nhân, bà cụ ở Bất-bạt hay gửi thơ đi lại xướng họa với bà phủ luôn.

Mở mang gác phượng chờ loan tới,
Phấp phới thư hồng nhắn nhạn đi.
Còn nước còn non còn bể ái,
Rồng mây gặp gỡ cũng nhiều khi.

II

Chợt nghe tin nhạn mách gần xa,
Mở bức tiên mai mới biết là.
Nam-phố trông giăng vừa cữ bảy,
Tây-thành hỏi gió độ tuần ba.
Chén in vàng đá xin cho vẹn,
Nhời ước non sông vẫn đó mà.
Cây cỏ giang sơn còn thấy đấy,
Phong trần rồi cũng lúc vinh-hoa.

Gửi cho bà Phủ Ba

Hai chữ đồng tâm những đợi chờ, (1)
Nhớ ai ai có nhớ cho chưa.
Kìa non Tản-lĩnh trông người cũ,
Nọ dốc Kỳ-sơn đón khách xưa.
Chén rượu Vân-giang còn để đó,
Cung đàn Lưu-thủy dễ làm ngơ.
Nhị Hà hỏi nước bao giờ cạn,
Cái miếng phong-lưu mới sẽ chừa.

Họa vần bài vịnh tàu bay của người đưa lại

Tài lạ ngày thêm lạ một ngày,
Cõi trần mà lại có xe bay.
Lượn tà mặt đất xô cơn gió,
Lên vót lưng giời giạt lớp mây.
Nghìn dặm qua rồi giờ chửa hết,
Bốn phương quanh lại phút chưa đầy.
Khen ai chắp cánh cao bay được,
Ròm xuốt sơn hà biết đấy đây.

Họa bài công-ti ông ký Mão (2)

Hiệu ông hàng hóa những gì ông?
Để khách mua danh bán lợi cùng.
Chợ họp thuyền neo chờ lái cất,
Tàu đưa xe đón đợi phường đong.
Mùa màng đắt dẻ bao thời giá?
Nếp tẻ vơi đầy mấy đó nong?
Nam, bắc, đông, tây cho nhẹ vía,
Cửa hàng may mắn mở tiên phong.

Tự-than

Một bức tiên huê gửi mấy hàng, (3)
Muốn đem tình nhớ nỗi sầu than.
Vân-giang xa cách mây mù mịt,
An-lĩnh gần quanh đá ngổn ngang.
Chín khúc tơ tầm quay rối rít,
Năm canh hồn bướm nhắp mơ màng.
Vì bằng chắp cánh cao bay được,
Quyết phá toang giời mở lá gan.

Than sầu

Trót đã đa mang kiếp má hồng,
Bụi trần muốn rửa sạch như không.
Còn toan điểm phấn cho dày mặt,
Lại bắt tô son để bận lòng.
Tài sắc không tranh sao khéo buộc,
Ái ân đành giả biết bao xong.
Mong sao non nước còn dài mãi,
Hồng phấn còn thi với hóa công.

(NGUYỄN-MẠNH-BỒNG *sao lục*)

Vịnh Lương-Sinh

(*Truyện Hoa-tiên*)

(Hồi này Lương-Sinh gặp Giao-Tiên ở nhà mợ lúc quãng vắng đêm trường, về nói chuyện với mợ rồi vơ vẩn tương tư).

Nhác trông còn tưởng bóng tiên sa,
Chỉ thấy giăng tà nhạt bóng hoa.
Bờ Hán ba sao sao lác đác,
Cầu hồng mấy bước bước lần la.
Trăm năm tâm sự thưa cùng mợ,
Đôi lứa nhân duyên cũng cháu nhà.
Một nẻo sông Tương đôi ngả nhớ,
Nhớ nơi kỳ ngộ nhớ gương Nga.

---

(1) Bấy giờ đương độ tháng bảy, bà Nhân khanh đương ở Nam-định, hồi tưởng đến độ tháng ba lên tìm bà phủ Ba ở Sơn-tây không được gặp. — Tản-lĩnh tức là Tản-viên-sơn gần quê quan Phủ-Lý, Kỳ-sơn là chỗ « Dốc-Ghề » ở lối Sơn-tây lên Bất-bạt con đường Quảng-oai Mai-lĩnh. — Làng Vân-đình ở vào trung-lưu sông Hát giang, trên bờ sông, nên gọi đoạn ấy là Vân-giang.

(2) Công-ti thóc gạo, có gửi cho cụ một bài thơ, nhân lúc vui, ứng khẩu họa liền.

(3) Bài này làm khi cụ còn ở Yên-bái, gặp bước sầu bi, nên nhời châu ngọc.

Vịnh Giao-Tiên

(Truyện Hoa-tiên)

(Hồi này Giao-Tiên nghe thấy tình-nhân về nhà lấy vợ, vào buồng đốt cả đồ tư trang, lại được tin cha phải đi đánh giặc, mẹ con dem nhau về Phượng-thành ở, rồi lại gặp tình-nhân)

Ngọc hãy còn treo đợi giá cao,
Ngoài hiên để mặc khách xôn xao.
Ông xanh lừa lọc gương liền mảnh,
Phụ tướng xông pha tuyết nhuộm bào.
Bước tới phòng loan hương lửa bén,
Trông ra thành Phượng cỏ hoa chào.
Thề xưa lại gặp người xưa lại,
Mở khóa vườn xuân rước chủ vào.

Mừng phẩm-hàm

Mấy dặm đường mây mấy bước chân,
Phen này đủng đỉnh mũ đai cân.
Giữ kiên giá ngọc thành cao phẩm,
Ném giữa dòng câu phải động cần.
Nhờ lượng xem ra còn nặng kiếp,
Làm giai như thế dã nên thân.
Anh em nhiều ít vài mươi triệu,
Dòng dõi nhà ta vẫn thế thần.

Vịnh Tây-hồ

Mênh mông mấy mặt tuyết sương gieo,
Thấp thoáng thuyền ai bé tẻo teo.
Gió thổi tung mây giăng sáng quắc,
Cả quần gợn sóng nước trong veo.
Châu vàng nghe tiếng bon bon lại,
Chim phượng trông chừng lươn lượn theo.
Nếu chuyện Hồ-tây xưa thế thực,
Thật đời vua Thuấn với vua Nghiêu.

Vịnh hoa sen

Nhị vàng bông trắng lá xanh xanh,
Hoa nở gần bùn giá vẫn thanh.
Ghen ghét lạ gì hương với sắc,
Có sen trong nước được toàn danh.

HOÀNG HẠ-UYÊN

Ngoạn-nguyệt thi

(Họa vần)

Dấu xưa thanh bạch vẫn thường còn,
Có khuyết bao nhiêu, lại có tròn.
Thẳng bước đường mây đà rỏ mặt,
Chiều theo ngọn nước sớm sanh con.
Chồi bạ dựa bóng xuê thềm ngọc,
Ngành quế chờ tay rạng bản son.
Soi khắp nơi nơi nào chẳng mỏi,
Gương treo một tấm giữa sông non.

Thơ cảm ơn

(Họa vần thơ bà Thượng-Nghệ Bích-Khanh)

Lời quê đặt trước lầu An-tịnh,
Phụ-nhơn quan Tổng-đốc họ Trần.
Bà rày thêm vẻ thanh tân,
Anh miền châu Ái cũng gần châu Hoan.
Tôi thức củ nhà quê lam lủ,
Tiếp thơ bà trong tiết trùng dương.
Nầy the, nầy lụa, nầy lương,
Tình người quyến cố nỗi đường xa xôi.
Nay chị nguyệt mười lăm vừa tác,
Bổng cánh hồng gió lại đưa sang.
Cam Thanh-hóa, hồng Nghệ-an,
Cốm vòng là cốm một làng Hà-đông.
Sực phong vị ngày xưa tưởng tượng,
Bà cho tôi, tôi cám xiết bao.
Chị em ân nghĩa còn dào,
Chúa xuân hộ lấy lý đào ngay sau.

Lễ-bộ hiệp-tá Mỹ-hòa-tử chính-thất PHÚ CƠ

TẠP-TRỞ

TỒN-CỔ LỤC

Đời xưa đối với đời nay, là hai khoảng cách nhau, công việc đời nào đời ấy làm ; người đời xưa không thể làm được công việc đời nay, người đời nay cũng không thể làm được công việc đời xưa, tự hồ không can hệ gì đến nhau, như kẻ Nam người Bắc, kẻ Việt người Tần.

Nhưng không biết hai đời vẫn can-hệ với nhau, như những giây thần-kinh, cái nọ liên-tiếp với cái kia, giàng buộc lấy nhau, không thể xa dời được một phút.

Vì sao mà thế? Vì rằng: khiến người ta hưng khởi lòng yêu nước, không gì bằng xem xét những phong-tục của đời xưa sót lại, ghi nhớ những công nghiệp của người trước đã làm, soi gương đã qua, liệu thời biến đổi, còn gì bổ ích hơn là xem những truyện cũ ?

Nhiều khi giở quyển sách cũ ra xem, gặp được một truyện gì, kể về đám hội đám hè, trong lòng hớn hở, lấy làm sung sướng, hình như mình cũng được cùng với cổ nhân, dự vào đám vui về linh-đình ấy. Cũng có khi gặp được một truyện, ghi những bậc anh-hùng hiền-triết, đã làm nên công-trạng gớm ghê, để cho nòi giống ta được vẻ vang, để cho sử sách ta được quang rạng, hình như mình lại xui mình, nên đứng dậy ngay, ghé vai đỡ các cụ một phần công việc; chắp tay quì gối, nưng lấy tiếng thơm của các cụ, mà các cụ đã tồn bao nhiêu tinh-thần, bao nhiêu trí-não, mới gây dựng ra được, để di truyền lại cho bọn chúng ta vậy.

Như thế việc bảo-tồn truyện cũ là một việc rất to tát, rất quan-trọng cho quốc-dân ta, biết là nhường nào ?

Xem như cụ Lê Quế-đường, chơi thành Cổ-lộng, cầy được thanh cổ kiếm, bà huyện Thanh-quan qua chùa Trấn-bắc, thoảng nghe tiếng cồ trung, chạnh lòng nhớ xưa, phát ra ngâm-vịnh, đọc hai bài thơ ấy, nghĩ kỹ mà xem, biết bao nhiêu là giọng ai oán, biết bao nhiêu là tình thiết tha, thật là chứa chan lòng yêu nước, ẩn-ngụ ở đấy.

Chạnh niềm cố quốc tha hương,
Đường kia nỗi nọ ngổn ngang bời bời.

Đối với toà thành cỏ bích, lớp chùa rêu xanh, mà còn cảm hoài đến người ta như thế, nữa là mắt xem truyện cũ, miệng kể thói xưa, cùng với cổ nhân đi chơi, cùng với cổ nhân nói chuyện, thời lòng nhớ xưa lúc nào mà quên được.

Tục ngữ có câu rằng : « *Vô cổ bất thành kim* » ; quốc-dân ta phần nhiều người, cũng đã công nhận rằng cổ với kim phải liên-lặc với nhau, thời mới có thể làm được nhiều công việc hay.

Ôi lạ thay! Người nước mình không phải là không thích xem truyện cổ, không phải là không hay xem truyện cổ ; nhưng có tính tôn chuộng truyện ngoài, hơn là truyện mình, người ta chê rằng : Bạn với chú Tịch-Đàm thật cũng không oan.

Khi thanh-nhàn khiển-hứng, năm ba anh em ngồi nhàn đàm với nhau, ông nào chuyên Âu kể truyện Âu, ông nào chuyên Hán kể truyện Hán, hỏi đến truyện nước mình chả ù ù ờ ờ, cũng mập mập mờ mờ. Có khác gì nhà mình mình bỏ, chê là cồ-lậu, chẳng thèm nói chi, cứ đi khen cửa khải-hoàn bên

Tây là to, lầu Nhạc-dương nước Tàu là đẹp, hỏi đến thành Cổ-loa ở đâu không biết, đô Trường-an còn mất không hay, như thế thì lòng yêu nước cũ, chẳng một ngày một người dần đi ru ?

Tôi thiết nghĩ rằng : biết tôn chuộng truyện ngoài, không phải là không hay, nhưng xem truyện ngoài, cái cảm tình tất xa mà chậm, sao bằng xem truyện mình, cái cảm-tình tất gần mà mau, bóng vang đưa đến tai mắt mình ngay.

Đức Khổng phu-tử là bậc đại thánh cũng còn hiếu cổ, ông Địch-tạp-nhi là bực đại-triết, cũng còn tích cổ, nữa là bọn ta sinh ra đời cạnh-tranh này, nếu mà xao nhãng tất có ngày tiêu diệt đi mất.

Vả lại ta ít người xem truyện cũ, cũng bởi nhiều nhẽ. Một là những truyện cũ của ta, thật hiếm có lắm, mà trong phần hiếm có ấy, lại tan tác như hoa mỗi nhà một ít, ai giữ được bao nhiêu hay bấy nhiêu, để làm báu riêng của mình, chưa ai góp nhặt lại được. Có lạ gì ! Truyện ít thời người xem tất ít cũng là phải. Hai là sách của mình phần nhiều là sách sao, nhiều chỗ sai nhầm, chữ *lỗ* hóa chữ *ngư*, chữ *đế* thành chữ *hổ*, mỗi bản một khác, khiến người khảo-cổ nhiều khi bấm bụng mà chau mày.

Tôi sợ rằng không ai lưu tâm góp nhặt lại, chẳng để no bụng mọt, cũng bọc miệng vò, như thế có đáng tiếc không ?

Nhân thế tôi xin gắng sức hết lòng, tìm tòi trong các di-thư dã-sử, chọn những truyện nào có quan-hệ đến phong-hóa, và những truyện đàn ông tài giỏi, đàn bà tiết liệt, làm nên công-trạng nhớn nhao, để lại chuyện trò kì thú, dịch ra quốc-văn, để hiến quốc-dân ta, sau khi mỏi óc thông-minh dùng về các môn học thiết yếu đời nay.

Trong các truyện ấy, đoạn nào có lý thú, xin lấy ý kiến riêng, bàn thêm vào một vài nhời. Còn những truyện tiên giáng làm người, như « Bích-câu kỳ-ngộ », quỉ lừa bắt trẻ, như Cán-sát đi đêm, đều là truyện viển vông quá, tôi không dám dịch, mà tôi cũng không muốn quốc dân ta còn in cái tư-tưởng ấy vào óc làm gì nữa.

Tôi cũng không muốn ai nấy đều nệ cổ quá, dừng như ai ôm gốc cây đợi thỏ lại, vạch cạnh thuyền tìm gươm rơi, phải thông kim bác cổ, đủ ngần ấy nết mới là người tài.

Vậy trước hết, tôi xin dịch mấy truyện trích ở bộ *Tang thương ngẫu lục* 桑滄偶錄 của ông Phạm-đình-Hổ và ông Nguyễn-Án soạn ra.

Phạm tiên-sinh tên húy là Đình-Hổ 廷琥 tên chữ là Bỉnh-Trực 秉直, tên hiệu là Tùng-niên 松年 và Đông-dã-tiều 東野樵, ở làng Đan-loan, huyện Đường-an (phủ Bình-giang bây giờ), tỉnh Hải-dương ; sinh năm Cảnh-hưng thứ 31 (1770), thọ hơn 70 tuổi.

Tiên-sinh lúc bé có tính thích học, thi mãi không đỗ, sau xem rộng nhiều sách biết nhiều điển cũ, ai ai cũng khen. Năm Minh-mệnh thứ 2 (1821), vua ra tuần Bắc-kỳ, nghe thấy tiếng, vời lại chốn hành-tại, tiên-sinh tâu bày, được hiệp ý vua, lại dâng vua bộ *Lê-triều hội điển* và *Bang giao điển lệ ;* vua gọi về kinh, cho làm chức hành-tẩu tòa Hàn-lâm. Năm thứ bảy thăng Hàn-lâm biên-tu, rồi thăng Thừa-chỉ, lại dâng vua bộ *An-nam chí*, và *Ô-châu lục*, vua khen mà thưởng cho nhiều vàng, lụa, thăng ngay lên chức Quốc-tử-giám Tế-tửu ; đến năm thứ 13 (1832) thời về nghỉ.

Tiên-sinh có làm nhiều sách lắm, như là : *Vũ trung tùy bút* 雨中隨筆, *Kiền khôn nhất lãm* 乾坤一覽, *Hi kinh trắc lãi* 羲經測蠡, vân, vân. Thực là bậc đại chước-tác, đại học-vấn nước mình.

Nguyễn tiên-sinh tên húy là Án, 案 tên chữ là Kính-phủ 敬甫, tên hiệu là

Ngu-hồ 愚湖, ở làng Du-lâm, phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh, sinh năm Cảnh-hưng thứ 31 (1770), mất năm Gia-long thứ 14 (1815).

Tiên-sinh là người thông-minh nhanh nhẹn, giời lại cho tính riêng thích học, lại nhờ được ông Tằng-tổ là Nguyễn-Bá, làm Binh-bộ thị-lang sang sứ Tàu, chư tử bách gia, mua về không thiếu sách gì, tiên-sinh nhờ đó, học một ngày một rộng, thành người hay chữ. Đến khi nhớn, gặp buổi loạn-li, dù trốn tránh trong rừng, cũng không bỏ học. Năm nhâm-tuất đức Cao-hoàng lên ngôi, sai ông Nguyễn Văn-Thành, ra làm Tổng-trấn Bắc-thành, có đón mời những người danh-sĩ, tiên-sinh cũng được dự vậy. Năm thứ 4 bổ làm Tri-huyện Phù-dung (huyện Phù-cừ bây giờ), nhân có việc riêng, từ quan về. Đến năm thứ 6, vua mở khoa thi, là khoa thi hương thứ nhất, tiên-sinh đi thi đỗ cử-nhân, năm thứ 7 bổ Tri-huyện Tiên-minh, được 7 năm, phải bệnh mất ở chỗ làm quan. Có pho *Phong lâm minh lại thi tập* 風林鳴籟詩集 để lại. Đáng tiếc thay! tiên-sinh là người có tài có học, nếu sống thêm vài mươi năm nữa, chúng ta bây giờ, chắc cũng được thêm vài bộ sách nữa.

Tuyết trang TRẦN VĂN-NGOẠN

* * *

Việc cũ trong phủ Chúa-trịnh
Tết trung-thu

Sau khi vạc nhà Lê đã đổi, có người nữ-tì, làm thuê cho ta, là người nội-thị thời vua Tĩnh-vương, kể lại truyện trong cung rất là rõ ràng.

Mỗi năm trước tết trung-thu vài tháng vua ban ra những gấm trong cung, giao cho cung nữ, để làm đèn lồng, kể hàng nghìn cái, rất là tinh sảo, mỗi cái giá đến vài mươi lạng bạc. Đêm hôm ấy vua ra chơi Bắc-cung, trong cung có cái ao, tên Long-trì, rộng độ nửa dặm, có các thứ hoa nở đầy, như là hoa phù-dong, hoa súng và hoa ấu.

Bên cạnh ao, đất lẫn với đá, đắp thành non bộ, chỗ này le ra, chỗ kia lõm vào, mặt trước mặt sau, trông đường nào cũng có thế đẹp, chỗ tối khuất thời người ngồi hát.

Hai bên bờ đê, giồng đến vài trăm cây phù-dong cạn, đèn lồng treo trên cành cây, giăng soi đáy nước, sóng gợn rập rềnh, trông xa bóng hình như sao trên giời. Những người trong cung, từ tam phẩm giở lên, đều mặc quần áo đàn bà, bầy hàng bán hai bên đường, hàng tàu hàng ta, rượu chè hoa quả, thứ gì cũng có, chất cao bằng núi. Các người cung nữ, đi lại mua bán, thích ý thời lấy, không phải giả tiền, chỉ đua nhau bằng những câu ca rao, nhời tục ngữ, tiếng vui cười vang dậy trong ngoài.

Đến nửa đêm vua chở thuyền ra chơi, những người thị-thần phi-thiếp, tay buông chèo lái, miệng hát dò đưa, đi đi lại lại, theo sông mà bơi.

Bỗng đâu tiếng đàn tiếng sáo, tiếng họa tiếng ca, vang ầm trong động, văng vẳng đưa xa, chẳng khác gì trèo lên cung Quảng, nghe khúc Quản-thiên, của các nàng tiên gẩy vậy.

Vua trông thấy thế, lấy làm vui vẻ,

Kinh-phủ

Nhời bàn của người dịch. — Chơi giăng không gì bằng rằm tháng tám, gió mát giăng trong, đèn sáng hoa thơm, cưỡi chiếc thuyền rồng lênh đênh mặt nước, còn gì thú bằng, hỡ dễ mấy người biết chơi như thế ? mà mấy người được chơi như thế ? Vua Tĩnh-vương thật là biết đường hành lạc, phong lưu phú quí ai bì.

Tiếc rằng chơi Long-trì, khu-vũ còn hẹp, sao bằng chơi Tây-hồ rộng rãi mênh mông, nhưng chỉ e rằng hồn Lê hoàng-tử vẫn còn phảng phất đâu đấy.

***

Bà liệt-phụ họ Đoàn

Phu-nhân là vợ thứ hai ông Nguyễn-phúc-Du, con giai một ông tướng võ, lại là nanh vuốt (1) của hầu Du-tĩnh, coi đội tiên-phong về đời Cảnh-hưng; tháng 6 năm Bính-ngọ, đi đánh giặc chết trận. Bà vợ cả thì phát đi tu, phu-nhân là người thật đẹp, mà không có con, ông coi cũng như vợ cả, đến khi ông phải nạn, phu-nhân cứ nói cười như không, người nhà ai cũng lấy làm lạ.

Được ít lâu phu-nhân thu xếp công việc cửa nhà, xong đâu vào đấy, giao lại cho con, rồi đến chùa Kiến-sơ làng Phù-đổng, làm một tuần chay, tế độ cho chồng; chùa ấy là chỗ bà vợ cả ra tu ở đấy.

Làm chay xong, lại cùng với vợ cả và con chồng, ra bờ sông Thúy-ái là nơi quan tướng đã ngả ngọn cờ, đặt bài vị làm lễ chiêu-hồn, người đến xem đông như kiến. Phu-nhân mặc quần áo lượt là, đeo hoa hột chải chuốt, một mình chở chiếc thuyền con, ra giữa dòng sông, đành cho cát lấp sóng vùi. Dân chung quanh đấy, lấy làm thương xót dựng đền để thờ.

Quan huấn An-nhân, là Hà Sách-Huân, có câu thơ rằng: « *Thương thay nước cũ hai trăm lẻ, giữ vững cương thường một phụ nhân* 可憐二百餘年國。天理民彝一婦人。» Ai ai đều lấy làm truyền tụng.

Kính-phủ

Nhời bàn của người dịch. — Người ta sống ở đời, chẳng qua như đám bụi bay qua mặt giời, từ 70, 80 cho đến trăm tuổi là cùng. Thế mà nói đến tiếng chết, nghe thấy tiếng chết, từ người rất dữ tợn, cho đến kẻ rất hèn yếu, ai cũng đều sợ, chỉ vì không hiểu nhẽ chết mà thôi, đáng chết mà chết, chết cũng như sống. Vợ chồng lấy nhau, có cái tình thiên-nhiên, tâm sự trăm năm, chỉ có thể vợ chồng giãi bày cùng nhau. Ngoài vợ chồng dẫu thân thiết đến đâu, cũng không thể nói được. Vả ái-tình của người đàn bà, lại sâu hơn nữa, mà chặt hơn nữa, đã xe chỉ cùng ai, ngoài người ấy mà lại chia cái ái-tình ấy đi, thời chẳng loãng lắm ru? Cổ nhân có câu rằng: « Vợ chồng như chim liền cánh, như cây liền cành », thật là hiểu rõ ái-tình thiên nhiên.

Đoàn phu-nhân đương khi đầu xanh tuổi trẻ, không may chồng chết, lênh đênh thuyền bách, chèo lái một mình, tình cảnh còn gì khổ bằng? Sống cũng như chết, thà rằng thác đi cho rồi, phu nhân thật hiểu nhẽ chết, thật là đáng kính đáng trọng vô cùng.

Thương thay những gái quạt mồ, hại thay những gái lấy vồ đập săng, nghe truyện phu-nhân xấu hổ mà chết đi được. Chồng tử trung, vợ tử tiết, tiếng thơm mãi đến ngàn năm, như thế chết đâu mà chết?

Nhân dịch truyện phu-nhân, tôi lại mới tìm được trong một tập *Ca-trù* cũ ba bài hát ca tụng việc tử-tiết của phu-nhân. Xem đấy thì biết cái tiếng thơm người tiết-liệt thật đã lừng khắp trong xã-hội nước ta khi xưa vậy. Xin phụ đăng ba bài như sau này:

I

Nàng Đoàn-thị khá khen trinh tiết, bởi vì chồng tuẫn nghĩa quyên thân. Giả nợ rồi giọt ngọc ba tuần, dòng Thúy-ái (2) chẳng chan hơt chút. *Trầm*

(1) Nanh vuốt 牙爪 là ông tướng giỏi mà lại thân thiết.

(2) Làng Thúy-ái 翠靄 ở gần bến Thanh-Trì, huyện Thanh-Trì tỉnh Hà-đông.

tử vị ưng mai bạch cốt, phù sinh an dụng lão hồng nhan ? Ngao ngán thay tuy ngọc vỡ hoa tàn, nhưng chính-khí hãy rành rành chung thiên địa, Ba trăm lẻ dân-di thiên-lý, đứng làm giai những mặt mũi nào ? Cương-thường riêng một má đào !

II

Tựu nghĩa nhất thân khinh tự diệp, lưu danh thiên cổ trọng như san. Tiếng cồ-bề thanh động Trường-an, lòng báo quốc khá khen ông Tiền-Trạch [1]. Chạnh nghĩ kẻ giang hồn thủy phách, thác theo chồng dễ mấy Đoàn nương? Miếu phong còn nghi ngút khói hương, bút chép lấy danh phương ghi để. *Nhị-hà phong trích cương thường lệ. Thúy-ái ba đào tiết-nghĩa thân* ! Chốn trầm châu thủy kích vô trần, gương liệt-nữ đề soi người ân-ái. Cuộc trần-thế biến-di thương-hải, mảnh gương còn thiên-lý dân-di. Một vừng tiết nghĩa lưu huy !

III

Khẳng khái cần vương dị, thung-dung tựu nghĩa nan. Phận bèo mây xiết nỗi hồng nhan, lòng vàng đá khá khen ông Tiền-Trạch ! Trung-sở-sự chàng đành hết sức, nhất-nhi-chung thiếp vẹn chữ tòng. Lấy áo xanh giả nợ tơ hồng, đem lòng trắng giãi cùng vầng giăng bạc. *Kích trọc nhất thời giang hữu sắc, lưu-thanh thiên-cổ thủy vô trần.* Người liệt-nữ khách trung-thần, hương thơm đề soi chung lại thế. Nào những kẻ trung-thần nghĩa-sĩ, đề cương-thường một đấng phụ-nhân ? Nghìn năm khói tỏa giang tân !

***

Thi Hội về đời Lê

Từ khi nhà Lê trung-hưng, cứ đến khoa thi Hội, kỳ thứ nhất, đầu trống canh năm, nghi vệ chầu vua, trong ngoài đều là sẵn sàng và nghiêm chỉnh. Sáng sớm tinh sương, trước quân cảnh sau quan tất, Hoàn-thượng ngự ra đền Giảng-thư ; đức Súy-phủ đến hầu trước ngự-tọa. Hoàng-thượng đứng lên, tha lạy mời ngồi. Các quan đội mũ *phác-đầu* mặc áo *bồ-tử* đi hia đeo đai, rất là tề chỉnh.

Quan khởi-cư-thị-thần, ra đầu bài trình Hoàng-thượng, rồi quan khâm-sai, chịu mệnh của vua đề lên xe che tán, vào thẳng trường thi, ban cho học trò, đến trưa vua về cung.

Kỳ thứ 2 thứ 3 và thứ 4, đức Súy-phủ đi thay, các bề tôi theo hầu, đều đội mũ *bình-đình*, mặc áo thụng lam đi miệt buộc dải, lạy bốn lạy, đưa trình đầu bài, rồi đưa ra trường thi, cũng như trước. Đời nào cũng theo phép ấy cả. Đến khoa Ất-vị năm Cảnh-hưng, đức Tĩnh vương ra đền Giảng-thư, truyền cho các quan, triều-nghi triều-phục phải theo như là khi Hoàng-thượng ngự ra xem thi. Quan thượng-thư là Nguyễn-bá-Lân, mặc áo thường lạy bốn lạy, rồi tâu rằng : « Các vua nhà ta, đều là một lòng tôn giúp nhà Lê, đã hơn 200 năm nay, bây giờ đổi bỏ hết cả, ai trông thấy cũng lấy làm lạ mắt, chỉ tại quan sư-phó Nguyễn-Hoàn, không biết can vua, xin chém đầu ông ấy đề tạ thiên hạ ». Vua không bằng lòng, gác xe về ngay. Đến khi nhà Lê mất. có người học trò, kể truyện rằng : chiều hôm ấy thi xong, ra ngoài cửa đền, thay áo, mệt quá chợp ngủ đi mất, nghe tiếng trong đền có người nói rằng : « Tam cương đến thế là hết, quốc vận nhà Lê dài lâu sao được.» Đến khi tỉnh dậy tìm không thấy người.

Tùng-niên

---

(1) Ông Tiền-Trạch 前澤 tên hiệu chồng phu-nhân.

Nhời bàn của người dịch. — Đời bấy giờ, chưa ai biết ảnh, chúng ta bây giờ không được trông thấy uy-nghi nước cũ, thật là đáng tiếc !

Xem câu kết luận truyện này hình như ma quỉ, nhưng tôi nghĩ rằng : Lê sắp hết đời, cương thường rối loạn, người học trò mắt trông thấy thế, trong lòng tức giận ; chợt say giấc bướm, bụng nghĩ làm sao, chiêm-bao làm vậy.

Ông Nguyễn-bá-Lân cho đứng bầy vai với ông Cấp-Ẩm nhà Hán, cũng không xấu hổ, vì là uy-quyền chúa Trịnh, lấn cả vua Lê, còn đến hư-văn, cũng lại lấn nốt, tướng-công mượn Nguyễn-Hoàn nói bóng chúa Trịnh thật là can đảm, thật là vuốt râu cọp mà không sợ.

TIỂU-THUYẾT

TRUYỆN CÁI DẤU ĐỎ (1)

Tiểu-thuyết Pháp của ALFRED DE VIGNY

PHẠM QUỲNH *dịch ra quốc-ngữ*

CHƯƠNG THỨ BA

(Tiếp theo kỳ trước)

Giời vẫn mưa rả-rích ; giời sám, đất sám, tịt-mịt mênh-mông ; ánh-sáng thảm-đạm, mặt giời xanh-sám, như giấp nước, bóng đã xế sau những cái máy cối xay nhớn không quay. Hai người lại nín lặng, không nói gì nữa.

Tôi nhìn viên lão tướng ; hắn đi bước dài, xem ra sức-lực vẫn đều-đặn, mà con la thì đã thấy không thể sao được nữa, con ngựa của tôi cũng đã thấy cúi đầu xuống đất. Người trượng-phu ấy (tức là viên trung-tá) thì chốc-chốc lại cất mũ để chùi cái trán hói, cả trên đầu chỉ có mấy cái tóc sám, hoặc chùi đám lông mày, đám râu trắng, nước mưa rỏ giọt xuống ; chắc hắn cũng không nghĩ đến cái truyện hắn vừa mới kể nó ảnh-hưởng vào tôi thế nào. Trong lúc kể truyện hắn cũng không hề tự làm ra tốt hơn hay là xấu hơn cái tự-thân của mình. Hắn không muốn phô-bày mình cho người biết. Hắn không hề nghĩ đến mình ; được một khắc đồng-hồ lại cùng một giọng như trước mà bắt đầu kể một truyện nữa dài hơn nhiều, về một trận của Mã-ti-na tướng-quân, trong trận ấy hắn có bày bản-đội ra hình chữ điền (hình vuông) để chống-cự với quân kỵ-binh nào đấy. Tuy hắn nói sốt-sắng lắm để giảng-giải cho tôi rằng bộ-binh giỏi hơn kỵ-binh, mà tôi cũng không làm tai nghe.

Giời đã tối, đi không nhanh, bùn lại thêm đặc thêm sâu. Trên đường không có gì, trông cùng đường cũng không thấy gì. Hai người mới đứng dừng lại dưới gốc một cây khô, suốt đường chỉ độc có một cây ấy mà thôi. Hắn còn chăm-chút cho con la con của hắn tôi cũng chăm lấy con ngựa của tôi. Rồi hắn mới nhìn vào trong xe, khác nào như người mẹ nhìn vào cái chóng của con mình nằm vậy. Tôi nghe thấy hắn nói : « Nào, con, đắp cái áo dài này vào chân mà cố ngủ đi. — À, được ! không phải một giọt mưa nào. — À mà hại chửa ! nó đánh gẫy mất cái đồng-hồ mình đeo cổ cho nó rồi ! Tiếc thay cái đồng-hồ bằng bạc của mình ! — Thôi, chẳng hề gì, cứ cố ngủ đi, con ạ. Nay mai sắp nắng ấm đây. — Lạ thật ! nó sốt rét luôn ; người điên vẫn hay thế. Này, bánh đậu đây, ăn đi, con. »

Hắn để tựa xe vào cái cây, hai người ngồi dưới bánh xe cho khỏi nước, mưa vẫn cứ chút xuống mãi, chia nhau mỗi người một cái bánh nhỏ, gọi là bữa ăn suông vậy.

Hắn nói : — Ăn có thế này cũng tức mình, nhưng thế cũng còn hơn là thịt ngựa lùi gio, rắc thuốc đạn trên làm muối, như khi xưa đi tòng chinh bên nước Nga đã thường phải ăn như thế. Khốn nạn con bé ấy, tôi có miếng gì ngon phải để dành cho nó chứ. Ông xem tôi vẫn phải để nó ngồi riêng. Từ việc cái thư đến giờ, hắn không thể đứng gần được một người đàn ông. Tôi thì tôi đã già, hắn cũng

(1) Xem *Nam-Phong*, số 5, trang 331-334.

ra bộ tin rằng tôi là cha hắn ; dù thế mà giá tôi thử muốn hôn vào trán hắn thôi, hắn có thể bóp chết tôi ngay. Xem cái giáo-dục cũ nó vẫn còn di-truyền lại, vì không bao giờ tôi trông thấy hắn quên giấu-giếm mình-mẩy, như người nhà tu vậy. — Cũng buồn cười, nhỉ ? »

Hắn nói chị ta như thế thì hai người nghe thấy chị ta thở dài mà nói rằng : *Rút cái đạn này ra ! Rút cái đạn này ra cho tôi !* Tôi đứng dậy, hắn bảo tôi cứ ngồi xuống. Hắn nói :

« Cứ ngồi, cứ ngồi, không có gì đâu, nó nói câu ấy cả đời, vì lúc nào cũng tưởng có viên-đạn ở trong đầu. Song mà muốn bảo làm việc gì cũng làm, nhu-thuận lắm. »

Tôi nín, nghe hắn nói lấy làm buồn. Tôi mới tính từ năm 1797 đến năm bấy giờ là 1815, người trượng-phu ấy đã từng-trải như thế mười-tám năm giời rồi. — Tôi ngồi lâu bên cạnh hắn mà không nói gì, muốn giải lấy cái tâm-hồn thân-thế một con người như thế. Rồi tự dưng tôi chìa tay ra bắt tay hắn một cách rất cảm-phục. Hắn lấy làm ngạc-nhiên.

Tôi nói : — Ông quả là một người trượng-phu vậy !

Hắn đáp : — Làm sao vậy ? Có phải vì cái chị chàng khốn-nạn này không ?... Tôi tưởng bác cũng hiểu cái đó là một việc nghĩa-vụ vậy. Tôi tập cái đường vong-kỷ đã lâu rồi. »

Nói thế rồi hắn lại kể với tôi truyện Mã-ti-na tướng-quân.

Ngày hôm sau, tang-tảng sáng, chúng tôi đến Bối-thổ-ni, cái tỉnh ấy xấu mà đặt làm nơi yếu-tắc, trông cái cảnh-tượng tựa-hồ như những thành-quách thắt chặt lại ở chung-quanh mà làm cho những nhà-cửa như cái nọ ép vào cái kia. Trong thành hết thảy nhộn-nhạo cả, bấy giờ đương giữa lúc kinh-hoảng. Dân-gian đương bắt đầu rút cờ trắng ở cửa sổ, mà khâu cờ ba sắc ở trong nhà. Trống nổi dịp « cảnh-báo » ; có lệnh công-tước Đức Bối-lý (Duc de Berry), kèn thổi hiệu « lên ngựa ». Những xe chở đồ hình dài của đất Tì-cát-nhĩ-đích (Picardie) thì chở những lính của đội « một trăm lính Thụy-sĩ » [1] cùng những đồ hành-lý của họ. Đại-bác của quân Hộ-vệ đem lên tường thành, xe ngựa của các nhà vương-hầu, các cơ-đội của quân « Áo-đỏ » tập-hợp, làm ngổn-ngang cả phố-phường. Tôi trông thấy lính hiến-binh của vua cùng lính ngự-lâm, quên mất cả người bạn già đi đường với tôi. Tôi đến tiếp đội tôi, thì tôi không trông thấy hút cái xe nhỏ cùng hai người « thảm-nhân » ở trong đám đông người nữa. Tôi lấy làm tiếc lắm, vì mất hút lần ấy là mất hút đến vô-cùng vậy.

Bình-sinh tôi được lần ấy là lần thứ nhất soi vào trong một tấm-lòng chân-thực của kẻ quân-nhân. Cái sự tình-cờ gặp-gỡ ấy bày-tỏ cho tôi biết một cái tâm-tính con người, trước kia tôi chưa được biết, quốc-gia cũng xét nhầm mà đãi bạc ; từ đấy tôi bèn đặt cái bậc người ấy thật cao trong lòng hâm-mộ của tôi. Từ bấy đến nay tôi thường tìm chung-quanh tôi có người nào giống như người ấy, người nào có cái lòng vong-kỷ trọn vẹn mà « vô-tâm » được bằng người ấy không. Thì ra trong 14 năm giời tôi sinh-trưởng trong bọn nhà quân, chỉ thấy trong bọn ấy, mà nhất-là trong bộ-binh là cái hạng người thường phải khinh-dể, thường phải chịu khổ nghèo, mới có những người tính-chất cổ-nhân như thế, biết đem cái lòng nghĩa-vụ đến cùng-cực, vâng-mệnh không có hối-hận, khổ-nghèo không có xấu-hổ, giản-dị trong cách cử-chỉ ngôn-ngữ, vẻ-vang cho cái vinh-

(1) Tên đội.

hoa chung trong nước, chềnh-mảng đến cái vinh-hoa riêng của mình, thế-nhân không biết đến mà tự sướng, lại biết chia với kẻ cùng-khổ cái miếng bánh đen mà mình giả bằng máu của mình.

Mãi về sau tôi không biết viên trung-tá khốn nạn ấy rồi ra làm sao, vả chưng hắn cũng không nói tên cho tôi biết mà tôi cũng không hỏi tên hắn. Song đâu như năm 1825, có một ngày ở hàng cà-phê nhân khi đợi diễn binh tôi có kể hình dong hắn cho một viên thiếu-tá già thuộc về khinh-bộ-binh, thì viên ấy nói với tôi rằng:

« À ! tưởng ai chứ lão già ấy thì tôi có biết. Thật là một người khả-nhân vậy. Hắn bị trúng một viên đại-bác ở trận Ngõa-đức-nhĩ-lô. Hắn có để lại một đứa như đứa con gái hóa dại thật, chúng tôi nhân đi tiếp theo quân sông Loa-nhĩ (Loire) có đem về nhà thương A-miên (Amiens), được ba ngày thì nó nổi cuồng lên mà chết.

Tôi nói : — Tôi tưởng chết phải, không còn bố nuôi nữa kia mà !

Viên ấy muốn làm ra cái bộ tinh-đời và phóng-túng mà nói rằng :

— À phải ! ông bảo hắn là bố, là thế nào ?

Tôi vừa đi ra vừa đáp lại rằng : — Có hiệu chiêu-quân đấy ! — Thế là tôi, tôi cũng tập cái lòng vong-kỷ vậy.

HẾT

(Kỳ sau dịch truyện « Cái gậy song », tiếp theo với truyện « Cái dấu đỏ »).

THỜI-ĐÀM

(Từ ngày 20 tháng 11 đến ngày 20 tháng 12)

VIỆC CHIẾN-TRANH

Cái tình-thế việc chiến-tranh về bên Đồng-minh vẫn được vững vàng như trước, chỉ trừ về mặt Nga thì càng ngày càng nguy cấp mà thôi. Nhưng Đồng-minh biết cái cơ nội-loạn của nước ấy, cũng không mong gì nước ấy có thể giúp cho việc chiến-tranh được nữa. Từ khi khai chiến đến nay, các nhà chuyên môn về việc quân vẫn thường nói rằng cuộc chiến-tranh lan khắp đất Âu-châu mà nơi trung-tâm thực là ở nước Pháp, sự thắng bại tất chỉ kết-quả ở đất Pháp. Nhời ấy ngày nay thực là hiển-nhiên như thế. Dù chính-phủ nước Nga mưu việc đình-chiến, bàn sự giảng-hòa, mà muốn phản-bội Đồng-minh, cái thái-độ điên-đảo ấy cũng không có ảnh-hưởng gì đến thế-lực Đồng-minh cho lắm lắm. Đã mấy tháng nay quân Nga chỉ những đánh lẫn nhau, có giúp được tí gì cho cuộc chiến-tranh chung, thế mà quân Đồng-minh vẫn thừa sức chống-giữ, không những thế quân không núng, có phần lại mạnh thêm lên vậy. Cứ xem hạ tuần tháng trước, quân Anh ở mặt Pháp dùng công-thế đánh quân Đức thua một trận rất dữ ở gần thành Cam-bối-lai (Cambrai) thì đủ biết. Trận ấy thực là quan trọng vô cùng, mà là một việc chiến-dịch to nhất trong mấy tháng gần đây, có nhẽ cũng chẳng kém gì trận Hoa-đốn (Verdun) hồi trước.

Quân Anh khởi đầu đánh từ sáng sớm ngày 22 tháng 11, đánh suốt một dọc quân dài đến 60 cây-lô-mét. Dùng toàn bằng xe tự-động có thiết-giáp của người Anh chế ra đã được một năm nay, gọi tên là « *tanks* ». Bản-báo chưa có dịp nói đến thứ xe kiểu lạ ấy, vì quân Anh từ trước còn dùng thử, chưa đem ra đánh trận nhớn bao giờ. Lần này hết sức kinh-doanh, dựng thành một hạm-đội những xe tự-động như thế, kể hàng mấy trăm chiếc, đồng-thời thả chạy vào các hàng quân Đức bắn phá tan-tành, làm cho quân Đức kinh-hoảng vô cùng. Lối xe ấy tức là những xe tự-động (ta thường gọi theo tiếng tây là xe « ô-tô ») rất to rất mạnh, ngoài bọc vỏ sắt dày, kín mít cả, chỉ để hở chỗ bắc súng đại-bắc, bánh xe chằng giây xúc-xích, để khi chạy thì vừa chạy vừa quăng mình đi, không sợ hoặc dơi hoặc mắc vào hầm-hố của quân-giặc. Quân Anh kinh-doanh như thế, cố giữ rất bí-mật, không cho tiết-lộ ra ngoài, đến khi khởi-hành công-kích quân Đức mới biết, không kịp chống-cự lại, hại không biết bao nhiêu mà kể. Lại đất vùng ấy phẳng không có nhiều những bốc dạn ngổn ngang như các nơi khác, nên rất là tiện-lợi cho xe tự-động. Cả dọc quân chỗ ấy, quân Đức không ngờ quân Anh định đánh thế-công, không tập-hợp nhiều pháo-binh ở đấy. Nhưng trước đã sây dựng hầm-hố đồn-lũy rất kiên-cố, tức là thuộc vào hàng trận gọi là « chiến-tuyến của tướng Hưng-đăng-bảo » (*ligne de Hindenburg*). Cái « chiến-tuyến » ấy đã có tiếng là vững-vàng lắm, đặt ba hàng hầm-hố, mỗi hàng ba giấy, quân Đức vẫn tự phụ là không ai đánh nổi. Mỗi hàng lại có phên sắt rào kín, thông nhau bằng đường tuy-đạo, mỗi ngõ-ngách đặt súng cơ-quan, rất là kiên-cố và hiểm-trở. Không ngờ

quân Anh thả xe tự-động vào đè nghiến cả mà đâm thủng được cái đường « Hưng-đăng-bảo » ghê-gớm kia. Xe tự-động dọn đường rồi, bộ binh theo sau. Quân Đức kháng-tảng không kịp chống lại, bị hại rất nhiều.

Sau sự thất-bại ấy, quân Đức muốn giả thù lại, nhân mặt Nga đình-chiến, rút quân mặt ấy về mặt Pháp, hết sức công-kích, nhưng vẫn không cướp lại được những trận-địa đã mất; thế quân Pháp-Anh lại càng ngày càng mạnh thêm lên.

Kỳ trước bản-báo đã nói về việc quân Ý phải lùi hồi tháng trước. Nay đã đặt trận-địa vững-vàng ở miền hai sông Bối-lăng-đạt (Brenta) và Tỉ-á-phu (Piave), lại được quân Pháp-Anh sang giúp, chắc rằng không bao lâu lại khôi phục được trận-thế cũ.

Về các mặt quân khác thì tình-thế vẫn y-nguyên như trước, chỉ trừ về mặt Tiểu Á-tế-á, quân Anh lại mới lập được một cái chiến-tích hiển-hách nữa: là hạ được thành Gia-lỗ-tát-liêm (Jérusalem) của Thổ. Thành ấy là nơi thánh-mộ đức Gia-tô Cơ-đốc, bị nước Thổ theo đạo Hồi chiếm-cứ đã mấy thế-kỷ nay, nay lại thu-phục được như thế chắc là có ảnh-hưởng sâu trong thế-giới theo đạo Gia-tô vậy.

* * *

Về việc Nga mới có tin sau cùng như sau này:

« *Điện Nga-kinh ngày 24 tháng 12.* — Ngoại-vụ tổng-trưởng của chính-phủ cách-mệnh Nga tự đến thăm Đại-sứ Pháp ở Nga-kinh nói rằng nếu nước Đức không chịu ký hòa-ước theo nghĩa dân-chủ, thì nước Nga sẽ xướng « nghĩa-chiến » mà đánh lại. Hội-nghị hai nước Nga-Đức về việc hòa-ước họp ở Bối-liệt-đức-li-đô-khắc (Brestlitovsk), các viên đại-biểu của nước Nga trình cho các viên đại-biểu của « Tứ-quốc đồng-minh » (tức là đảng Đức, Áo, Bảo, Thổ) biết những điều yêu-cầu của chính-phủ Nga như sau này: đừng dùng binh-lực mà xâm-chiếm đất nước ngoài; giả lại quyền độc-lập của những đất nước hiện bị quân Đức chiếm-cứ; để cho các dân-quốc được quyền tự-do mà định việc chính-trị trong nước mình; không bắt bồi khoản về việc chiến-tranh, nhưng phải đền cho những người tư-dân bị tổn-hại; các chiến-quốc phải họp nhau lại mà lập một cái « quốc-tế công-khoản » (để lấy tiền đền cho người bị hại); sự bồi tổn-hại ấy không những ở nội-địa, ở thuộc-địa cũng vậy; sau khi chiến-tranh không được dùng cách « đề-chế về đường kinh-tế » (*boycottage*) mà hại lẫn nhau. » Các viên đại-biểu của « Tứ-quốc đồng-minh » xin đình nghị để về làm tờ giả nhời. »

Cứ xem nhời điện trên ấy thì biết chân-tình của việc mưu hòa nước Nga với nước Đức. Cái hòa của các viên đại-biểu Nga kể trong mấy điều yêu-cầu trên kia, xét kỹ có khác gì cái hòa của các nước Đồng-minh đương hết sức tranh-chiến cho được. Hòa ấy là hòa theo nghĩa dân-chủ, muốn tiệt cái vạ « đế-quốc-chủ-nghĩa », « quân-quốc chủ-nghĩa », tức là chủ-nghĩa của đảng Đức-Áo vậy. Đức-Áo còn giữ chủ-nghĩa ấy thì mong hòa sao được? Trước hết phải phá đổ cái mơ mộng bá-đồ của người Đức, thì thế-giới mới hòa-bình được. Các nước Đồng-minh đánh trận này cũng là chỉ vị một nghĩa ấy mà thôi. Vậy nên mừng rằng nước Nga nay đã tỉnh-ngộ mà lại quay về đường chính là đường của Công-lý Nhân-đạo vậy.

VIỆC Á-ĐÔNG

Bàn về tờ hiệp-đồng Mĩ-Nhật. — Nước Mĩ và nước Nhật mới rồi có ký một tờ hợp-đồng, các báo ở Á-đông, nhất là báo Tàu, bàn ra bàn vào nhiều

lắm. Nay xem trong « Cực-Đông thời-báo » (*L'Information d'Extrême-Orient*), có bài xã-thuyết của chủ-bút báo ấy là ông Mễ-bằng (Albert Maybon) kể tường về đầu-đuôi sự giao-thiệp của nước Mĩ với nước Nhật. Xin dịch toàn-văn như sau này :

« Hồi tháng sáu trước, chính-phủ Đông-kinh định phái một viên đặc-sứ sang Mĩ, chọn Thạch-tỉnh tử-tước (Vicomte Ishii) sung chức ấy, các báo Nhật thi nhau kê-liệt các vấn-đề ức-lượng cho là tử-tước khi sang Mĩ phải xét cùng điều-đình với chính-phủ Hoa-thịnh-đốn (Washington). Bấy giờ giữa sau khi nước Mĩ gửi quốc-thư cho chính-phủ Tàu khuyên nên giữ cho trong nước Tàu khỏi nội-loạn. Còn nhớ hồi ấy Nhật-bản được tin nao nao cả lên. Các báo Nhật thống-trách nước Mĩ can-thiệp vào việc Tàu, về bè với tổng-thống Lê Nguyên-Hồng, đối với các đảng-phái nước Tàu đương tranh cạnh nhau không chịu lấy tình chân-thực mà một lòng giữ cái thái-độ trung-lập như nước Nhật. Bởi thế mà trong cuộc giao-thiệp nước Mĩ với nước Nhật, xuất-hiện ra một đám mây mờ ám vậy.

« Kể từ năm 1913, hai bên cãi-cọ về cái luật mới của đất Cát-li-phật-ni (Californie) cấm không cho người ngoại-quốc chưa nhập-tịch Mĩ không được mua đất ruộng ở Mĩ, thì sự giao-thiệp nước Mĩ với nước Nhật cũng đã hơi có ý căng nhau rồi. Lại thêm hồi mùa xuân năm 1916, hội Thứ-dân Nghị-viện ở Hoa-thịnh-đốn quyết-nghị một đạo luật muốn bài-trừ những người ngoại-quốc không được nhập-tịch Mĩ, thì cái vấn-đề gian-nan từ xưa đến nay về sự người Nhật sang kiều-cư nước Mĩ lại xuất-hiện ra một lần nữa. Song, năm 1908 tổng-trưởng Mĩ Root với đại-sứ Nhật Takahira đã ký một đạo mật-ước, cái kết-quả về đường thực-tế cũng được nhiều điều hay, vì chính-phủ Nhật đã chịu tự nhận hạn-chế số người Nhật sang kiều-cư bên Mĩ. Nhờ đó mà điều-hòa được cái lòng vị chủng-loại của người Mĩ với cái lòng không chịu khuất của người Nhật. Nhưng sự điều-hòa ấy chẳng qua cũng là một kế tạm-thời, chưa dứt được mối sung-đột, có thể nhân một cớ gì nhỏ mà lại phát-hiện ra. Bởi thế nên đến năm 1913, tuy có tờ ước đó mà cái tình-thế ngoại-giao của hai nước lại có phần căng nhau hơn hồi năm 1907.

« Vả lại cái chính-sách của nước Mĩ đối với nước Tàu vẫn xưng là chính-sách « mở rộng cửa ngõ », chính-sách « hưởng-lợi bằng nhau » (*principe de la porte ouverte et des facilités égales*), mà nước Nhật đối với chính-sách ấy thì vẫn lấy làm không bằng-lòng, vì Nhật tự cho mình là đối với Tàu có cái nghĩa đồng-văn đồng-tục, lại thêm địa-thế giáp nhau, hiện ở đất Mãn-châu có quyền-lợi riêng nên phải có cái địa-vị đặc-biệt ở nước Tàu, địa-vị ấy không trái với cái chủ-nghĩa « lĩnh-thổ hoàn-toàn » (*intégrité territoriale*). Nhân mới chiếm-lĩnh được Thanh-đảo, lại nhân việc Âu-chiến cho cái chính-sách của Nhật-bản được một cơ-hội rất tốt, nước Nhật hồi tháng 2 năm 1915. bèn gửi cho Tàu một tờ quốc-thư gần giống như thể « tối-hậu-thư » (*ultimatum*), trong ấy kê-liệt một tập những khoản yêu-cầu rất rộng, khoản thì muốn cho Tàu phải nhận những quyền-lợi của Nhật đã được rồi hoặc khẩn-cầu cho được, đó là những khoản chính-đáng, còn những khoản quá-đáng thì tự-hồ như muốn đặt quyền bảo-hộ ở nước Tàu vậy. Nước Tàu nước Nhật hai bên bàn-bạc cãi-cọ nhau mãi, đã một lúc tưởng thành kịch-liệt, nhưng đến sau Nhật chịu rút lại những khoản dữ nhất, như những khoản thuộc về các vấn-đề cảnh-sát hành-chính trong toàn-quốc nước Tàu,

những khoản thuộc về các chuyên-quyền (*monopoles*), thuộc về sự cung-cấp dụng-cụ cho lục-quân hải-quân, về sự truyền-bá tôn-giáo, nhân đó việc mới điều-đình xong, trong tờ điều-đình nhận cho nước Nhật-bản được đặc-quyền (*privilèges*) ở Nam Mãn-châu Đông Mông-cổ, Sơn-đông và Phúc-kiến, Liệt-cường Âu-châu xem ra không có nước nào can-thiệp đến những sự điều-đình đó. Duy có nước Mĩ tuyên-cáo cho chính-phủ Tàu rằng phàm nhời hợp-ước « thương-tổn đến quyền-lợi của nước Mĩ, đến quyền chính-trị, quyền lĩnh-thổ hoàn-toàn của nước Tàu, đến cái chính-sách của liệt-cường thường gọi chính-sách « mở rộng cửa ngõ », thì nước Mĩ không nhận. Đồng-thời cũng gửi một tờ quốc-thư giống như thế cho chính-phủ Đông-kinh.

« Hồi tháng năm trước, giữa lúc việc nội-loạn nước Tàu đương nguy-cấp, Mĩ gửi quốc-thư sang khuyên răn chính-phủ Tàu, cũng là vị một chủ-nghĩa như thế.

« Xem đó thì biết dư-luận bên Mĩ chỉ sợ nhân cái tình-thế rối-loạn của nước Tàu mà Nhật-bản lại can-thiệp sang lần nữa. Mấy lần trung-cáo với chính-phủ Tàu không khỏi mất lòng Nhật-bản. Vả Nhật-bản từ khi tòa Nội-các Tự-nội (*Cabinet Teraoutchi*) lên cầm quyền đã từng công-nhiên đoan không can-thiệp đến nội-chính nước láng diềng. Bởi đó mà việc giao-thiệp nước Mĩ với nước Nhật trước đã nhân những việc sảy ra ở Cát-lí-phật-ni không được tốt lắm, nay lại càng thêm khó mãi lên. Vậy cần phải kíp phá cái đám mây hắc-ám ấy đi cho hai nước được tỏ rõ tình nhau. Bởi thế nên khi Mĩ tuyệt-giao với Đức, nhập cuộc với Đồng-minh, Nhật-bản vội vàng muốn nhân dịp đó sai một viên đặc-sứ sang Hoa-thịnh-đốn, chủ-ý không phải là để giải-quyết những vấn-đề còn dùng-dằng từ trước, chỉ muốn lấy lòng thành-thực cùng với các nhà giữ quyền chính-trị nước Mĩ bàn-bạc chung về các việc quan-hệ đến hai nước mà thôi. Vì hiện nay cần nhất là giải-tán được hết những sự hiềm-nghi nó ngăn-trở việc giao-thiệp hai nước.

« Đặc-sứ Nhật là Thạch-tỉnh tử-tước (Vicomte Ishii) tự Đông-kinh đi giữa lúc nước Mĩ hạ-lệnh cấm không cho xuất-cảng thép. Nước Mĩ phải làm thế là nhân vì sự yếu-cần trong việc chiến-tranh, mà lệnh ấy thi-hành là đối với hết thảy các nước, không phải riêng cho một mình nước nào. Nước Nhật được tin lấy làm tức giận lắm, hình như nước Mĩ cố ý hại riêng đến lợi-quyền mình. Chính-phủ Nhật không thể không làm tai nghe những nhời phản-đối của dư-luận, nhưng trong mệnh-lệnh giao cho Thạch-tỉnh tử-tước không có nói phải điều-đình việc đó với chính-phủ Mĩ để xin bỏ cái lệnh cấm xuất-cảng hoặc giảm bớt đi ít nhiều. Nhà ngoại-giao Nhật khi đến Hoa-thịnh-đốn thì thấy nước Mĩ cũng hết sức muốn cho được bằng lòng nước Nhật, nhưng cũng phải nhận mấy khoản yêu-cầu của chính-phủ Mĩ thuộc về sự giúp cho việc chiến-tranh của Đồng-minh, trong mấy khoản yêu-cầu ấy thì khoản cần-cấp hơn cả là thuộc về tàu bè, nước Mĩ hiện cần đến nhiều tàu để chở quân-lính lương-thực muốn xin nước Nhật cung-cấp cho. Xem như thế thì biết cái phương-hướng của sự thương-thuyết hai nước : nước Nhật cũng là thuộc về phe Đồng-minh, nước Mĩ thì vị Đồng-minh mà phải cần đến tàu, nếu Nhật chịu cung-cấp tàu cho Mĩ thì Mĩ sẽ giảm bớt cái lệnh cấm xuất-cảng thép sang Nhật ; rút lại cũng là một cái vấn-đề nhường lẫn nhau mà thôi. Ta chưa biết hai bên điều-đình đã được đồng-ý nhau chưa ; hiện thấy phao-truyền nhiều tin-tức khác nhau. Có người nói hai nước đã kí hiệp-ước để định sự hiệp-lực giúp

nhau về đường lục-chiến, hải-chiến, kinh-tế, nhưng đó là tin riêng, chưa chính-phủ nào công-bố điều gì về sự đó.

« Hiện nay thì mới biết được một điều chắc-thực thuộc về sự thương-thuyết của Thạch-tỉnh tử-tước ở Hoa-thịnh-đốn : điều ấy là cái chính-sách đối với nước Tàu. Vấn-đề ấy các báo cũng đã từng nghị-luận nhiều lắm, phao-truyền những tin-tức không biết thực-hư thế nào. Các báo Nhật thì hình như chỉ có một cái đầu bài chung, đầu bài chi-thiết, bàn đi bàn lại, bận ngược bàn xuôi : đầu bài ấy là cái tình-thế đặc-biệt của Nhật-bản ở Tàu. Nhân Thạch-tỉnh tử-tước diễn-thuyết ở Nữu-ước (New-york) có nói qua đến chữ « Môn-la chủ-nghĩa » (*doctrine de Monroë*), các báo Nhật nắm ngay lấy câu ấy, khua chuông gõ mõ mà xướng ra muốn đem thực-hành cái chủ-nghĩa ấy cho Á-châu. Kịp cho đến lúc nhời hợp-đồng của hai nước đã công-bố ra rồi thì nhiều các báo Nhật xem ra bằng lòng, trừ một vài điều bài-bác thuộc về hình-thức mà thôi. Cứ thực thì tờ hợp-đồng của đặc-sứ Nhật Thạch-tỉnh với tổng-trưởng Mĩ Lan-tân (LANSING) cùng nhau ký ở Hoa-thịnh-đốn, đủ khiến cho người Nhật-bản được mãn-ý là phải : vì trong tờ hợp-đồng ấy nước Mĩ vừa công-nhận nước Nhật là có lợi-quyền đặc-biệt ở Tàu, mà vừa giữ cho cái chính-sách « mở rộng cửa ngõ » của mình.

« Tờ hợp-đồng ký ngày 2 tháng 11 năm 1917, nhời rằng :

« Gần đây có những tin phao-truyền phương-hại đến hai nước chúng tôi, chúng tôi tưởng nên thay chính-phủ chúng tôi mà tuyên-cáo phân-minh cái tình-ý của nước chúng tôi đối với nước Tàu.

« Hai chính-phủ Mĩ-Nhật công-nhận rằng thuộc về quốc-tế phàm nước nào lĩnh-thổ gần nhau thì đối với nhau có sự giao-tế đặc-biệt, bởi vậy chính-phủ nước Mĩ thừa nhận nước Nhật-bản có lợi-quyền đặc-biệt ở Tàu, nhất là ở những địa-hạt tiếp-cận với thuộc-địa của Nhật.

« Tuy vậy chủ-quyền của nước Tàu vẫn phải giữ cho hoàn-toàn, chính-phủ Mĩ thâm-tin ở nhời đoan-quyết của chính-phủ Nhật rằng không có phân-biệt hơn kém mà phương-ngại đến sự buôn-bán của các nước khác, cũng không phạm đến những quyền-lợi của các nước khác đã có điều-ước với Tàu mà được.

« Hai chính-phủ Mĩ-Nhật xin tuyên-cáo không phạm đến quyền độc-lập cùng lĩnh-thổ hoàn-toàn của nước Tàu, và cố giữ cho cái chủ-nghĩa « mở rộng cửa ngõ » cùng « lợi-ích quân-binh » thuộc về công-nghiệp thương-nghiệp của các nước ở Tàu. Lại xin tuyên-cáo nữa rằng phàm những quyền-lợi đặc-biệt xâm-hại đến sự độc-lập cùng lĩnh-thổ hoàn-toàn của nước Tàu thì bất-luận chính-phủ nào thụ được, hai chính-phủ Mĩ-Nhật sẽ cùng nhau mà phản-đối. »

« Tờ hợp-đồng Thạch-tỉnh Lan-tân sẽ là một ngày kỷ-niệm trong lịch-sử ngoại-giao của nước Nhật. Từ xưa đến nay cái chính-sách của Mĩ ở Tàu vẫn là ngăn-trở thế-lực nước Nhật-bản không được tự-do khuếch-trương ra. Người Mĩ cố giữ cái chủ-nghĩa bảo-tồn cho sự độc-lập, cho lĩnh-thổ hoàn-toàn của nước Tàu, nhất-quyết phản-đối không muốn cho nước nào được quyền-lợi đặc-biệt ở Tàu, nên người Tàu vẫn coi người Mĩ là kẻ bênh-vực cho mình, mà người Nhật thì coi người Mĩ là kẻ cố-ý ngăn-trở đường dục-vọng của mình. Hồi năm 1907, liệt-cường đều ký-ước với nhau về việc Á-châu — hiệp-ước Anh-Nga, hiệp-ước Pháp-Nhật, hiệp-ước Nga-Nhật — nước Mĩ nhất-định không chịu vào cuộc nào cả, cho là những hiệp-ước ấy chỉ để giúp cho cái dã-tâm của Nhật-bản.

Nước Mĩ muốn giữ lòng thành-tín với Tàu, không chịu bội một chút nào. Song nước Mĩ không phải là không biết rằng Nhật là một nước dễ-dãi, việc gì cũng có thể điều-đình cho ổn-thỏa được, vì cái chính-sách của Đông-kinh cũng giống tinh-thần người Đông-phương mà hay điều-độ, uyển-chuyển, phải-chăng, không có quá-kích bao giờ, nếu biết khôn-khéo một chút thì việc gì mà chẳng giải xong. Nhưng trong thái-độ nước Mĩ hơi có ý ngạnh-trực, cái ngạnh-trực cao-thượng của những người đã có tôn-chỉ nhất-định, dù thế nào cũng không chịu sai một li một chút. Lại thêm từ khi chiến-tranh, nước Mĩ đã từng hai lần, tỏ lòng không tin Nhật-bản.

« Tờ hiệp-đồng mới rồi thực đã giải hết cái lòng hiềm-nghi ấy vậy. Sự điều-đình cũng đã khéo thay : hai bên Mĩ-Nhật, không bên nào phải trái cái chủ-nghĩa của mình. Người Mĩ thì vẫn xướng « rộng-mở cửa ngõ », « ích-lợi quân-bình », người Nhật cũng họa lại một điệu như thế ; nhưng lại xướng thêm câu « tinh-thế đặc-biệt », « quyền-lợi đặc-thù », nước Mĩ cũng một giọng họa lại. Hai bên xướng họa thực là hòa-hợp thay !

« Mấy câu xướng-họa ấy mới đọc đến thì tưởng là phản-trái nhau ; nhưng xét kỹ thực không phải là trái nhau. Có nhẽ khéo điều-hòa hai cái chủ-nghĩa « mở-rộng cửa ngõ » và « tinh-thế đặc-biệt », mà thành được sự kết-quả hay cho chung cả các liệt-cường và cho riêng hai nước Nhật nước Tàu vậy. Kết-quả ấy là nước Nhật nước Tàu cùng nhau quản-trị mọi việc, mà liệt-cường thì giám-đốc cho khỏi ra ngoài đường chính.

« Cốt nhất là hai nước Mĩ-Nhật đã hòa-hợp với nhau, đó là một cái triệu-chứng sau này còn điều-giải được nhiều vấn đề khác nữa. đặc-sứ Thạch-tính khi ở Hoa-thịnh-đốn tất đã xét qua đến.

« Thuộc về nước Pháp thì hồi nước Nhật gửi quốc-thư cho Tàu ngày 6 tháng 5 năm 1915, nước Pháp không từng phản-đối điều gì ; sự giao-tế hai nước vẫn theo điều ước năm 1907 (1). Chỉ nên nhớ rằng nước Pháp ở địa-giới xứ Bắc-kỳ tiếp-nhưỡng với nước Tàu cũng có cái « tình-thế đặc-biệt » như nước Nhật-bản, mà nước Nhật-bản cũng liệt-cường đã công-nhận. Như thế thì nước Pháp cũng lấy làm vui mà thừa-nhận cái chủ-nghĩa của Nhật-bản đã xướng lên, rằng « phàm hai nước lĩnh-thổ gần nhau thì đối với nhau có sự quan-hệ đặc-biệt » ; nước Pháp mừng rằng chủ-nghĩa ấy nay đã tuyên-cáo trên công-văn ngoại-giao, từ nay cứ nhất-quyết như xưa mà giữ cho nước Tàu độc-lập, cho lĩnh-thổ nước ấy hoàn-toàn, có thế thì cuộc hòa-bình ở Á-châu này mới được vững bền vậy. »

---

(1) Điều-ước Pháp-Nhật ngày 10 tháng 3 năm 1907 (đã tuyên-bố để thi-hành trong địa-hạt Đông-dương ngày 20 tháng 8 năm 1913).

Nhời tuyên-cáo. — Hai Chính-phủ Nhật-Pháp đình thương-thuyết để ký một tờ « thông-thương hợp-đồng » thuộc về sự giao-thiệp nước Nhật với xứ Đông-dương, có nhời ước-định với nhau như sau này :

Phàm quan dân Nhật-bản ở đất Đông-dương thuộc Pháp, thuộc về sinh-mệnh tài-sản sẽ được đãi đồng-hàng với nước ưu-đãi hơn nhất ; phàm thuộc-dân cùng dân bảo-hộ của nước Pháp ở Đông-dương, ở trong nội-địa Nhật-bản cũng được đãi như thế, cho đến hết hạn tờ « thông-thương hàng-hải điều-ước » của hai nước Nhật-Pháp ký ngày 4 tháng 8 năm 1896.

Nhời hợp-đồng. — Chính-phủ Dân-quốc Pháp với Chính-phủ đế-quốc Nhật-bản, muốn giữ tình hòa-hiếu với nhau cùng tránh mọi mối dị-nghị về sau, định ký nhời hợp-đồng như sau này :

VIỆC NƯỚC TÀU

Nội-các Đoàn Kỳ-Thụy vì mấy miền Tây-nam phản đối và ba viên đô-đốc Tô, Chương, Ngạc, 蘇 鐘 鄂 có điện về Bắc-kinh tỏ ý không tín dụng Đoàn, lại thêm Bắc-phương bị thua ở Hồ-nam, Phó Lương-Tá thì bỏ chạy, vì thế cho nên Đoàn phải từ chức, mà cả toà nội-các của Đoàn cũng bị đổ. Từ khi họ Đoàn đã từ chức rồi, Phùng Tổng-thống tạm dùng Uông Đại-Nhiếp (汪 大 燮) quyền làm tổng-lý, Uông vẫn cố từ không chịu làm, nhưng Phùng ép bảo làm trong một tuần lễ sẽ chọn người mà thay, cho nên các báo-quán Tàu đều mỉa họ Uông là quan Tổng-lý để giữ ấn. Người ta có nói rằng: Phùng Quốc-Chương muốn dùng Vương Sĩ-Trân (王 士 珍) để thay Đoàn Kỳ-Thụy, nhưng mà Vương Sĩ-Trân với Đoàn có tình bè bạn, cho nên không muốn đương chức ngay, để cho họ Uông tạm lĩnh, rồi sau sẽ thừa tiếp trong tay họ Uông vậy. Chúng ta tiếp được giây-thép Thượng-hải ngày 2 tháng 12 có kể ra tòa nội-các mới của Tàu bây giờ những các viên sau này:

Nội-các Tổng-lý kiêm Lục-quân tổng-trưởng Vương Sĩ-Trân; Ngoại-giao-tổng-trưởng Lục Trung-Tường (陸 徵 祥); Nội-vụ tổng-trưởng Tiền Năng-Huấn (錢 能 訓); Tài-chính tổng-trưởng Vương Khắc-Mẫn (王 克 敏); Nông-thương tổng-trưởng Điền văn-Liệt (田 文 烈); Hải-quân tổng-trưởng Lưu Quán-Hùng (劉 冠 雄); Giao-thông tổng-trưởng Tào Nhữ-Lâm (曹 汝 霖); Tư-pháp tổng-trưởng Giang Dụng (江 庸).

Thuộc về miền tây-nam thì nghe đâu nam-quân và bắc-quân đã đình-chiến mà hai bên đều phái người đến Nam-kinh để nghị hòa. Nhưng mà nghe nói rằng những các khoản yêu-cầu của Đường Kế-Nghiêu thì nhiều lắm, mà mấy viên đốc-quân ở miền bắc thì hội nhau ở Thiên-tân bàn về sự lấy vũ-lực mà đối phó với miền nam, thế cho nên không biết sự nội loạn của nước Tàu, có chóng điều đình được không.

Xét việc nước Tàu trong hai tháng sau này (tháng 11-12) thì biết cái tình-thế nước Tàu càng ngày càng rối lắm. Xem như đảng Nam được thắng-thế, vì tổng-lý Đoàn Kỳ-Thụy là người cừu-địch rất đáng ghê của đảng ấy nay đã

« Hai Chính-phủ Pháp-Nhật đồng-tình với nhau để giữ cho nước Tàu được độc-lập, thổ địa nước ấy hoàn-toàn, cùng giữ cho cuộc thông-thương, người bản-dân thuộc-dân liệt-cường ở nước ấy được đãi đồng-đẳng như nhau; hai Chính-phủ lại có cái lợi riêng, muốn bảo tồn lấy sự hòa-bình trật-tự, nhất là ở những miền nước Tàu giáp giới với các địa-hạt mà hai nước có quyền thống-trị, quyền bảo-hộ, hay là quyền chiếm-lĩnh, bèn đoan-kết sẽ giúp-đỡ lẫn nhau để giữ cuộc hòa-bình trị-an trong những miền ấy, mà bảo-tồn cho cái thế-lực cùng quyền thổ-địa của hai nước trên đại-lục Á-châu.

« Những viên đứng tên sau này:

« Stephen Pichon, Thượng-nghị-viện nghị-viên, lĩnh chức Ngoại-vụ tổng-trưởng nước Pháp; Kurino, Đặt-biệt toàn-quyền đại-sứ của Hoàng-đế Nhật-bản, sai sang gần quan Tổng-thống nước Pháp, hai người đều được phép của chính-phủ mình, ký tên, đóng triện vào tờ hợp-đồng này, để làm tin ».

Cứ như nhời điều-ước dịch trên kia thì chủ-ý hai nước Pháp-Nhật là muốn giữ cho cuộc hòa-bình ở Đông-Á này, nhất là giữ cho những đất nước Tàu giáp-giới với thuộc-địa hai nước được yên-ổn. Trong tờ hợp-đồng lại có nói hai nước sẽ ký thương-ước về sau này, mà hiện nay thì những quan-dân hai nước sang ở lẫn nhau, như người Nhật ở Đông-dương, người Đông-dương ở Nhật đều được đãi đồng hàng với nước ưu-đãi hơn nhất. Như thế thì hiện nay đường ngoại-giao của xứ Đông-dương ta được thập-phần thỏa-đáng, không điều gì quan-ngại nữa.

từ chức. Nhưng sự đắc-thắng ấy không biết có được lâu không, vì việc Tàu phiền-phức lắm. Đoàn phải từ chức chưa rõ là bởi tổng-thống Phùng, hay là bởi Lục Vinh-Đình, chỉ biết ngày 15 tháng 11, nhân có mấy viên đốc-quân Giang-Tây, Giang-Tô, Hồ-Bắc là bạn riêng của Phùng gửi giấy chất-vấn Đoàn về việc vay tiền của Nhật, mà Đoàn phải xin thôi.

Nhưng cứ xem cái sự chất-vấn của mấy viên đốc-quân ấy thì biết đảng Bắc-dương nay đã bị phân-lìa mà không được đồng-lòng nhau, không đủ chống với đảng Nam càng ngày càng mạnh; Tổng-lý Đoàn tự nghĩ vì mình cầm-quyền nên sinh ra cạnh-tranh như thế, bèn muốn vị lợi chung trong nước mà cáo về. Cả tòa Nội-các cũng biểu đồng-tình mà cùng xin từ chức.

Đoàn phải về thực là một sự đáng tiếc, các báo tây ở bên Tàu đều đồng-thanh biểu đồng-tình với Đoàn. Cứ bình-tĩnh mà xét Đoàn thực là một người quả-quyết cương-nghị, hiện nay nước Tàu chưa dễ đã có nhiều người như thế. Đã từng hai lần cứu cho tình-thế nước Tàu khỏi đến nguy-cấp. Cứ xem hồi Lê Nguyên-Hồng bị Trương Huân bách-súc, trong lúc cùng ấy mà nghĩ đến Đoàn, giao ấn nước lại cho mà giữ, thì đủ biết Đoàn thực là tay gan sắt, không phải là người thường vậy.

Nhân việc Đoàn từ-chức mà cái ngoại-tình nước Tàu cũng có điều khó-khăn, ảnh-hưởng sang cả việc chính-trị nước Nhật-bản. Nội-các Tự-Nội ở Nhật thì vốn vẫn bênh Đoàn, nay Đoàn bị đổ, thế nào đảng phản-đối bên Nhật cũng mượn việc đó mà công-kích nội-các Tự-Nội, nói rằng Nội-các đối với Tàu đã theo một chính-sách sai nhầm.

Đoàn từ-chức ngày 15 tháng 11, ngày 17 lại phục-chức, vì Tổng-thống Phùng cố giữ, đến ngày 30 tháng 11 mới là từ-chức hẳn. Vương Sĩ-Trân thay Đoàn thì nguyên làm tư-lệnh-bộ-tổng-trưởng, bạn thân với Đoàn, có tiếng là người điều-độ cẩn-thận. Đoàn muốn giúp Vương thân-hành lại chơi với đại-sứ Anh Nhật ở Bắc-kinh, nói rằng Vương sẽ cũng theo một chính-sách đối với các nước ngoài như mình khi trước, không thay đổi gì.

Trong Nội-các mới lại được ông Lục Trương-Tường sung ngoại-vụ tổng-trưởng, cũng là một cái điềm hay cho việc ngoại chính nước Tàu. Ông Lục năm xưa đã từng nhiều lần sung chức ấy, sau ra ngoài chính-cục, vẫn giữ địa-vị khách-quan, không hề can-thiệp vào những sự cạnh-tranh của bè nọ đảng kia, thực là được lòng đủ mọi người. Nhờ ông, nước Tàu có thể sánh vai với liệt-cường trong cuộc giao-tế, không đến nỗi kém vậy. Lại tài-chính tổng-trưởng là Vương Khắc-Minh cũng là một tay thạo về việc tài-chính. Ông nguyên làm quản-lý nhà « Trung-Pháp thực-nghiệp ngân-hàng » (*Banque industrielle franco-chinoise*) và nhà « Trung-hoa Ngân-hàng », thực là một người tin-cẩn có tiếng. Nhưng cứ ý-kiến các nhà báo thì tòa Nội-các này cũng là tạm-thời mà thôi, vì trong tòa không có một viên nào thuộc về đảng Nam, chắc đảng Nam thế nào cũng phản-đối, không khỏi được. Vậy mà muốn điều-hòa được hai đảng, thực không phải là việc dễ.

Cứ xem đảng Nam hiện còn yêu-cầu mấy điều như sau này, có được mới chịu về bè với Bắc, thì đủ biết vậy:

1° Phải họp lại tòa Nghị-viện cũ;

2° Phải phục lại « Lâm-thời hiến-pháp »;

3° Phải bãi ngay tòa « Tham-nghị-viện » bây giờ;

4° Phải đổi những viên đốc-quân và tỉnh-trưởng các tỉnh Hồ-nam, Tứ-xuyên, Quảng-đông, Quảng-tây, Phúc-kiến, Vân-nam, Quí-châu, lấy người khác thay vào.

Không thấy nói đến tổng-thống cũ Lê Nguyên-Hồng, vì Lê đã nhất-quyết không tham-dự việc chính-trị nữa. Nhưng mấy tướng có thế-lực như Đường Kế-Nghiêu, Lục Vinh-Đình, mỗi người cũng muốn giữ riêng phần mình ba bốn tỉnh. Sang năm phải bầu chức tổng-thống, chắc những tay ấy định mưu sẵn để tranh nhau từ bây giờ. Như thế thì chưa biết đến bao giờ các đảng-phái hòa-hợp với nhau được.

Trong lúc đảng Bắc-dương lục-đục phân-lìa nhau, thì đảng Nam thừa-cơ mà khoáng-trương thế-lực ra. Hiện đã lấy được tỉnh Hồ-nam, chiếm được cửa Sơn-đầu 汕頭 (Swatow) và một phần tỉnh Phúc-kiến. Nhất-diện thì quân Vân-nam có quân Qui-châu giúp đã chiếm được Trùng-khánh ở Tứ-xuyên. Tuy đầu tháng 12 này bị thua ở Tự-phủ 敍府 (Sui-fou), nhưng thế quân cũng vẫn còn mạnh. Nói rút lại thì về đường quân-sự, đảng nhẽ thì đảng Bắc được phần hơn mà hiện nay phải chịu kém một ít lâu, là vì các đốc-quân đảng Bắc không được hòa-hợp với nhau.

Cái mục-đích của đảng quốc-dân (tức là đảng Nam), là muốn lấy quyền văn mà thay vào quyền võ. Nhưng bọn đốc-quân phía Bắc họp nhau lại để phản-đối, cái thế-lực rất mạnh, đảng nam không thể mong phá đổ được. Tuy nay thế-lực ấy vì sự cạnh-tranh lẫn nhau mà kém đi, nhưng gặp nguy-cấp cũng có thể khôi-phục lại được. Hiện có đảng Trực-lệ và đảng An-huy vẫn còn mạnh lắm.

Cứ xét kỹ thì đảng Nam không có cơ thắng-lợi được, vì nếu có thắng-lợi tất lại bị những bọn đốc-quân giúp mình chiếm-đoạt mất cái kết-quả, thành ra rút lại cái thế-lực của đảng ấy vẫn phải chịu phần kém. Như thế thì cái mối cạnh-tranh còn lâu chưa chắc đã dứt được vậy.

Báo nước Anh ở Thượng-hải có mấy bài bình-phẩm về nội-chính nước Tàu, dịch mấy đoạn sau này theo báo « Trung-Pháp vựng-báo » (*Echo de Chine*). Nhời rằng .

« Cái vận nước Tàu đã đến ngày cùng. Người Tàu trước kia tưởng phá-đổ nhà Mãn-Thanh để cải-lương lại việc chính-trị trong nước, thử xét ngày nay đã cải-lương được những gì ? Kể từ đấy đến nay đã 6 năm giời rồi, chỉ thấy hết loạn ấy đến loạn khác, bè nọ đảng kia tranh nhau đánh nhau, chẳng được việc gì ích-lợi. Chỉ thấy tướng nọ tướng kia xâu-xé nhau, tỉnh nọ tỉnh kia đánh lẫn nhau mà thôi.

« Từ năm 1911 đến nay những tiền chính-phủ thu được để làm gì mà trong dân-gian chỉ thấy chỗ này lụt, chỗ kia đói, chỗ này trộm cướp, chỗ kia đốt phá mà thôi. Trong nước thì phân-lìa nhau, công-khố thì trống rỗng mà chính-phủ thì vô-lực. Cái tình-hình nước Tàu đã đến thế, thì người Anh người Mĩ ở Tàu phải hiệp-lực để giữ quyền-lợi cho nhau, không nên tranh-cạnh lẫn nhau làm gì. Phải cố mà đề-xướng lấy một cái chính-sách có thể giúp cho nước Tàu khôi-phục lại được. Đến khi đã tìm được một cái chính-sách như thế rồi thì mỗi nước nên bàn với chính-phủ mình phải đem chính-sách ấy mà bắt Bắc-kinh theo, có thế thì nước Tàu mới mong yên-ổn được. »

Báo « Trung-Pháp vựng-báo » đăng mấy nhời ấy rồi, bình-phẩm rằng : « Nhà làm báo Anh nói thế thì cũng khí quá vì làm thế tức là can-thiệp vào việc nội-chính nước Tàu, điều đó rất là không nên. Vả nước Tàu là nước giữ cái chủ-nghĩa « trung-dung », không khi nào làm việc gì đến quá độ bao giờ ; những lúc nguy-cấp tưởng không sao cứu vớt lại được, thế mà rồi cũng có ngày điều-đình xong mà yên-ổn

được một độ, sau lại rối-loạn nữa cũng không biết đâu. Song cũng phải chịu rằng cái tình-thế nước Tàu ngày nay đương buổi nguy-cơ, nguy đến nỗi khiến cho người ngoài phải lo thay cho mà mưu muốn can-thiệp đến việc nội-chính nước ấy; sự đó chẳng nhục cho chính-phủ Tàu lắm ru ? »

VIỆC ĐÔNG-DƯƠNG

KẾT-QUẢ CUỘC QUỐC-TRÁI. — Cuộc quốc-trái mở ngày 16 tháng 11, đến ngày 26 tháng 12 thì hết hạn. Trong khoảng ba tuần lễ ấy, xứ Đông-dương ta đã dự một phần to vào việc công-nghĩa, thực là vẻ-vang cho cái thuộc-quốc nhớn nhất của nước Đại-Pháp vậy. Cứ xem những số tiền thu được ở các sở kho bạc, các nhà ngân-hàng, cứ xem số người mua vé trong toàn-hạt Đông-dương thì biết xứ ta giầu có mà dân ta trung-thành với nhà-nước là dường nào. Ngày 21 tháng 12, quan Toàn-quyền điện cho các quan thủ-hiến các xứ biết cái kết-quả cuộc quốc-trái trong ba tuần lễ như sau này.

Các kho bạc công thu được :

Tuần thứ nhất . . .	1.656.058 fr 55
— nhì	4.964.359 , 05
— ba	23.540.638 , 80
Cộng là . . .	30.161.056 fr 40

Các nhà ngân-hàng thu được :

Tuần thứ nhất . . .	2.950.000 fr 00
— nhì	3.600.000 , 00
— ba	8.669.028 , 65
Cộng là	15.219.028 fr 65

Đó là mới tính những số vé « không giảm-trừ » (*irréductibles*) [1], nghĩa là dưới 300 quan tiền-lãi đồng-niên, còn những số vé «có giảm-trừ»(*réductibles*), nghĩa là trên 300 quan tiền lãi đồng-niên, thì các sở kho-bạc thu được 2.182.471 fr 60.

Nhưng cái số 2.182.471 fr 60 ấy là tính cho phân-biệt đó mà thôi. Cứ theo nhời nghị-định của bộ Tài-chính bên Pháp thì những vé quốc-trái ở Đông-dương cho tính theo vào hạng « không giảm-trừ » cả. Như thế thì những số trên kia đều là số thực tiền thu được bấy nhiêu. Tổng-cộng lại thì thành :

(30.161.056 f 40) + (15.219.028 f 65) + (2.182.471 f 60) = 47.562.556 f 65

tức là **47 triệu, 56 vạn, 2 nghìn, 5 trăm 56 quan, linh 65.**

Đó là thực số thu được ; nếu tính cả những số ngân-phiếu trái-phiếu trao đi đổi lại thì được đến ngót 70 triệu.

Số những người mua vé gần được 6 vạn người.

So với hai cuộc quốc-trái trước thì lần này kết-quả hơn gấp ba những lần trước.

Bởi sao mà được như thế ? Bởi cái chính-sách khôn-khéo của quan Toàn-quyền XA-LỘ, ngài đã biết thu phục lòng dân, khiến cho người bản-xứ một lòng tin cậy ở cuộc toàn-thắng của nước Đại-Pháp. Trong nhời bá-cáo cho dân Đông-dương về việc quốc-trái, ngài có nói ngài đã cam-đoan với bên bộ rằng xứ Đông-dương sẽ làm hết nghĩa-vụ đối với Mẫu-quốc, ngài mong dân ta không đến nỗi làm cho ngài phải sai nhời ước. Ngày nay cuộc quốc-trái kết-quả như vậy, tưởng dân ta cũng không đến nỗi phụ lòng tin mong của quan Toàn-quyền XA-LỘ vậy.

(1) « Không giảm-trừ » tức là nộp bao nhiêu thu cả bấy nhiêu, đến sau cái tổng-số quốc-trái có được ngoài 1 vạn triệu, nghĩa là ngoài cái số đã định, thì nhà nước cũng không giả bớt lại. « Có giảm trừ » là đến khi ấy sẽ giả bớt lại.

QUAN TOÀN-QUYỀN CÒN Ở LẠI SÀI-GÒN. — Quan Toàn-quyền trước tưởng ra Hà-nội trong năm tây này, nhân việc tổ-chức đội thương-thuyền, còn phải ở lại Sài-gòn mấy bữa nữa, có nhẽ độ ngày 10 tháng giêng thì tới đây.

Khi ra Hà-nội dễ ngài cũng tạt qua vào Kinh để yết-kiến Hoàng-thượng và định ngày mời Hoàng-thượng ra chơi Bắc-kỳ.

* * *

HOÀNG-THƯỢNG SẮP RA CHƠI BẮC-KỲ. — Bản-báo được tin riêng biết rằng Hoàng-thượng sắp ra tuần-du Bắc-kỳ. Quan dân xứ Bắc tất ai ai cũng vui lòng mà hoan-nghênh tin ấy, mong đợi đến ngày được đón rước đứng Quân-chủ ta. Bắc-kỳ trong khoảng 10, 15 năm nay, về đường công-nghiệp, thương-nghiệp đã tiến-bộ nhiều. Những nơi đô-hội tỉnh-thành mở mang ra rộng rãi, đường phố thênh-thang, cửa hàng xan-xát, kẻ đi người lại, rộn rịp cả ngày. Nhất là hai thành-phố Hà-nội Hải-phòng, thực có thể liệt vào bậc những đô-hội nhớn nhất trong cõi Á-đông. Hà-nội tuy xưa là Thăng-long cố-đô, nhưng ba mươi sáu phố phường ngày xưa thấm vào đâu với mấy trăm con đường rộng ngày nay, hai bên cây rợp, lầu gác nguy-nga, chạy thẳng-băng như kẻ thước? Hải-phòng thì thực là công-nghiệp người Pháp xây-dựng lên. Trước khi Đại-Pháp sang bảo-bộ thì chỗ ấy chẳng qua là một cái bến nhỏ, một đám thôn-lạc lơ-thơ, mà bây giờ thành một cửa bể nhớn, hàng-hóa thổ sản trong nước vận ra, ở ngoài thâu vào cũng đò một đấy. Mà sự biến-cách ấy chỉ trong khoảng 30 năm, xem thế thì đủ biết cái công khai-hóa của nước Đại-Pháp ở xứ này nhớn-nhao là chừng nào. Hoàng-thượng ra đây trông thấy những cảnh-tượng rực-rỡ như thế tất cũng mừng thay cho lũ dân xứ Bắc nhờ ơn Bảo-hộ mà được hưởng phúc lành an-cư lạc-nghiệp như vậy. Hoàng-thượng mừng cho bọn ta bao nhiêu tất đem lòng thương yêu bọn ta bấy nhiêu, bao giờ cũng nhớ rằng ngoài này có 6, 7 triệu con dân một lòng một dạ với Triều-đình, với chính-phủ Bảo-hộ, chỉ nguyện hết sức làm ăn học-hành cho nước được giàu dân được mạnh. Như thế thì Hoàng-thượng ra tuần-du ngoài Bắc chẳng phải là một dịp rất hay cho dân ta tỏ lòng trung-thành với Triều-đình ru?

* * *

CÁI VẤN-ĐỀ VỀ ĐỘI THƯƠNG-THUYỀN CỦA ĐÔNG-DƯƠNG. — Cái vấn-đề về đội thương-thuyền của Đông-dương hiện đã đến ngày giải-quyết. Hồi « Chính-phủ-hội-nghị » họp tại Sài-gòn tháng trước, đã bàn kỹ về cái chương-trình của chính-phủ, sang năm bắt đầu thực-hành được. Sau này ta sẽ có dịp bàn kỹ về cái vấn-đề ấy.

* * *

SẮP BAN-HÀNH THỂ-LỆ MỚI VỀ VIỆC HỌC. — Quan Toàn-quyền đã ký nghị-định ngày 22 tháng 12 ban-hành một tập thể-lệ mới về việc học cho toàn-hạt Đông-dương. Thể-lệ ấy thực là cái hiến-pháp chung của sự giáo-dục trong bản-xứ. Từ xưa đến nay việc giáo-dục troug ba xứ Bắc-kỳ, Trung-kỳ. Nam-kỳ, mỗi nơi theo một chương-trình, một thể-lệ riêng, thành ra không được nhất-chí, sinh nhiều điều phiền-nhiễu. Từ nay có thể-lệ mới này thì tránh được nhiều sự bất-tiện mà khiến cho công giáo-dục của nhà nước Đại-Pháp được thành-hiệu hơn xưa. Sau này bản-báo sẽ có bài bàn về việc học mà giải-thích cái thể-lệ mới ấy.